



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



# BÁO CÁO

Môn: Công nghệ phần mềm

## WEBSITE CUNG CẤP

## DỊCH VỤ ĐẶT BÀN TRỰC

## TUYẾN

Giảng viên: Ths. Thái Thị Thanh Thảo

Mã số nhóm: 14

Tên thành viên	Mã số sinh viên
Lê Văn Anh	22DH114435
Nguyễn Thị Thuỳ Dương	22DH114488
Lương Tiến Đạt	22DH114497
Nguyễn Huỳnh Phú Quý	22DH113081
Lê Văn Thiện	22DH113465

---

---

---

# MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>1</b>
<b>DANH MỤC HÌNH .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU.....</b>	<b>1</b>
1.1. <i>Mô hình cơ cấu tổ chức .....</i>	<i>1</i>
1.1.1. <i>Mô tả mô .....</i>	<i>1</i>
1.1.2. <i>Sơ đồ tổ chức .....</i>	<i>1</i>
1.1.3. <i>Ý nghĩa các bộ phận .....</i>	<i>1</i>
1.2. <i>Nhu cầu người dùng và Yêu cầu của phần mềm (NGHIỆP VỤ) .....</i>	<i>2</i>
1.3. <i>Biểu mẫu và quy định .....</i>	<i>10</i>
1.3.1. <i>BM01: [Danh sách khách hàng] .....</i>	<i>10</i>
1.3.2. <i>BM02: [Thông kê số lần đặt bàn của khách hàng] .....</i>	<i>10</i>
1.3.3. <i>BM03: [Danh sách đối tác] .....</i>	<i>10</i>
1.3.4. <i>BM04: [Xác nhận đơn đăng ký của đối tác] .....</i>	<i>11</i>
1.3.5. <i>BM05: [Thông kê theo đơn đặt bàn của nhà hàng] .....</i>	<i>12</i>
1.3.6. <i>BM06: [ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN] .....</i>	<i>12</i>
1.3.7. <i>BM07: [KHÁCH HÀNG MUỐN ĐẶT BÀN] .....</i>	<i>13</i>
1.3.8. <i>BM08: [KHÁCH HÀNG MUỐN ĐÁNH GIÁ] .....</i>	<i>14</i>
1.3.9. <i>BM09: [LẤY LẠI MẬT KHẨU] .....</i>	<i>14</i>
1.3.10. <i>BM10: [Lịch sử đặt bàn] .....</i>	<i>15</i>
1.3.11. <i>BM11: [Thông kê doanh thu] .....</i>	<i>16</i>
1.3.12. <i>BM12: [Thông tin chi tiết nhà hàng] .....</i>	<i>17</i>
1.3.13. <i>BM13: [Biểu mẫu đăng ký tài khoản đối tác] .....</i>	<i>18</i>
1.4. <i>Danh sách yêu cầu .....</i>	<i>19</i>
1.4.1. <i>Danh sách yêu cầu nghiệp vụ .....</i>	<i>19</i>
1.4.2. <i>Danh sách yêu cầu tiến hóa .....</i>	<i>20</i>
1.4.3. <i>Danh sách yêu cầu công nghệ .....</i>	<i>21</i>
1.5. <i>Bảng mô tả chi tiết yêu cầu nghiệp vụ .....</i>	<i>22</i>
1.5.1. <i>[Đề xuất nhà hàng] .....</i>	<i>22</i>

---

1.5.2.	[Đè xuất trên dịch vụ].....	22
1.5.3.	[Đè xuất dựa trên đơn đặt] .....	23
1.5.4.	[Tạo bảng giá dịch vụ] .....	24
1.5.5.	[Tìm kiếm] .....	24
1.3.6.	[Xem thông tin khách hàng] .....	25
1.3.7.	[Thống kê đặt bàn của từng khách] .....	25
1.3.8.	[Xem thông tin đối tác] .....	26
1.3.9.	[Xoá thông tin đối tác] .....	26
1.3.10.	[Cập nhật thông tin đối tác] .....	27
1.3.11.	[Thống kê đơn đặt của đối tác] .....	28
1.3.12.	[Xác nhận đơn đăng ký] .....	28
1.3.13.	[Phân quyền cho đối tác].....	29
1.3.14.	[Thông báo xác nhận] .....	30
1.3.15.	[Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin].....	30
1.3.16.	[Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng].....	31
1.3.17.	[Lượng truy cập website].....	32
1.3.18.	[Tìm địa chỉ] .....	32
1.3.19.	[Tìm kiếm nhà hàng] .....	33
1.3.20.	[Tìm món ăn] .....	33
1.3.21.	[Lọc danh mục món ăn] .....	34
1.3.22.	[Lọc địa điểm] .....	35
1.3.23.	[Lọc bài viết] .....	35
1.3.24.	[Bổ sung thông tin] .....	36
1.3.25.	[Chỉnh sửa thông tin] .....	36
1.3.26.	[Xem lịch sử đặt bàn] .....	37
1.3.27.	[Đăng xuất] .....	38
1.3.28.	[Xác nhận đăng xuất] .....	38
1.3.29.	[Reset Password] .....	39
1.3.30.	[Đánh giá] .....	40
1.3.31.	[Xác nhận đặt bàn] .....	40

---

1.3.32. [Thanh toán cọc] .....	41
1.3.33. [Huỷ đặt bàn] .....	42
1.3.34. [Thêm vào danh mục yêu thích] .....	42
1.3.35. [Đăng ký] .....	43
1.3.36. [Gửi yêu cầu] .....	44
1.3.37. [Nhận thông báo xác nhận] .....	44
1.3.38. [Quản lý địa chỉ] .....	45
1.3.39. [Quản lý bài viết] .....	45
1.3.40. [Đăng bài viết] .....	46
1.3.41. [Xoá bài viết] .....	47
1.3.42. [Chỉnh sửa bài viết] .....	47
1.3.43. [Quản lý Combo món ăn] .....	48
1.3.44. [Chỉnh sửa combo] .....	48
1.3.45. [Thêm combo] .....	49
1.3.46. [Gửi yêu cầu] .....	50
1.3.47. [Nhận thông báo xác nhận] .....	50
1.3.48. [Xem chi tiết đơn đặt] .....	51
1.3.49. [Cập nhật trạng thái] .....	51
1.3.50. [Xác nhận đặt] .....	52
1.3.51. [Xác nhận hoàn thành] .....	53
1.3.52. [Tùy chỉnh đặt] .....	53
1.3.53. [Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT] .....	54
1.3.54. [Xem thống kê doanh thu] .....	55
1.3.55. [Xem thống kê đặt bàn] .....	55
1.3.56. [Xem thống kê đánh giá] .....	56
1.3.57. [Thanh toán dịch vụ] .....	56
1.3.58. [Quản lý số lượng bàn theo giờ] .....	57
1.3.59. [Thông báo] .....	58
1.3.60. [Quản lý phản hồi của khách hàng] .....	58
1.3.61. [Xem phản hồi khách hàng] .....	59

---

---

<b>CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HÓA YÊU CẦU.....</b>	<b>60</b>
2.1. <i>Usecase Diagram</i> .....	60
2.1.1. <i>Sơ đồ tổng quát</i> .....	60
2.1.2. <i>Sơ đồ chi tiết [ Người dùng ]</i> .....	61
2.1.3. <i>Sơ đồ chi tiết [ Khách hàng ]</i> .....	62
2.1.4. <i>Sơ đồ chi tiết [ Đối tác ]</i> .....	63
2.1.5. <i>Sơ đồ chi tiết [ Admin ]</i> .....	64
2.2. <i>Bảng Usecase</i> .....	65
2.3. <i>Đặc tả Usecase</i> .....	67
2.3.1. <i>UC [Đè xuất nhà hàng]</i> .....	67
2.3.2. <i>UC [Đè xuất trên dịch vụ]</i> .....	69
2.3.3. <i>UC [Đè xuất dựa trên đơn đặt]</i> .....	70
2.3.4. <i>UC [Tạo bảng giá dịch vụ]</i> .....	70
2.3.5. <i>UC [Quản lý thông tin khách hàng]</i> .....	71
2.3.6. <i>UC [Tìm kiếm]</i> .....	72
2.3.7. <i>UC [Xem thông tin khách hàng]</i> .....	73
2.3.8. <i>UC [Thống kê đặt bàn của từng khách]</i> .....	74
2.3.9. <i>UC [Xem thông tin đối tác]</i> .....	75
2.1.1. <i>UC [Quản lý thông tin đối tác]</i> .....	76
2.1.2. <i>UC [Xoá thông tin đối tác]</i> .....	77
2.1.3. <i>UC [Cập nhật thông tin đối tác]</i> .....	78
2.1.4. <i>UC [Thống kê đơn đặt của đối tác ]</i> .....	79
2.1.5. <i>UC [Xác nhận đơn đăng ký]</i> .....	80
2.1.6. <i>UC [Phân quyền cho đối tác ]</i> .....	80
2.1.7. <i>UC [Thông báo xác nhận ]</i> .....	82
2.1.8. <i>UC [Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin]</i> .....	82
2.1.9. <i>UC [Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng ]</i> .....	83
2.1.10. <i>UC [Lượng truy cập website ]</i> .....	84
2.1.11. <i>UC [Tìm kiếm thông tin]</i> .....	85
2.1.12. <i>UC [Tìm địa chỉ ]</i> .....	86

---

2.1.13.	<i>UC [Tìm kiếm nhà hàng]</i> .....	87
2.1.14.	<i>UC [Tìm món ăn]</i> .....	88
2.1.15.	<i>UC [Lọc danh mục món ăn]</i> .....	89
2.1.16.	<i>UC [Lọc địa điểm]</i> .....	90
2.1.17.	<i>UC [Lọc tên nhà hàng]</i> .....	91
2.1.18.	<i>UC [Quản lý thông tin cá nhân]</i> .....	92
2.1.19.	<i>UC [Xem lịch sử đặt bàn]</i> .....	93
2.1.20.	<i>UC [Đăng xuất]</i> .....	94
2.1.21.	<i>UC [Xác nhận đăng xuất]</i> .....	95
2.1.22.	<i>UC [Đăng nhập]</i> .....	96
2.1.23.	<i>UC [Reset Password]</i> .....	97
2.1.24.	<i>UC [Đặt bàn]</i> .....	98
2.1.25.	<i>UC [Đánh giá]</i> .....	99
2.1.26.	<i>UC [Xác nhận đặt bàn]</i> .....	101
2.1.27.	<i>UC [Thanh toán cọc]</i> .....	102
2.1.28.	<i>UC [Huỷ đặt bàn]</i> .....	103
2.1.29.	<i>UC [Xem thông tin nhà hàng]</i> .....	105
2.1.30.	<i>UC [Thêm vào danh mục yêu thích]</i> .....	106
2.1.31.	<i>UC [Đăng ký]</i> .....	107
2.1.32.	<i>UC [Đăng ký hợp tác]</i> .....	108
2.1.33.	<i>UC [Nhận thông báo xác nhận]</i> .....	110
2.1.34.	<i>UC [Quản lý thông tin nhà hàng]</i> .....	111
2.1.35.	<i>UC [Quản lý địa chỉ]</i> .....	111
2.1.36.	<i>UC [Quản lý bài viết]</i> .....	112
2.1.37.	<i>UC [Đăng bài viết]</i> .....	113
2.1.38.	<i>UC [Xoá bài viết]</i> .....	114
2.1.39.	<i>UC [Chỉnh sửa bài viết]</i> .....	115
2.1.40.	<i>UC [Quản lý Combo món ăn]</i> .....	116
2.1.41.	<i>UC [Chỉnh sửa combo]</i> .....	117
2.1.42.	<i>UC [Thêm combo]</i> .....	118

---

2.1.43.	UC [Đăng ký hợp tác] .....	119
2.1.44.	UC [Gửi yêu cầu] .....	119
2.1.45.	UC [Nhận thông báo xác nhận] .....	120
2.1.46.	UC [Nhận thông báo đặt bàn].....	121
2.1.47.	UC [Xem chi tiết đơn đặt] .....	122
2.1.48.	UC [Quản lý đơn đặt bàn].....	123
2.1.49.	UC [Cập nhật trạng thái] .....	124
2.1.50.	UC [Xác nhận đặt] .....	124
2.1.51.	UC [Xác nhận hoàn thành] .....	125
2.1.52.	UC [Tùy chỉnh đặt] .....	126
2.1.53.	UC [Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT].....	127
2.1.54.	UC [Xem thống kê doanh thu].....	128
2.1.55.	UC [Xem thống kê đặt bàn].....	129
2.1.56.	UC [Xem thống kê đánh giá].....	130
2.1.57.	UC [Thanh toán dịch vụ].....	131
2.1.58.	UC [Quản lý số lượng bàn theo giờ].....	132
2.1.59.	UC [chăm sóc khách hàng] .....	133
2.1.60.	UC [Thông báo] .....	133
2.1.61.	UC [Quản lý phản hồi của khách hàng].....	134
2.1.62.	UC [Xem phản hồi khách hàng] .....	135
2.2.	Activity Diagram .....	137
2.2.1.	Quy trình [Đăng ký] .....	138
2.2.2.	Quy trình [Đăng nhập] .....	139
2.2.3.	Quy trình [Lọc thông tin] .....	140
2.2.4.	Quy trình [Lọc địa điểm] .....	141
2.2.5.	Quy trình [Tìm kiếm] .....	142
2.2.6.	Quy trình [Đặt bàn] .....	143
2.2.7.	Quy trình [Đánh giá] .....	144
2.2.8.	Quy trình [Đề xuất nhà hàng] .....	145
2.2.9.	Quy trình [Tạo bảng giá dịch vụ] .....	146

---

---

2.2.10.	<i>Quy trình [Xem thông tin khách hàng]</i>	147
2.2.11.	<i>Quy trình [Xem thông tin đối tác]</i>	148
2.2.12.	<i>Quy trình [Phân quyền cho đối tác]</i>	149
2.2.13.	<i>Quy trình [Quản lý bài viết]</i>	150
2.2.14.	<i>Quy trình [Xoá bài viết]</i>	151
2.2.15.	<i>Quy trình [Chỉnh sửa bài viết]</i>	152
2.2.16.	<i>Quy trình [Quản lý đơn đặt bàn]</i>	153
2.2.17.	<i>Quy trình [Xác nhận đặt]</i>	154
2.2.18.	<i>Quy trình [Xác nhận hoàn thành]</i>	155
2.2.19.	<i>Quy trình [Tù chối đặt]</i>	156
2.3.	<i>Sequence Diagram</i>	157
2.3.1.	<i>Quy trình [Chỉnh Sửa Combo]</i>	157
2.3.2.	<i>Quy trình [Quy trình [Thêm chi nhánh]]</i>	158
2.3.3.	<i>Quy trình [Đăng bài viết]</i>	159
2.3.4.	<i>Quy trình [Thêm combo]</i>	160
2.3.5.	<i>Quy trình [Cập nhật trạng thái]</i>	160
2.3.6.	<i>Quy trình [Quản lý thông tin đối tác]</i>	161
2.3.7.	<i>Quy trình [Xác nhận đơn đăng ký]</i>	162
2.3.8.	<i>Quy trình [Xem lịch sử đặt bàn]</i>	163
2.3.9.	<i>Quy trình[Reset Password]</i>	163
2.3.10.	<i>Quy trình[Chỉnh sửa thông tin người dùng]</i>	164
2.3.11.	<i>Quy trình[Đăng xuất]</i>	164
2.3.12.	<i>Quy trình[Thêm nhà hàng vào mục yêu thích]</i>	165
2.3.13.	<i>Quy trình[Hủy đặt bàn]</i>	165
2.4.	<i>Class Diagram</i>	166
2.5.	<i>Statechart Diagram</i>	167
<b>CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU</b>		<b>168</b>
3.1.	<i>Sơ đồ ERD</i>	168
3.2.	<i>Chi tiết các bảng</i>	168
3.2.1.	<i>Bảng PHANQUYEN</i>	168

---

3.2.2.	<i>Bảng LOAI_NH</i>	169
3.2.3.	<i>Bảng LOAI_NH_DOITAC</i>	169
3.2.4.	<i>Bảng NGUOIDUNG</i>	169
3.2.5.	<i>Bảng CHINHANH</i>	170
3.2.6.	<i>Bảng COMBOMONAN</i>	171
3.2.7.	<i>Bảng IMGDOITAC</i>	171
3.2.8.	<i>Bảng BAIVIETDT</i>	172
3.2.9.	<i>Bảng DOITAC</i>	172
3.2.10.	<i>Bảng THONGBAO</i>	174
3.2.11.	<i>Bảng THONGBAO_NGUOINHAN</i>	175
3.2.12.	<i>Bảng TRANGTHAIDON</i>	175
3.2.13.	<i>Bảng DONDATBAN</i>	175
3.2.14.	<i>Bảng DANHGIA</i>	177
3.2.15.	<i>Bảng THANHTOAN</i>	177
3.2.16.	<i>Bảng DICHVUCC</i>	178
3.3.	Các câu SQL theo biểu mẫu	178

## **CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ GIAO DIỆN..... 188**

4.1.	Tiêu chuẩn thiết kế giao diện	188
4.1.1.	Tiêu chuẩn đối với các màn hình	188
4.1.2.	Tiêu chuẩn đối với các yếu tố trên màn hình	189
4.2.	Sơ đồ giao diện tổng quát	189
4.3.	Giao diện chi tiết	190
4.3.1.	Màn hình giao diện Trang chủ	190
4.3.2.	Màn hình giao diện Đăng nhập	191
4.3.3.	Màn hình giao diện Đăng ký	192
4.3.4.	Màn hình giao diện Trang thông tin tài khoản	193
4.3.5.	Màn hình giao diện Trang Quản lý mật khẩu	194
4.3.6.	Màn hình giao diện Trang Lịch sử đơn đặt chở	195
4.3.7.	Màn hình giao diện Trang đánh giá	196
4.3.8.	Màn hình giao diện Trang hủy đơn đặt bàn	197

---

4.3.9.	Màn hình giao diện Trang danh sách đối tác.....	198
4.3.10.	Màn hình giao diện Trang xem chi tiết đối tác.....	199
4.3.11.	Màn hình giao diện Trang danh sách người dùng .....	200
4.3.12.	Màn hình giao diện Trang danh sách dịch vụ .....	201
4.3.13.	Màn hình giao diện Trang danh sách đơn xin đăng ký .....	202
4.3.14.	Màn hình giao diện Trang danh sách loại nhà hàng.....	203
4.3.15.	Màn hình giao diện Trang thông tin đối tác.....	204
4.3.16.	Màn hình giao diện Trang chỉnh sửa bài viết đối tác.....	205
4.3.17.	Màn hình giao diện Trang đơn chờ xác nhận.....	206
4.3.18.	Màn hình giao diện Trang đơn đã xác nhận .....	207
4.3.19.	Màn hình giao diện Trang đơn đã hoàn thành.....	208
4.3.20.	Màn hình giao diện Trang đơn bị hủy .....	209
4.3.21.	Màn hình giao diện Trang thêm hình ảnh .....	210
4.3.22.	Màn hình giao diện Trang quản lý chi nhánh .....	211
4.3.23.	Màn hình giao diện Trang quản lý combo món ăn.....	212
4.3.24.	Màn hình giao diện Trang thống kê .....	213
4.3.25.	Màn hình giao diện Trang chi tiết nhà hàng .....	214
4.3.26.	Màn hình giao diện Trang combo .....	215
4.3.27.	Màn hình giao diện Trang đặt bàn .....	216
4.3.28.	Màn hình giao diện Trang đặt bàn thành công .....	217
4.3.29.	Màn hình giao diện Trang đăng ký đối tác.....	218
4.3.30.	Màn hình giao diện Trang lọc .....	219
4.3.31.	Màn hình giao diện Trang tìm kiếm .....	220
4.3.32.	Màn hình giao diện Trang thông báo .....	221
	<b>BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN .....</b>	<b>222</b>

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ tổ chức .....	1
Hình 2: UC - Tổng quát .....	60
Hình 3: UC - Người dùng .....	61
Hình 4: UC - Khách hàng .....	62
Hình 5: UC - Đối tác .....	63
Hình 6: UC - Admin .....	64
Hình 7: Activity Diagram [Đăng ký].....	138
Hình 8: Activity Diagram [Đăng nhập] .....	139
Hình 9: Activity Diagram [Lọc thông tin] .....	140
Hình 10: Activity Diagram [Lọc địa điểm] .....	141
Hình 11: Activity Diagram [Tìm kiếm] .....	142
Hình 12: Activity Diagram [Đặt bàn] .....	143
Hình 13: Activity Diagram [Đánh giá] .....	144
Hình 14: Activity Diagram [Đề xuất nhà hàng].....	145
Hình 15: Activity Diagram [Tạo bảng giá dịch vụ] .....	146
Hình 16: Activity Diagram [Xem thông tin khách hàng] .....	147
Hình 17: Activity Diagram [Xem thông tin đối tác].....	148
Hình 18: Activity Diagram [Phân quyền].....	149
Hình 19: Activity Diagram [Quản lý bài viết] .....	150
Hình 20: Activity Diagram [Xóa bài viết] .....	151
Hình 21: Activity Diagram [Chỉnh sửa bài viết] .....	152
Hình 22: Activity Diagram [Quản lý đơn đặt bàn] .....	153
Hình 23: Activity Diagram [Xác nhận đặt] .....	154
Hình 24: Activity Diagram [Xác nhận hoàn thành].....	155
Hình 25: Activity Diagram [Tù chối đặt] .....	156
Hình 26: Sequence Diagram [Chỉnh sửa thông tin ].....	157
Hình 27: Sequence Diagram [Thêm chi nhánh] .....	158
Hình 28: Sequence Diagram [Đăng bài viết].....	159

Hình 29: Sequence Diagram [Thêm combo] .....	160
Hình 30: Sequence Diagram [Cập nhật trạng thái ] .....	160
Hình 31: Sequence Diagram [Quản lý thông tin đối tác ].....	161
Hình 32: Sequence Diagram [Xác nhận đơn đăng ký] .....	162
Hình 33: Sequence Diagram [Xem lịch sử đặt bàn] .....	163
Hình 34: Sequence Diagram [Reset Password] .....	163
Hình 35: Sequence Diagram [Chỉnh sửa thông tin người dùng] .....	164
Hình 36: Sequence Diagram [Đăng xuất].....	164
Hình 37: Sequence Diagram [Thêm nhà hàng vào mục yêu thích] .....	165
Hình 38: Sequence Diagram [Hủy đặt bàn] .....	165
Hình 39:Class Diagram.....	166
Hình 40: Statechart Diagram [Đặt bàn] .....	167
Hình 41: Sơ đồ ERD[Hệ thống cung cấp dịch vụ đặt bàn].....	168
Hình 42:Sơ đồ giao diện tổng quát .....	189
Hình 43:Giao diện trang chủ.....	190
Hình 44: Màn hình giao diện [Đăng nhập] .....	191
Hình 45:Màn hình giao diện [Đăng ký] .....	192
Hình 46:Màn hình giao diện [Trang thông tin tài khoản] .....	193
Hình 47:Màn hình giao diện[Trang quản lý mật khẩu] .....	194
Hình 48: Màn hình giao diện [Trang Lịch sử đơn đặt chở] .....	195
Hình 49: Màn hình giao diện [Trang đánh giá] .....	196
Hình 50: Màn hình giao diện [Trang hủy đơn đặt bàn] .....	197
Hình 51: Màn hình giao diện [Trang đánh giá đối tác].....	198
Hình 52: Màn hình giao diện [Trang Xem chi tiết đối tác] .....	199
Hình 53: Màn hình giao diện [Trang Xem chi tiết đối tác] .....	200
Hình 54: Màn hình giao diện [Trang Danh sách dịch vụ] .....	201
Hình 55: Màn hình giao diện [Trang Danh sách đơn xin đăng ký] .....	202
Hình 56: Màn hình giao diện [Trang Danh sách các loại nhà hàng] .....	203
Hình 57: Màn hình giao diện [Trang thông tin đối tác] .....	204
Hình 58: Màn hình giao diện [Trang Chính sửa bài viết đối tác] .....	205

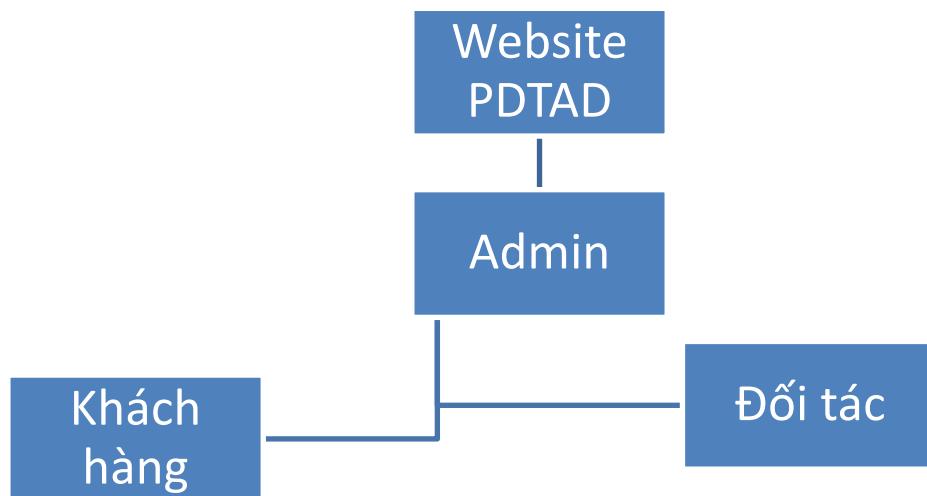
Hình 59: Màn hình giao diện [Trang Đơn chờ xác nhận].....	206
Hình 60: Màn hình giao diện [Trang Đơn đã xác nhận] .....	207
Hình 61: Màn hình giao diện [Trang Đơn đã hoàn thành].....	208
Hình 62 : Màn hình giao diện [Trang Đơn bị hủy] .....	209
Hình 63: Màn hình giao diện [Trang Thêm hình ảnh].....	210
Hình 64: Màn hình giao diện [Trang Quản lý chi nhánh].....	211
Hình 65: Màn hình giao diện [Trang Quản lý combo món ăn] .....	212
Hình 66: Màn hình giao diện [Trang thống kê] .....	213
Hình 67: Màn hình giao diện [Trang Chi tiết nhà hàng].....	214
Hình 68: Màn hình giao diện [Trang Combo] .....	215
Hình 69: Màn hình giao diện [Trang Đặt bàn] .....	216
Hình 70: Màn hình giao diện [Trang Đặt bàn thành công].....	217
Hình 71: Màn hình giao diện [Trang Đăng ký đối tác].....	218
Hình 72: Màn hình giao diện [Trang Lọc].....	219
Hình 73: Màn hình giao diện [Trang Tìm kiếm] .....	220
Hình 74: Màn hình giao diện [Trang Thông báo] .....	221

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

### 1.1. Mô hình cơ cấu tổ chức

#### 1.1.1. Mô tả mô

#### 1.1.2. Sơ đồ tổ chức



Hình 1: Sơ đồ tổ chức

#### 1.1.3. Ý nghĩa các bộ phận

STT	Tên bộ phận	Mô tả
1	Website PDTAD	Tên của website
2	Admin	Quản lý toàn bộ hệ thống web
3	Đối tác	Đối tác đăng ký hợp tác với admin để đăng bài, giới thiệu nhà hàng lên website
4	Khách hàng	Người sử dụng website để xem thông tin các nhà hàng và đặt bàn

## 1.2. Nhu cầu người dùng và Yêu cầu của phần mềm (NGHIỆP VỤ)

STT	Nhu cầu	Nghệ nghiệp vụ	Ai				Mức độ hỗ trợ	Phân loại yêu cầu
			Lãnh đạo	Bộ phận thực hành	Bộ phận liên quan	Hệ thống ngoài		
1	Admin muốn xem thông tin khách hàng	Xem thông tin khách hàng		Admin			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
2	Admin muốn xem thống kê số lần đặt bàn của khách hàng	Thống kê số lần đặt bàn của khách hàng		Admin			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
3	Admin muốn tìm kiếm thông tin khách hàng	Tìm kiếm thông tin khách hàng		Admin			Bán tự động	Yêu cầu tìm kiếm
4	Admin muốn xem thông tin đối tác	Xem thông tin đối tác		Admin			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
5	Admin muốn xác nhận đơn đăng ký của đối tác	Xác nhận đơn đăng ký của đối tác		Admin			Bán tự động	Yêu cầu xử lý

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

6	Admin muốn thông báo đã xác nhận đơn đăng ký của đối tác	Thông báo đã xác nhận đơn đăng ký của khách hàng		Admin	Khách hàng		Bán tự động	Yêu cầu báo biểu
7	Admin muốn thông báo bổ sung đơn đăng ký của đối tác	Thông báo bổ sung đơn đăng ký của đối tác		Admin	Đối tác		Bán tự động	Yêu cầu báo biểu
8	Admin muốn nhập thông tin của đối tác lên website	Nhập thông tin của đối tác lên website		Admin			Bán tự động	Yêu cầu lưu trữ
9	Admin muốn thêm bài viết của đối tác lên website	Thêm bài viết của đối tác lên website		Admin	Đối tác		Bán tự động	Yêu cầu xử lý, lưu trữ
10	Admin muốn xoá thông tin đối tác	Xoá thông tin đối tác		Admin	Đối tác		Bán tự động	Yêu cầu xử lý, lưu trữ
11	Admin muốn cập nhật thông tin đối tác	cập nhật thông tin đối tác		Admin	Đối tác		Bán tự động	Yêu cầu xử lý, lưu trữ

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

12	Admin muốn phân quyền cho đối tác	Phân quyền cho đối tác		Admin	Đối tác		Tự động	Yêu cầu xử lý, lưu trữ
13	Admin muốn thống kê lần đặt bàn của từng khách hàng	Thống kê lần đặt bàn của từng khách hàng		Admin			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
14	Admin muốn thống kê theo đơn đặt bàn của nhà hàng	Thống kê theo đơn đặt bàn của nhà hàng		Admin			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
15	Admin muốn thống kê lượng truy cập của website	Thống kê lượng truy cập của website		Admin			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
16	Admin muốn đề xuất nhà hàng trên website dựa trên đối tác sử dụng gói dịch vụ	Đề xuất nhà hàng trên website dựa trên nhà hàng sử dụng gói dịch vụ		Admin	Đối tác		Tự động	Yêu cầu xử lý
17	Admin muốn đề xuất nhà hàng trên website dựa trên nhà hàng có nhiều đơn	Đề xuất nhà hàng trên website dựa trên nhà hàng có nhiều đơn		Admin			Tự động	Yêu cầu xử lý
18	Khách hàng muốn đăng ký tài khoản	Đăng ký tài khoản		Khách hàng		Gửi mã qua số đt/h	Bán tự động	Yêu cầu xử lý và lưu trữ

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

19	Khách hàng muốn đặt bàn	Đặt bàn		Khách hàng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
20	Khách hàng muốn huỷ đặt bàn	Huỷ đặt bàn		Khách hàng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
21	Khách hàng muốn đánh giá	Đánh giá		Khách hàng			Bán tự động	Yêu cầu lưu trữ
22	Khách hàng muốn liên hệ với nhà hàng	Liên hệ với nhà hàng		Khách hàng	Đối tác	Gọi điện thoại	Bán tự động	Yêu cầu xử lý
23	Khách hàng muốn xem thông tin nhà hàng	Xem thông tin nhà hàng		Khách hàng			Bán tự động	Yêu cầu tìm kiếm
24	Khách hàng muốn thêm danh mục yêu thích	Thêm danh mục yêu thích		Khách hàng			Bán tự động	Yêu cầu lưu trữ
25	Khách hàng muốn tìm kiếm theo danh mục	Tìm kiếm theo danh mục		Khách hàng			Bán tự động	Yêu cầu tìm kiếm
26	Khách hàng muốn xem đường đến nhà hàng	Xem đường đến nhà hàng		Khách hàng		Google map	Bán tự động	Yêu cầu tìm kiếm

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

27	Đối tác muốn cập nhật trạng thái đặt bàn của khách hàng	Cập nhật trạng thái đặt bàn		Đối tác	Khách hàng		Bán tự động	Yêu cầu xử lý
28	Đối tác muốn xác nhận đơn đặt bàn	Xác nhận đơn đặt bàn		Đối tác	Khách hàng		Bán tự động	Yêu cầu xử lý, lưu trữ
29	Đối tác muốn xác nhận hoàn thành đơn đặt bàn	Xác nhận hoàn thành đơn đặt bàn		Đối tác	Khách hàng		Bán tự động	Yêu cầu xử lý, lưu trữ
30	Đối tác muốn từ chối nhận đơn đặt bàn	Từ chối nhận đơn đặt bàn		Đối tác	Khách hàng		Bán tự động	Yêu cầu xử lý, lưu trữ
31	Đối tác muốn thống kê doanh thu	Thống kê doanh thu		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
32	Đối tác muốn quản lý thông tin nhà hàng	Quản lý thông tin nhà hàng		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu lưu trữ
33	Đối tác muốn đăng bài lên trang chi tiết nhà hàng	Đăng bài		Đối tác	Admin		Bán tự động	Yêu cầu xử lý

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

34	Đối tác muốn xóa bài đăng trên trang chi tiết nhà hàng	Xóa bài		Đối tác	Admin		Bán tự động	Yêu cầu xử lý
35	Đối tác muốn chỉnh sửa lại trang chi tiết nhà hàng	Chỉnh sửa bài		Đối tác	Admin		Bán tự động	Yêu cầu xử lý
36	Đối tác muốn quản lý thông tin chi nhánh nhà hàng	Quản lý thông tin chi nhánh nhà hàng		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu lưu trữ
37	Đối tác quản lý số lượng bàn theo giờ	Quản lý số lượng bàn theo giờ		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
38	Đối tác muốn quản lý Combo món ăn	Quản lý Combo món ăn		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu lưu trữ
39	Đối tác muốn đăng Combo món ăn lên nhà hàng	Đăng Combo món ăn lên nhà hàng		Đối tác	Admin		Bán tự động	Yêu cầu xử lý
40	Đối tác muốn chỉnh sửa Combo món ăn lên nhà hàng	Chỉnh sửa Combo món ăn lên nhà hàng		Đối tác	Admin		Bán tự động	Yêu cầu xử lý
41	Đối tác muốn thanh toán dịch vụ với Admin	Thanh toán dịch vụ với Admin		Đối tác	Admin	Khảo sát thực tế	Bán tự động	Yêu cầu xử lý

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

42	Đối tác muốn thống kê doanh thu	Thống kê doanh thu		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
43	Đối tác muốn thống kê đặt bàn	Thống kê đặt bàn		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
44	Đối tác muốn thống kê đánh giá	Thống kê đánh giá		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
45	Đối tác muốn chăm sóc khách hàng	Chăm sóc khách hàng		Đối tác	Khách hàng		Bán tự động	Yêu cầu xử lý
46	Đối tác muốn Quản lý phản hồi của khách hàng	Quản lý phản hồi của khách hàng		Đối tác			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
47	Người dùng muốn đăng ký hợp tác	Đăng ký hợp tác		Người dùng	Admin		Bán tự động	Yêu cầu xử lý
48	Người dùng muốn Lọc thông tin	Lọc thông tin		Người dùng			Tự động	Yêu cầu xử lý
49	Người dùng muốn chỉnh sửa thông tin cá nhân	Chỉnh sửa thông tin cá nhân		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu lưu trữ
50	Người dùng muốn xem lịch sử đặt bàn	Xem lịch sử đặt bàn		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý

## CHƯƠNG 1: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

51	Người dùng muốn lọc thông tin nhà hàng theo nhiều tiêu chí khác nhau	Lọc thông tin nhà hàng theo nhiều tiêu chí khác nhau		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
52	Người dùng muốn lọc thông tin lịch đặt bàn	lọc thông tin lịch đặt bàn		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
53	Người dùng muốn Tìm kiếm thông tin	Tìm kiếm thông tin		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
54	Người dùng muốn Hiển thị kết quả tìm kiếm	Hiển thị kết quả tìm kiếm		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
55	Người dùng muốn Đăng nhập	Đăng nhập		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
56	Người dùng muốn sử dụng tính năng "Quên mật khẩu"	sử dụng tính năng "Quên mật khẩu"		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
57	Người dùng muốn Đăng xuất	Đăng xuất		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý
58	Người dùng muốn xác nhận đăng xuất trước khi thực hiện	Xác nhận đăng xuất trước khi thực hiện		Người dùng			Bán tự động	Yêu cầu xử lý

### 1.3. Biểu mẫu và quy định

#### 1.3.1. BM01: [Danh sách khách hàng]

BM1:		Danh sách khách hàng			
Mã	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Địa chỉ	Số lần đặt bàn
1					
2					

**QĐ1:** + Mã sẽ được tự động tăng khi thêm khách hàng

+ Họ và tên,Số điện thoại không được bỏ trống.

#### 1.3.2. BM02: [Thống kê số lần đặt bàn của khách hàng]

BM2:		Thống kê số lần đặt bàn của khách hàng	
Tháng:.....			
Mã	Mã KH	Địa chỉ	Số lần đặt bàn
1			
2			
Tổng số lượng:.....			

**QĐ2:** + Mã sẽ được tự động tăng

+ Mã KH, địa chỉ, số lần đặt bàn không được bỏ trống.

#### 1.3.3. BM03: [Danh sách đối tác]

##### a. Biểu mẫu 3.1

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

Danh sách đối tác						
Mã ĐT	Tên nhà hàng	Địa Chỉ	Giờ mở	Giờ đóng	Ngày đăng ký	Hành động
1						
2						

**QĐ3.1:** + Dữ liệu được lấy ở thông tin chi tiết đối tác

### b. Biểu mẫu 3.2

Thông tin chi tiết đối tác	
BM3.2:	
Tên nhà hàng:.....	ID: .....
Số điện thoại:.....	Link liên kết:.....
Email:.....	Hoá đơn:.....
Địa chỉ nhà hàng:.....	Giờ mở cửa:.....
Mô tả:.....	Giờ đóng cửa:.....
Hình ảnh:.....	Số chỗ ngồi:.....
Ngày đăng ký: .....	LinkGgmap: .....

**QĐ3.2:**

+ Ngoại trừ link liên kết, tất cả dữ liệu khác không được bỏ trống.

### 1.3.4. BM04: [Xác nhận đơn đăng ký của đối tác]

Xác nhận đơn đăng ký của đối tác	
BM4:	
STT:	
Tên đối tác:.....	Người đại diện : .....

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

---

Chức vụ:.....	Địa chỉ:.....
SĐT:.....	Email:.....
Xác nhận:.....	Hủy:.....

### 1.3.5. BM05: [Thông kê theo đơn đặt bàn của nhà hàng]

BM05:		Thông kê theo đơn đặt bàn của nhà hàng
STT	Thông tin	Chi tiết
1	Ngày đặt bàn:	
2	Thời gian đặt bàn:	
3	Tên khách hàng:	
4	Số lượng khách:	
5	Số điện thoại khách hàng:	
6	Email khách hàng:	
7	Loại sự kiện:	
8	Yêu cầu đặc biệt:	Nếu có
9	Số bàn đã đặt:	
10	Thời gian dự kiến:	
11	Thời gian thực tế:	
12	Tình trạng đơn đặt bàn:	Trống hoặc đầy
13	Ghi chú:	Nếu có

### 1.3.6. BM06: [ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN]

BM06		ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

Họ và tên:.....	Mật khẩu:.....
Số điện thoại:.....	Xác nhận MK:.....
Email:.....	Địa chỉ:.....
Giới tính:.....	

- QĐ6:**
- + Thông tin cá nhân: Họ và tên, số điện thoại, email là bắt buộc.
  - + Mật khẩu: phải có ít nhất 8 ký tự, bao gồm cả chữ hoa, chữ thường và số.
  - + Xác nhận mật khẩu: phải trùng khớp với mật khẩu đã nhập.

### 1.3.7. BM07: [KHÁCH HÀNG MUỐN ĐẶT BÀN]

BM7	KHÁCH HÀNG MUỐN ĐẶT BÀN	
Họ và tên:.....	Giờ:.....	
Số điện thoại:.....	Số lượng:.....	
Email:.....	Yêu cầu đặc biệt:.....	
Ngày đặt bàn:.....	Ghi chú:.....	

- QĐ7:**
- + Thời gian đặt bàn: Ít nhất 24 giờ trước thời gian đến.
  - + Xác nhận: Được gửi qua email hoặc sđt trong vòng 12 giờ làm việc.
  - + Yêu cầu đặc biệt: Ghi lại yêu cầu đặc biệt để chúng tôi phục vụ bạn tốt hơn.
  - + Ghi chú: Thêm bất kỳ thông tin bổ sung nào cần thiết.

### 1.3.8. BM08: [KHÁCH HÀNG MUỐN ĐÁNH GIÁ]

BM08	KHÁCH HÀNG MUỐN ĐÁNH GIÁ
Họ và tên:.....	Nhận xét về trải nghiệm dịch vụ:....
Số điện thoại:.....	Đánh giá số sao:.....
Email:.....	

**QĐ8:** + Thông tin bắt buộc: Tên khách hàng và đánh giá là bắt buộc.

+ Đánh giá số sao: Bắt buộc phải chọn số sao để đánh giá.

### 1.3.9. BM09:[ LẤY LẠI MẬT KHẨU]

BM09	LẤY LẠI MẬT KHẨU
Email:.....	
Số điện thoại:.....	
Nhập mật khẩu mới:.....	
Nhập lại mật khẩu mới:.....	

#### Lưu Ý:

- Email: Địa chỉ email đã đăng ký sẽ được sử dụng để gửi liên kết đặt lại mật khẩu.
- Số điện thoại: Tùy chọn, có thể cung cấp để hỗ trợ việc xác minh và đảm bảo tính bảo mật.

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU



### QĐ10:

- + Thông Tin Bắt Buộc: Email là thông tin bắt buộc để sử dụng tính năng "Quên mật khẩu".
- + Yêu Cầu Thêm: Số điện thoại là tùy chọn nhưng có thể cung cấp thêm thông tin cho quá trình xác minh.
- +Yêu cầu Mật khẩu mới:
  - Ít nhất 8 ký tự,bao gồm chữ hoa,chữ thường,số và ký tự đặc biệt.
  - Không trùng với mật khẩu cũ.
- +Mật Thông Tin: Thông tin cá nhân được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích đặt lại mật khẩu.
- + Bán Tự Động: Hệ thống sẽ tự động xử lý yêu cầu và gửi liên kết đặt lại mật khẩu đến email đã cung cấp.

#### 1.3.10. BM10: [Lịch sử đặt bàn]

Lịch sử đặt bàn							
STT	Tên nhà hàng	Ngày đặt	Giờ đến	Số lượng	Yêu cầu	Ghi chú	Trạng thái
BM10:							

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

---

					<b>đặc biệt</b>		
1							
2							

**QĐ10:**

+ Tất cả lịch sử đặt bàn của khách hàng sẽ được ghi nhận lại

### 1.3.11. BM11: [Thống kê doanh thu]

<b>BM11:</b>		<b>Thống kê doanh thu</b>	
Tháng:.....			
<b>STT</b>	<b>Ngày</b>	<b>Số lượng khách</b>	<b>Doanh thu</b>
1			
2			
Tổng doanh thu:.....			

**QĐ11:** + Tất cả doanh thu của nhà hàng sẽ được ghi nhận lại và chính xác

+ Bản thống kê phải được lập và nộp vào cuối mỗi tháng

+ Mọi chỉnh sửa trong thống kê phải được ghi chú rõ ràng và phải được xác nhận bởi chủ nhà hàng hoặc quản lý.

### 1.3.12. BM12: [Thông tin chi tiết nhà hàng]

BM12	Thông tin chi tiết nhà hàng
Tên người đại diện:.....	
Số điện thoại:.....	
Email:.....	
Địa chỉ đối tác:.....	
Tên nhà hàng.....	
Địa chỉ:.....	
Số chổ ngồi:.....	
Ngày đăng ký:.....	
Dịch vụ đăng ký:.....	
Loại nhà hàng:	
Mô tả:.....	
Link liên kết:.....	
Giờ mở cửa:.....	
Giờ đóng cửa:.....	
Hóa đơn trung bình:.....	

**QĐ12:**

- + Ngoại trừ link liên kết, tất cả dữ liệu khác không được bỏ trống.

### 1.3.13. BM13: [Biểu mẫu đăng ký tài khoản đối tác]

BM13	Biểu mẫu đăng ký tài khoản đối tác
Tên nhà hàng.....	
Địa chỉ:.....	
Đường:.....	
Quận:.....	
Thành phố:.....	
Số chõ ngồi:.....	
Dịch vụ đăng ký:.....	
Mô tả:.....	
Link liên kết:.....	
Giờ mở cửa:.....	
Giờ đóng cửa:.....	
Hóa đơn trung bình:.....	
Ảnh:.....	

**QĐ13:** + Bắt buộc nhập tất cả các thông tin trong biểu mẫu

- + Mật khẩu: phải có ít nhất 8 ký tự, bao gồm cả chữ hoa, chữ thường và số.

## 1.4. Danh sách yêu cầu

### 1.4.1. Danh sách yêu cầu nghiệp vụ

Danh sách yêu cầu nghiệp vụ			
STT	Nghiệp vụ	Biểu mẫu	Quy định
1	Danh sách khách hàng	<a href="#">BM1</a>	QĐ1
2	Thống kê số lần đặt bàn của khách hàng	<a href="#">BM2</a>	QĐ2
3	Danh sách đối tác	<a href="#">BM3.1, BM3.2</a>	QĐ3.1, QĐ3.2
4	Xác nhận đơn đăng ký của đối tác	<a href="#">BM4</a>	
5	Thống kê theo đơn đặt bàn của nhà hàng	<a href="#">BM5</a>	
6	Đăng ký tài khoản	<a href="#">BM6</a>	QĐ6
7	Đặt bàn	<a href="#">BM7</a>	QĐ7
8	Đánh giá	<a href="#">BM8</a>	QĐ8
9	Lấy lại mật khẩu	<a href="#">BM9</a>	QĐ9
10	Xem lịch sử đặt bàn	<a href="#">BM10</a>	QĐ10
11	Thống kê doanh thu	<a href="#">BM11</a>	QĐ11
12	Quản lý thông tin nhà hàng	<a href="#">BM12</a>	QĐ12
13	Đăng ký hợp tác	<a href="#">BM13</a>	QĐ13

### 1.4.2. Danh sách yêu cầu tiến hóa

Danh sách yêu cầu tiến hóa			
STT	Nghệ vụ	Tham số cần thay đổi	Miền giá trị cần thay đổi
1	Xem thông tin khách hàng	Thêm trường "Địa chỉ" và "Số lần đặt bàn"	Cập nhật biểu mẫu khách hàng
2	Xem thông tin đối tác	Thêm trường "Tiêu đề" trong danh sách đối tác	Cập nhật biểu mẫu đối tác
3	Xác nhận đơn đăng ký của đối tác	Thêm nút "Hủy"	Cập nhật biểu mẫu xác nhận đơn đăng ký
4	Thống kê theo đơn đặt bàn của nhà hàng	Thêm trường "Tình trạng đơn đặt bàn"	Cập nhật biểu mẫu thống kê đơn đặt bàn
5	Đăng ký tài khoản	Thêm yêu cầu mật khẩu phức tạp	Cập nhật biểu mẫu đăng ký tài khoản
6	Đặt bàn	Thêm yêu cầu xác nhận qua email hoặc điện thoại	Cập nhật biểu mẫu đặt bàn
7	Đánh giá	Thêm yêu cầu bắt buộc đánh giá số sao	Cập nhật biểu mẫu đánh giá
8	Lấy lại mật khẩu	Thêm yêu cầu mật khẩu mới không trùng mật khẩu cũ	Cập nhật biểu mẫu lấy lại mật khẩu
9	Lịch sử đặt bàn	Thêm yêu cầu lưu trữ lịch sử trong 12 tháng	Cập nhật biểu mẫu lịch sử đặt bàn
10	Thống kê doanh thu	Thêm yêu cầu ghi chú rõ ràng chỉnh sửa	Cập nhật biểu mẫu thống kê doanh thu

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

11	Đăng bài lên trang chi tiết nhà hàng	Thêm tối đa 4 ảnh, mỗi ảnh kích thước tối đa 2MB	Cập nhật biểu mẫu đăng bài lên trang chi tiết
12	Biểu mẫu đăng ký tài khoản đối tác	Thêm trường "Số lượng bàn" và "Trang liên kết"	Cập nhật biểu mẫu đăng ký tài khoản đối tác
13	Phiếu thanh toán dịch vụ	Thêm ngày lập hóa đơn, giờ lập hóa đơn, mã hóa đơn	Cập nhật phiếu thanh toán dịch vụ

### 1.4.3. Danh sách yêu cầu công nghệ

Danh sách yêu cầu công nghệ			
STT	Yêu cầu	Mô tả chi tiết	Ghi chú
1	Bổ sung chức năng xác nhận đơn đăng ký	Cập nhật biểu mẫu để thêm nút "Hủy"	
2	Cải tiến hệ thống bảo mật mật khẩu	Thêm yêu cầu mật khẩu phức tạp và kiểm tra không trùng mật khẩu cũ khi thay đổi mật khẩu	
3	Tăng cường lưu trữ và quản lý lịch sử	Cập nhật hệ thống để lưu trữ lịch sử đặt bàn của khách hàng trong vòng 12 tháng	
4	Cải thiện tính năng thống kê doanh thu	Thêm yêu cầu ghi chú rõ ràng cho các chỉnh sửa trong thống kê và phải được xác nhận	
5	Nâng cấp chức năng đăng bài với ảnh	Thêm giới hạn tối đa 4 ảnh, mỗi ảnh kích thước tối đa 2MB trong biểu mẫu đăng bài lên trang chi tiết	

6	Cập nhật biểu mẫu đăng ký tài khoản đối tác	Thêm các trường mới như "Số lượng bàn" và "Trang liên kết"	
7	Tối ưu hóa quy trình thanh toán dịch vụ	Cập nhật phiếu thanh toán để thêm ngày lập hóa đơn, giờ lập hóa đơn và mã hóa đơn	

## 1.5. Bảng mô tả chi tiết yêu cầu nghiệp vụ

### 1.5.1. [Đề xuất nhà hàng]

Đề xuất nhà hàng	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Nhà hàng trong hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Đề xuất nhà hàng dựa trên đánh giá, lượt truy cập, và đơn đặt trước đó.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Khách hàng truy cập vào mục đề xuất nhà hàng.</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách nhà hàng được đề xuất.</li> <li>Khách hàng có thể lọc và xem chi tiết từng nhà hàng.</li> </ol>

### 1.5.2. [Đề xuất trên dịch vụ]

Đề xuất trên dịch vụ	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng

<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Dịch vụ nhà hàng trong hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Đề xuất dịch vụ dựa trên yêu cầu và lịch sử sử dụng dịch vụ của khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Khách hàng truy cập vào mục đề xuất dịch vụ.</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách dịch vụ được đề xuất.</li> <li>Khách hàng có thể lọc và xem chi tiết từng dịch vụ.</li> </ol>

### 1.5.3. [Đề xuất dựa trên đơn đặt]

Đề xuất dựa trên đơn đặt	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Nhà hàng và dịch vụ trong hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Đề xuất nhà hàng và dịch vụ dựa trên lịch sử đơn đặt của khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Khách hàng truy cập vào mục đề xuất dựa trên đơn đặt</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách nhà hàng và dịch vụ được đề xuất.</li> <li>Khách hàng có thể lọc và xem chi tiết từng nhà hàng và dịch vụ.</li> </ol>

### 1.5.4. [Tạo bảng giá dịch vụ]

Tạo bảng giá dịch vụ	
<b>Người dùng</b>	Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Nhà hàng trong hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Tạo và cập nhật bảng giá cho các dịch vụ của nhà hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối tác truy cập vào mục tạo bảng giá dịch vụ.</li> <li>Đối tác nhập thông tin giá cho từng dịch vụ.</li> <li>Hệ thống lưu và hiển thị bảng giá mới.</li> </ol>

### 1.5.5. [Tìm kiếm]

Tìm kiếm	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Tìm kiếm nhà hàng, dịch vụ, món ăn, hoặc thông tin khác.

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>Khách hàng nhập từ khóa tìm kiếm.</li><li>Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm phù hợp.</li><li>Khách hàng có thể lọc và xem chi tiết kết quả tìm kiếm.</li></ol>
-----------------------------	---

### 1.3.6. [Xem thông tin khách hàng]

<b>Xem thông tin khách hàng</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem thông tin chi tiết của khách hàng trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>Đối tác truy cập vào mục xem thông tin khách hàng.</li><li>Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng.</li><li>Đối tác chọn khách hàng để xem chi tiết thông tin.</li></ol>

### 1.3.7. [Thông kê đặt bàn của từng khách]

<b>Thông kê đặt bàn của từng khách</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ

<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Thông kê số lần đặt bàn của từng khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối tác truy cập vào mục thống kê đặt bàn của từng khách.</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng cùng số lần đặt bàn.</li> </ol>

### 1.3.8. [Xem thông tin đối tác]

Xem thông tin đối tác	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem thông tin chi tiết của các đối tác trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị viên truy cập vào mục xem thông tin đối tác.</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách đối tác.</li> <li>Quản trị viên chọn đối tác để xem chi tiết thông tin.</li> </ol>

### 1.3.9. [Xoá thông tin đối tác]

Xoá thông tin đối tác
-----------------------

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

---

<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Xóa thông tin của đối tác khỏi hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục xóa thông tin đối tác.</li> <li>2. Quản trị viên chọn đối tác cần xóa.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị xác nhận xóa.</li> <li>4. Quản trị viên xác nhận xóa thông tin đối tác</li> <li>5. Hệ thống xóa thông tin đối tác khỏi hệ thống.</li> </ol>

### 1.3.10. [Cập nhật thông tin đối tác]

Cập nhật thông tin đối tác	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Cập nhật thông tin của đối tác trong hệ thống.

<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục cập nhật thông tin đối tác.</li> <li>2. Quản trị viên chọn đối tác cần cập nhật.</li> <li>3. Quản trị viên chỉnh sửa thông tin đối tác.</li> <li>4. Hệ thống lưu và cập nhật thông tin mới.</li> </ol>
-----------------------------	---

### 1.3.11. [Thống kê đơn đặt của đối tác]

<b>Thống kê đơn đặt của đối tác</b>	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Thống kê số lượng đơn đặt của từng đối tác trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục thống kê đơn đặt của đối tác.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đối tác cùng số lượng đơn đặt.</li> </ol>

### 1.3.12. [Xác nhận đơn đăng ký]

<b>Xác nhận đơn đăng ký</b>	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ

<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xác nhận và duyệt các đơn đăng ký của đối tác hoặc khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục xác nhận đơn đăng ký.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đăng ký chờ xác nhận.</li> <li>3. Quản trị viên chọn đơn đăng ký để xem chi tiết.</li> <li>4. Quản trị viên xác nhận hoặc từ chối đơn đăng ký.</li> <li>5. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đăng ký.</li> </ol>

### 1.3.13. [Phân quyền cho đối tác]

<b>Phân quyền cho đối tác</b>	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Cấp quyền và phân quyền cho đối tác trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục phân quyền cho đối tác.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đối tác.</li> <li>3. Quản trị viên chọn đối tác cần phân quyền.</li> <li>4. Quản trị viên chọn quyền và cấp quyền cho đối tác.</li> </ol>

	5. Hệ thống cập nhật quyền của đối tác.
--	---

### 1.3.14. [Thông báo xác nhận]

Thông báo xác nhận	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Gửi thông báo xác nhận đến đối tác hoặc khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống tự động gửi thông báo xác nhận.</li> <li>Đối tác hoặc khách hàng nhận được thông báo xác nhận.</li> </ol>

### 1.3.15. [Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin]

Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống

<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin cần thiết.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục yêu cầu đối tác bổ sung thông tin.</li> <li>2. Quản trị viên chọn đối tác cần bổ sung thông tin.</li> <li>3. Quản trị viên gửi yêu cầu bổ sung thông tin.</li> <li>4. Đối tác nhận yêu cầu và bổ sung thông tin.</li> <li>5. Hệ thống cập nhật thông tin bổ sung.</li> </ol>

### 1.3.16. [Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng]

Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Thống kê số lượng đơn đặt của từng nhà hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục thống kê theo đơn đặt của nhà hàng.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách nhà hàng cùng số lượng đơn đặt.</li> </ol>

**1.3.17. [Lượng truy cập website]**

Lượng truy cập website	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Thống kê lượng truy cập website của hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị viên truy cập vào mục lượng truy cập website.</li> <li>Hệ thống hiển thị báo cáo lượng truy cập website.</li> </ol>

**1.3.18. [Tìm địa chỉ]**

Tìm địa chỉ	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Tìm địa chỉ nhà hàng hoặc dịch vụ trong hệ thống.

<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng nhập từ khóa tìm kiếm địa chỉ.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm địa chỉ phù hợp.</li> <li>3. Khách hàng có thể lọc và xem chi tiết kết quả tìm kiếm.</li> </ol>
-----------------------------	--

### 1.3.19. [Tìm kiếm nhà hàng]

<b>Tìm kiếm nhà hàng</b>	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Tìm kiếm nhà hàng trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng nhập từ khóa tìm kiếm nhà hàng.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm nhà hàng phù hợp.</li> <li>3. Khách hàng có thể lọc và xem chi tiết kết quả tìm kiếm.</li> </ol>

### 1.3.20. [Tìm món ăn]

<b>Tìm món ăn</b>	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ

<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Tìm kiếm món ăn trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng nhập từ khóa tìm kiếm món ăn.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm món ăn phù hợp.</li> <li>3. Khách hàng có thể lọc và xem chi tiết kết quả tìm kiếm.</li> </ol>

### 1.3.21. [Lọc danh mục món ăn]

Lọc danh mục món ăn	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Lọc danh mục món ăn theo các tiêu chí khác nhau.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục danh mục món ăn</li> <li>2. Khách hàng chọn các tiêu chí lọc.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị danh sách món ăn phù hợp với tiêu chí lọc.</li> </ol>

### 1.3.22. [Lọc địa điểm]

Lọc địa điểm	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Lọc địa điểm nhà hàng theo các tiêu chí khác nhau.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục địa điểm nhà hàng.</li> <li>2. Khách hàng chọn các tiêu chí lọc.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị danh sách địa điểm nhà hàng phù hợp với tiêu chí lọc.</li> </ol>

### 1.3.23. [Lọc bài viết]

Lọc bài viết	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Lọc bài viết trong hệ thống theo các tiêu chí khác nhau.

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>Khách hàng truy cập vào mục bài viết.</li><li>Khách hàng chọn các tiêu chí lọc.</li><li>Hệ thống hiển thị danh sách bài viết phù hợp với tiêu chí lọc.</li></ol>
-----------------------------	--

### 1.3.24. [Bổ sung thông tin]

<b>Bổ sung thông tin</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Bổ sung thông tin cần thiết cho các nhà hàng hoặc dịch vụ.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục bổ sung thông tin.</li><li>Đối tác hoặc quản trị viên bổ sung thông tin cần thiết.</li><li>Hệ thống lưu và cập nhật thông tin mới.</li></ol>

### 1.3.25. [Chỉnh sửa thông tin]

<b>Chỉnh sửa thông tin</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ

<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Chỉnh sửa thông tin nhà hàng hoặc dịch vụ.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục chỉnh sửa thông tin.</li> <li>2. Đối tác hoặc quản trị viên chọn thông tin cần chỉnh sửa.</li> <li>3. Đối tác hoặc quản trị viên chỉnh sửa thông tin.</li> <li>4. Hệ thống lưu và cập nhật thông tin mới.</li> </ol>

### 1.3.26. [Xem lịch sử đặt bàn]

<b>Xem lịch sử đặt bàn</b>	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem lịch sử đặt bàn của khách hàng hoặc đối tác.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng hoặc đối tác truy cập vào mục lịch sử đặt bàn.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách lịch sử đặt bàn.</li> <li>3. Khách hàng hoặc đối tác có thể xem chi tiết từng đơn đặt bàn.</li> </ol>

**1.3.27. [Đăng xuất]**

<b>Đăng xuất</b>	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Đăng xuất khỏi hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào mục đăng xuất.</li> <li>2. Người dùng xác nhận đăng xuất.</li> <li>3. Hệ thống đăng xuất người dùng khỏi hệ thống.</li> </ol>

**1.3.28. [Xác nhận đăng xuất]**

<b>Xác nhận đăng xuất</b>	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Xác nhận đăng xuất khỏi hệ thống.

<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào mục đăng xuất.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận đăng xuất.</li> <li>3. Người dùng xác nhận đăng xuất.</li> <li>4. Hệ thống đăng xuất người dùng khỏi hệ thống.</li> </ol>
-----------------------------	---

### 1.3.29. [Reset Password]

Reset Password	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Đặt lại mật khẩu tài khoản.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào mục đặt lại mật khẩu.</li> <li>2. Người dùng nhập email đăng ký.</li> <li>3. Hệ thống gửi mã xác nhận qua email.</li> <li>4. Người dùng nhập mã xác nhận.</li> <li>5. Người dùng nhập mật khẩu mới.</li> <li>6. Hệ thống cập nhật mật khẩu mới.</li> </ol>

### 1.3.30. [Đánh giá]

Đánh giá	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Đánh giá nhà hàng hoặc dịch vụ.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục đánh giá.</li> <li>2. Khách hàng chọn nhà hàng hoặc dịch vụ cần đánh giá.</li> <li>3. Khách hàng nhập nội dung đánh giá và chọn số sao.</li> <li>4. Khách hàng gửi đánh giá.</li> <li>5. Hệ thống lưu và hiển thị đánh giá.</li> </ol>

### 1.3.31. [Xác nhận đặt bàn]

Xác nhận đặt bàn	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống

<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Xác nhận đơn đặt bàn trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục xác nhận đặt bàn.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn chờ xác nhận</li> <li>3. Khách hàng chọn đơn đặt bàn để xác nhận.</li> <li>4. Khách hàng xác nhận đơn đặt bàn</li> <li>5. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đặt bàn.</li> </ol>

### 1.3.32. [Thanh toán cọc]

Thanh toán cọc	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Thanh toán tiền cọc cho đơn đặt bàn.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục thanh toán cọc</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn cần thanh toán cọc.</li> <li>3. Khách hàng chọn đơn đặt bàn để thanh toán cọc.</li> <li>4. Khách hàng chọn phương thức thanh toán.</li> <li>5. Khách hàng thực hiện thanh toán.</li> <li>6. Hệ thống xác nhận thanh toán và cập nhật trạng thái đơn đặt bàn.</li> </ol>

**1.3.33. [Huỷ đặt bàn]**

Huỷ đặt bàn	
Người dùng	Khách hàng
Thời gian liên quan	Bất kỳ
Không gian liên quan	Toàn bộ hệ thống
Nghiệp vụ liên quan	Hủy đơn đặt bàn trong hệ thống.
Mô tả bước tiến hành	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục hủy đặt bàn</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn có thể hủy.</li> <li>3. Khách hàng chọn đơn đặt bàn để hủy.</li> <li>4. Khách hàng xác nhận hủy đơn đặt bàn</li> <li>5. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đặt bàn là đã hủy.</li> </ol>

**1.3.34. [Thêm vào danh mục yêu thích]**

Thêm vào danh mục yêu thích	
Người dùng	Khách hàng
Thời gian liên quan	Bất kỳ
Không gian liên quan	Toàn bộ hệ thống

<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Thêm nhà hàng hoặc món ăn vào danh mục yêu thích.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục thêm vào danh mục yêu thích.</li> <li>2. Khách hàng chọn nhà hàng hoặc món ăn cần thêm.</li> <li>3. Hệ thống cập nhật danh mục yêu thích của khách hàng.</li> </ol>

### 1.3.35. [Đăng ký]

<b>Đăng ký</b>	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Đăng ký tài khoản mới trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào mục đăng ký.</li> <li>2. Người dùng nhập thông tin đăng ký.</li> <li>3. Hệ thống gửi mã xác nhận qua email.</li> <li>4. Người dùng nhập mã xác nhận.</li> <li>5. Hệ thống kích hoạt tài khoản mới.</li> </ol>

### 1.3.36. [Gửi yêu cầu]

Gửi yêu cầu	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Gửi yêu cầu hỗ trợ hoặc yêu cầu khác tới quản trị viên.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào mục gửi yêu cầu.</li> <li>2. Người dùng nhập nội dung yêu cầu.</li> <li>3. Hệ thống gửi yêu cầu tới quản trị viên.</li> <li>4. Quản trị viên nhận và xử lý yêu cầu.</li> <li>5. Hệ thống gửi phản hồi về yêu cầu cho người dùng.</li> </ol>

### 1.3.37. [Nhận thông báo xác nhận]

Nhận thông báo xác nhận	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống

<b>Nghệp vụ liên quan</b>	Nhận thông báo xác nhận từ hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống tự động gửi thông báo xác nhận.</li> <li>Người dùng nhận được thông báo xác nhận.</li> </ol>

### 1.3.38. [Quản lý địa chỉ]

Quản lý địa chỉ	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệp vụ liên quan</b>	Quản lý địa chỉ của nhà hàng hoặc dịch vụ.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng truy cập vào mục quản lý địa chỉ.</li> <li>Người dùng thêm, sửa hoặc xóa địa chỉ.</li> <li>Hệ thống cập nhật thông tin địa chỉ.</li> </ol>

### 1.3.39. [Quản lý bài viết]

Quản lý bài viết	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên

<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Quản lý các bài viết trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục quản lý bài viết.</li> <li>2. Đối tác hoặc quản trị viên thêm, sửa hoặc xóa bài viết.</li> <li>3. Hệ thống cập nhật thông tin bài viết.</li> </ul>

#### 1.3.40. [Đăng bài viết]

<b>Đăng bài viết</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Đăng bài viết mới lên hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục đăng bài viết</li> <li>2. Đối tác hoặc quản trị viên nhập nội dung bài viết</li> <li>3. Hệ thống lưu và đăng bài viết.</li> </ul>

**1.3.41. [Xoá bài viết]**

<b>Xoá bài viết</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xóa bài viết khỏi hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục xóa bài viết.</li> <li>2. Đối tác hoặc quản trị viên chọn bài viết cần xóa.</li> <li>3. Hệ thống xóa bài viết khỏi hệ thống.</li> </ol>

**1.3.42. [Chỉnh sửa bài viết]**

<b>Chỉnh sửa bài viết</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Chỉnh sửa nội dung bài viết

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục chỉnh sửa bài viết.</li><li>Đối tác hoặc quản trị viên chọn bài viết cần chỉnh sửa</li><li>Đối tác hoặc quản trị viên chỉnh sửa nội dung bài viết.</li><li>Hệ thống lưu và cập nhật bài viết.</li></ol>
-----------------------------	---

### 1.3.43. [Quản lý Combo món ăn]

<b>Quản lý Combo món ăn</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Quản lý các combo món ăn trong hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục quản lý combo món ăn.</li><li>Đối tác hoặc quản trị viên thêm, sửa hoặc xóa combo món ăn.</li><li>Hệ thống cập nhật thông tin combo món ăn.</li></ol>

### 1.3.44. [Chỉnh sửa combo]

<b>Chỉnh sửa combo</b>	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Chỉnh sửa nội dung combo món ăn.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục chỉnh sửa combo.</li> <li>Đối tác hoặc quản trị viên chọn combo món ăn cần chỉnh sửa.</li> <li>Đối tác hoặc quản trị viên chỉnh sửa nội dung combo</li> <li>Hệ thống lưu và cập nhật combo món ăn.</li> </ol>

### 1.3.45. [Thêm combo]

Thêm combo	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Thêm combo món ăn mới vào hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục thêm combo.</li> <li>Đối tác hoặc quản trị viên nhập thông tin combo món ăn mới.</li> <li>Hệ thống lưu và đăng combo món ăn mới.</li> </ol>

### 1.3.46. [Gửi yêu cầu]

Gửi yêu cầu	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Gửi yêu cầu hỗ trợ hoặc yêu cầu khác tới quản trị viên.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào mục gửi yêu cầu.</li> <li>2. Người dùng nhập nội dung yêu cầu.</li> <li>3. Hệ thống gửi yêu cầu tới quản trị viên.</li> <li>4. Quản trị viên nhận và xử lý yêu cầu.</li> <li>5. Hệ thống gửi phản hồi về yêu cầu cho người dùng.</li> </ol>

### 1.3.47. [Nhận thông báo xác nhận]

Nhận thông báo xác nhận	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ

<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Nhận thông báo xác nhận từ hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống tự động gửi thông báo xác nhận.</li> <li>Người dùng nhận được thông báo xác nhận.</li> </ol>

#### 1.3.48. [Xem chi tiết đơn đặt]

Xem chi tiết đơn đặt	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem chi tiết thông tin về đơn đặt bàn.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Khách hàng truy cập vào mục xem chi tiết đơn đặt.</li> <li>Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin về đơn đặt bàn.</li> </ol>

#### 1.3.49. [Cập nhật trạng thái]

Cập nhật trạng thái	
<b>Người dùng</b>	Đối tác, Quản trị viên

<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Cập nhật trạng thái của đơn đặt bàn.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối tác hoặc quản trị viên truy cập vào mục cập nhật trạng thái.</li> <li>Đối tác hoặc quản trị viên chọn đơn đặt bàn cần cập nhật trạng thái.</li> <li>Đối tác hoặc quản trị viên cập nhật trạng thái đơn đặt bàn.</li> <li>Hệ thống lưu và hiển thị trạng thái mới của đơn đặt bàn.</li> </ol>

### 1.3.50. [Xác nhận đặt]

Xác nhận đặt	
<b>Người dùng</b>	Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xác nhận đơn đặt bàn từ khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối tác truy cập vào mục xác nhận đặt.</li> <li>Đối tác chọn đơn đặt bàn cần xác nhận.</li> </ol>

	<p>3. Đối tác xác nhận đơn đặt bàn.</p> <p>4. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đặt bàn.</p>
--	---

### 1.3.51. [Xác nhận hoàn thành]

Xác nhận hoàn thành	
<b>Người dùng</b>	Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Sau khi khách hàng sử dụng dịch vụ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xác nhận hoàn thành đơn đặt bàn.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<p>1. Đối tác truy cập vào mục xác nhận hoàn thành.</p> <p>2. Đối tác chọn đơn đặt bàn đã hoàn thành.</p> <p>3. Đối tác xác nhận hoàn thành đơn đặt bàn.</p> <p>4. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đặt bàn là hoàn thành.</p>

### 1.3.52. [Tù chối đặt]

Tù chối đặt	
<b>Người dùng</b>	Đối tác
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ

<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Từ chối đơn đặt bàn từ khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào mục từ chối đặt.</li> <li>2. Đối tác chọn đơn đặt bàn cần từ chối.</li> <li>3. Đối tác từ chối đơn đặt bàn.</li> <li>4. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đặt bàn là bị từ chối.</li> </ol>

### 1.3.53. [Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT]

Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Tìm kiếm đơn đặt bàn theo số điện thoại.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào mục tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT.</li> <li>2. Người dùng nhập số điện thoại cần tìm kiếm.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn liên quan đến số điện thoại đã nhập.</li> </ol>

**1.3.54. [Xem thống kê doanh thu]**

Xem thống kê doanh thu	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem báo cáo thống kê doanh thu.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị viên truy cập vào mục xem thống kê doanh thu. &lt;br&gt;</li> <li>Hệ thống hiển thị báo cáo thống kê doanh thu theo thời gian.</li> </ol>

**1.3.55. [Xem thống kê đặt bàn]**

Xem thống kê đặt bàn	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem báo cáo thống kê đặt bàn.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị viên truy cập vào mục xem thống kê đặt bàn.</li> </ol>

	2. Hệ thống hiển thị báo cáo thống kê đặt bàn theo thời gian.
--	---

### 1.3.56. [Xem thống kê đánh giá]

Xem thống kê đánh giá	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem báo cáo thống kê đánh giá.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	1. Quản trị viên truy cập vào mục xem thống kê đánh giá. 2. Hệ thống hiển thị báo cáo thống kê đánh giá theo thời gian.

### 1.3.57. [Thanh toán dịch vụ]

Thanh toán dịch vụ	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Sau khi sử dụng dịch vụ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống

<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Thanh toán chi phí dịch vụ.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục thanh toán dịch vụ.</li> <li>2. Khách hàng nhập thông tin thanh toán.</li> <li>3. Hệ thống xử lý và xác nhận thanh toán.</li> </ol>

### 1.3.58. [Quản lý số lượng bàn theo giờ]

Quản lý số lượng bàn theo giờ	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghệ vụ liên quan</b>	Quản lý số lượng bàn trống theo giờ.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục quản lý số lượng bàn theo giờ.</li> <li>2. Quản trị viên kiểm tra và cập nhật số lượng bàn trống theo giờ.</li> <li>3. Hệ thống lưu và hiển thị thông tin số lượng bàn trống.</li> </ol>

**1.3.59. [Thông báo]**

Thông báo	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng, Đối tác, Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Gửi và nhận thông báo từ hệ thống.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng nhận thông báo từ hệ thống.</li> <li>2. Quản trị viên gửi thông báo qua hệ thống.</li> </ol>

**1.3.60. [Quản lý phản hồi của khách hàng]**

Quản lý phản hồi của khách hàng	
<b>Người dùng</b>	Quản trị viên
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Quản lý phản hồi từ khách hàng.

<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị viên truy cập vào mục quản lý phản hồi khách hàng.</li> <li>2. Quản trị viên xem và xử lý các phản hồi từ khách hàng.</li> <li>3. Hệ thống lưu và hiển thị trạng thái xử lý phản hồi.</li> </ol>
-----------------------------	---

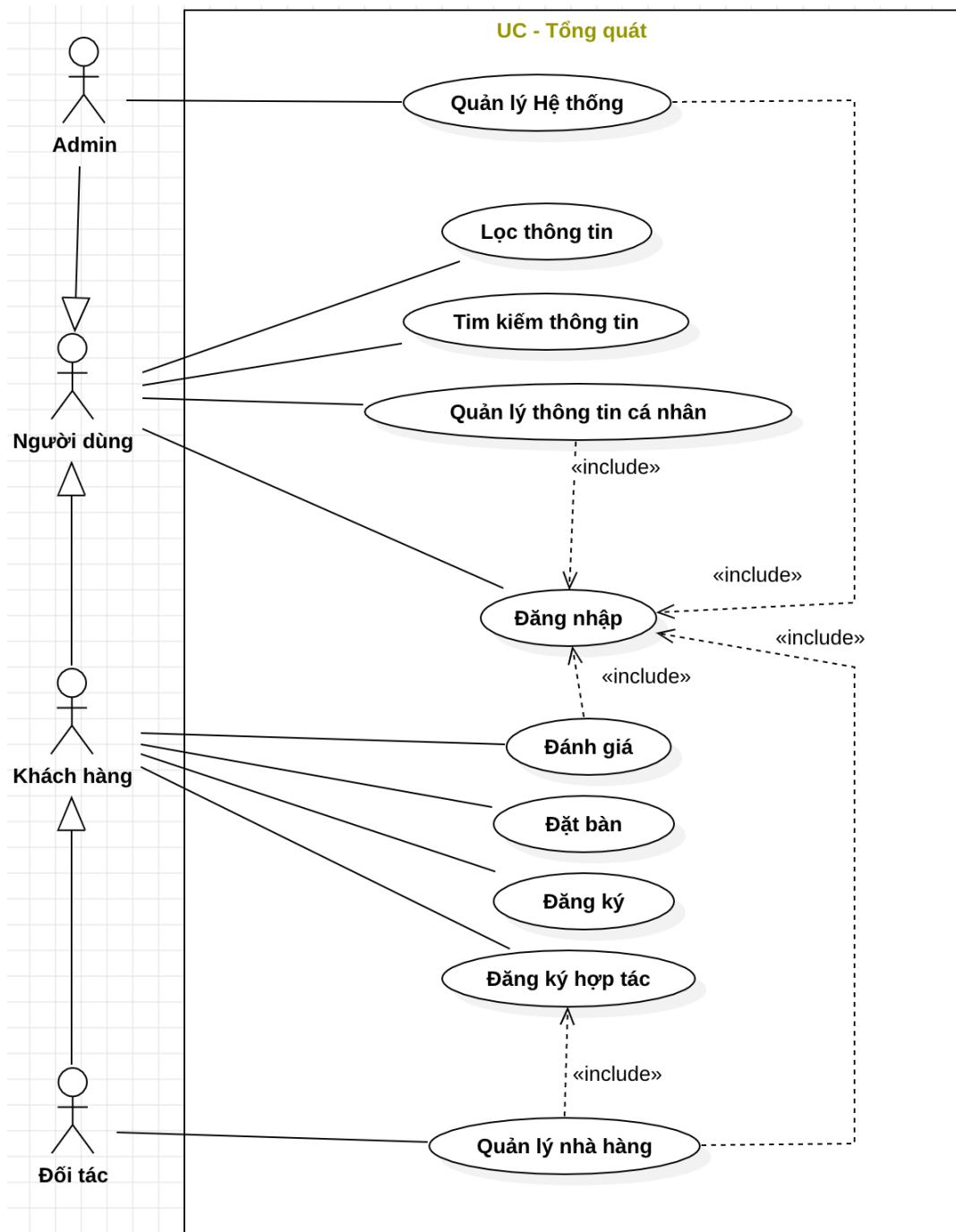
### 1.3.61. [Xem phản hồi khách hàng]

Xem phản hồi khách hàng	
<b>Người dùng</b>	Khách hàng
<b>Thời gian liên quan</b>	Bất kỳ
<b>Không gian liên quan</b>	Toàn bộ hệ thống
<b>Nghiệp vụ liên quan</b>	Xem phản hồi từ khách hàng.
<b>Mô tả bước tiến hành</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng truy cập vào mục xem phản hồi.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị phản hồi từ khách hàng.</li> </ol>

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

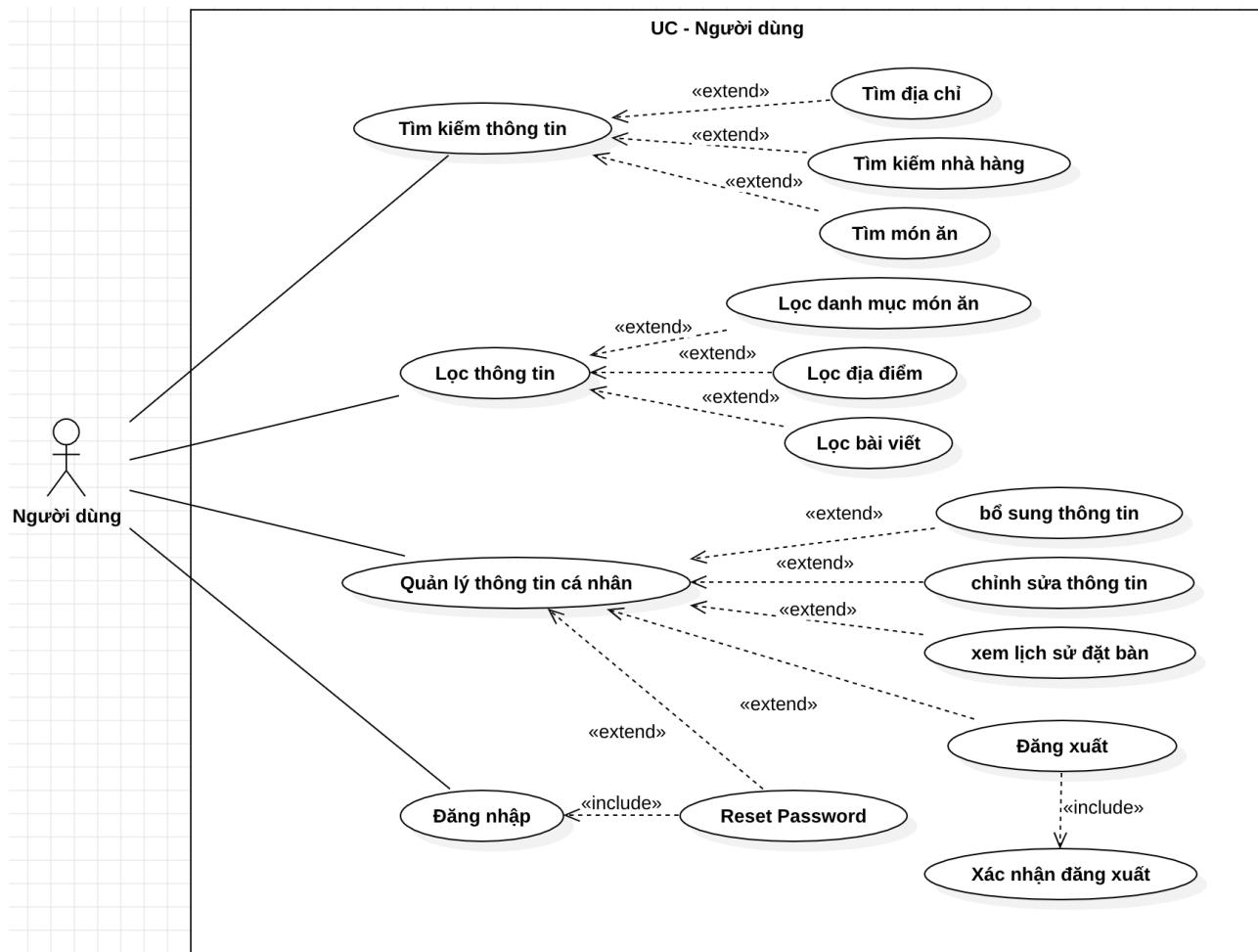
### 2.1. Usecase Diagram

#### 2.1.1. Sơ đồ tổng quát



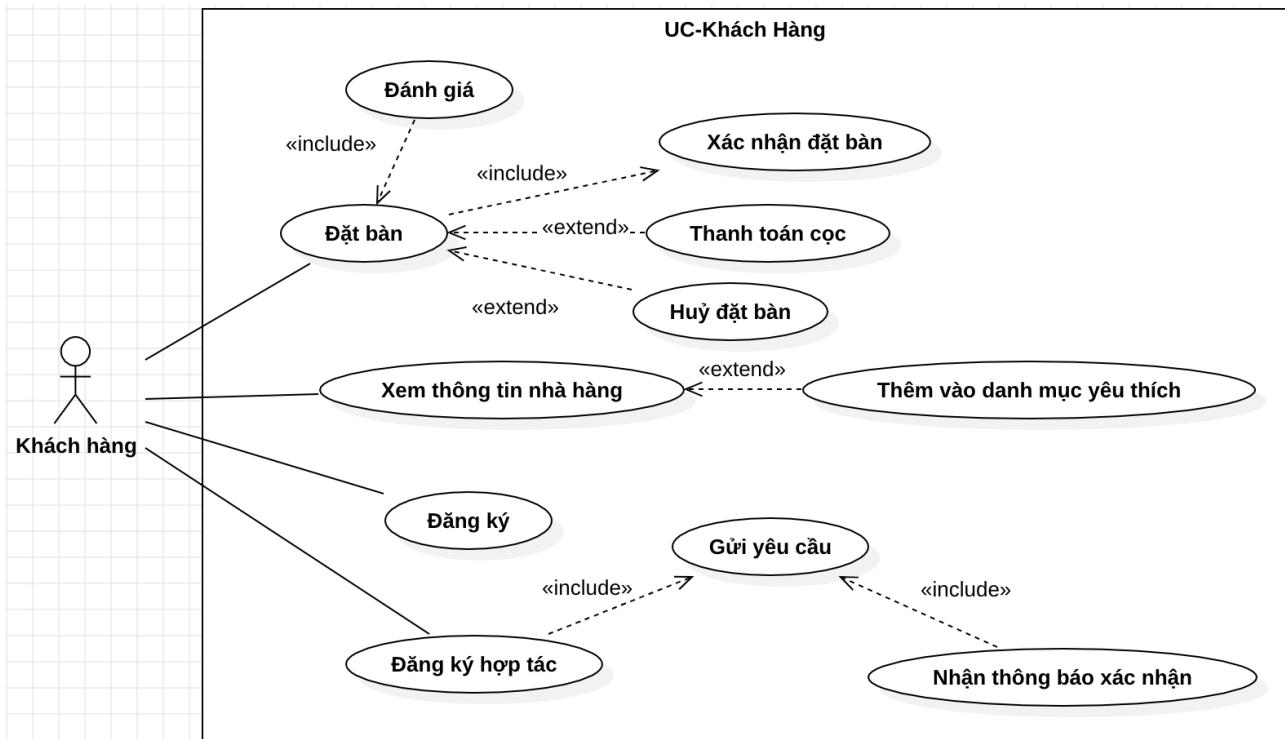
Hình 2: UC - Tổng quát

### 2.1.2. Sơ đồ chi tiết [ Người dùng ]



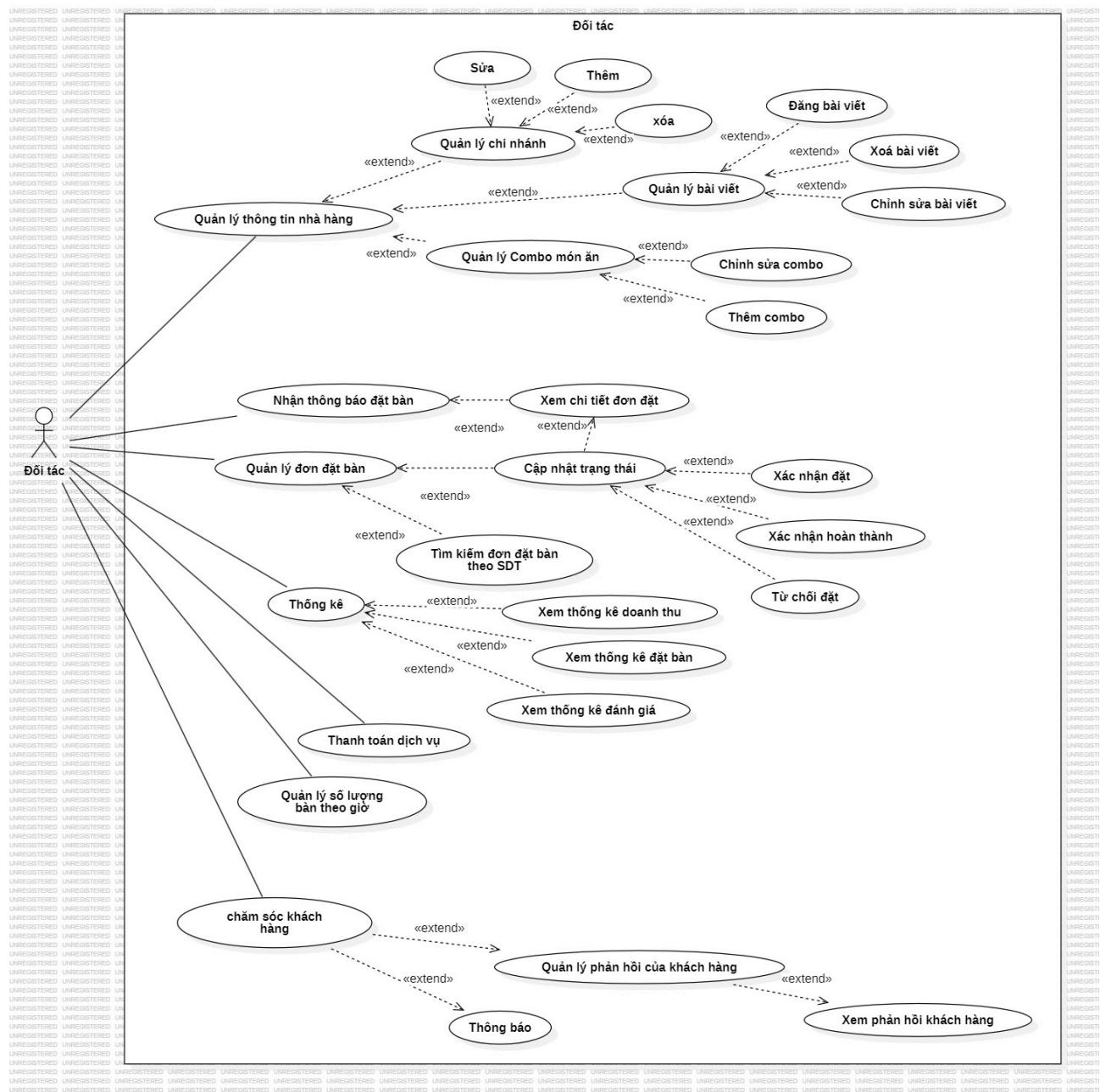
Hình 3: UC - Người dùng

### 2.1.3. Sơ đồ chi tiết [Khách hàng]



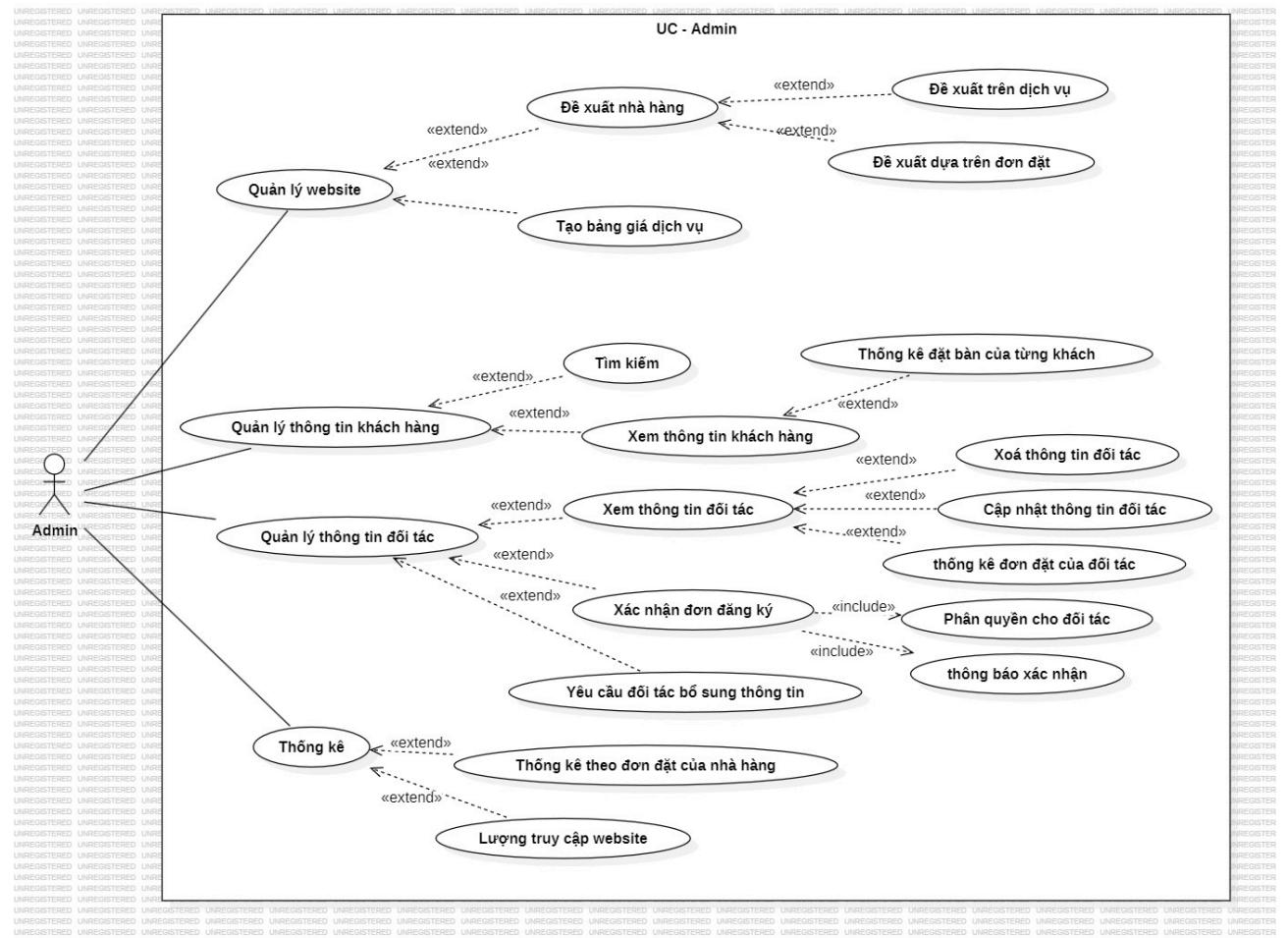
Hình 4: UC - Khách hàng

### 2.1.4. Sơ đồ chi tiết [Đối tác]



Hình 5: UC - Đối tác

### 2.1.5. Sơ đồ chi tiết [Admin]



Hình 6: UC - Admin

## 2.2. Bảng Usecase

<b>Code</b>	<b>Package</b>	<b>Tên Usecase</b>
UC01	Quản lý website	Đề xuất nhà hàng
UC02	Quản lý website	Đề xuất trên dịch vụ
UC03	Quản lý website	Đề xuất dựa trên đơn đặt
UC04	Quản lý website	Tạo bảng giá dịch vụ
UC05	Quản lý thông tin khách hàng	Tìm kiếm
UC06	Quản lý thông tin khách hàng	Xem thông tin khách hàng
UC07	Quản lý thông tin khách hàng	Thống kê đặt bàn của từng khách
UC08	Quản lý thông tin đối tác	Xem thông tin đối tác
UC09	Quản lý thông tin đối tác	Xoá thông tin đối tác
UC10	Quản lý thông tin đối tác	Cập nhật thông tin đối tác
UC11	Quản lý thông tin đối tác	Thống kê đơn đặt của đối tác
UC12	Quản lý thông tin đối tác	Xác nhận đơn đăng ký
UC13	Quản lý thông tin đối tác	Phân quyền cho đối tác
UC14	Quản lý thông tin đối tác	Thông báo xác nhận
UC15	Quản lý thông tin đối tác	Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin
UC16	Thống kê	Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng
UC17	Thống kê	Lượng truy cập website
UC18	Tìm kiếm thông tin	Tìm địa chỉ
UC19	Tìm kiếm thông tin	Tìm kiếm nhà hàng

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

---

UC20	Tìm kiếm thông tin	Tìm món ăn
UC21	Lọc thông tin	Lọc danh mục món ăn
UC22	Lọc thông tin	Lọc địa điểm
UC23	Lọc thông tin	Lọc bài viết
UC24	Quản lý thông tin cá nhân	Bổ sung thông tin
UC25	Quản lý thông tin cá nhân	Chỉnh sửa thông tin
UC26	Quản lý thông tin cá nhân	Xem lịch sử đặt bàn
UC27	Quản lý thông tin cá nhân	Đăng xuất
UC28	Quản lý thông tin cá nhân	Xác nhận đăng xuất
UC29	Quản lý thông tin cá nhân	Reset Password
UC30	Đăng nhập	Reset Password
UC31	Đặt bàn	Đánh giá
UC32	Đặt bàn	Xác nhận đặt bàn
UC33	Đặt bàn	Thanh toán cọc
UC34	Đặt bàn	Huỷ đặt bàn
UC35	Xem thông tin nhà hàng	Thêm vào danh mục yêu thích
UC36	Đăng ký	Đăng ký
UC37	Đăng ký hợp tác	Gửi yêu cầu
UC38	Đăng ký hợp tác	Nhận thông báo xác nhận
UC39	Quản lý thông tin nhà hàng	Quản lý địa chỉ
UC40	Quản lý thông tin nhà hàng	Quản lý bài viết
UC41	Quản lý thông tin nhà hàng	Đăng bài viết
UC42	Quản lý thông tin nhà hàng	Xoá bài viết
UC43	Quản lý thông tin nhà hàng	Chỉnh sửa bài viết

UC44	Quản lý thông tin nhà hàng	Quản lý Combo món ăn
UC45	Quản lý thông tin nhà hàng	Chỉnh sửa combo
UC46	Quản lý thông tin nhà hàng	Thêm combo
UC47	Đăng ký hợp tác	Gửi yêu cầu
UC48	Đăng ký hợp tác	Nhận thông báo xác nhận
UC49	Nhận thông báo đặt bàn	Xem chi tiết đơn đặt
UC50	Quản lý đơn đặt bàn	Cập nhật trạng thái
UC51	Quản lý đơn đặt bàn	Xác nhận đặt
UC52	Quản lý đơn đặt bàn	Xác nhận hoàn thành
UC53	Quản lý đơn đặt bàn	Từ chối đặt
UC54	Quản lý đơn đặt bàn	Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT
UC55	Thống kê	Xem thống kê doanh thu
UC56	Thống kê	Xem thống kê đặt bàn
UC57	Thống kê	Xem thống kê đánh giá
UC58	Thanh toán dịch vụ	Thanh toán dịch vụ
UC59	Quản lý số lượng bàn theo giờ	Quản lý số lượng bàn theo giờ
UC60	chăm sóc khách hàng	Thông báo
UC61	chăm sóc khách hàng	Quản lý phản hồi của khách hàng
UC63	chăm sóc khách hàng	Xem phản hồi khách hàng

## 2.3. Đặc tả Usecase

### 2.3.1. UC [Đè xuất nhà hàng]

Name	Đè xuất nhà hàng	Code	UC01

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Description</b>	Admin có thể đề xuất các nhà hàng trên website dựa trên nhà hàng sử dụng gói dịch vụ hoặc có nhiều đơn đặt bàn.		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Đề xuất nhà hàng" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.</li> <li>- Thông tin về các gói dịch vụ nhà hàng và đơn đặt bàn phải có sẵn trong hệ thống.</li> </ul>		
<b>Post condition</b>	Nhà hàng được đề xuất sẽ hiển thị trên website cho người dùng xem.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có nhà hàng nào đủ tiêu chuẩn để đề xuất.</li> <li>- Lỗi hệ thống khi xử lý yêu cầu đề xuất.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo "Không có nhà hàng nào đủ tiêu chuẩn để đề xuất".</li> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo lỗi kỹ thuật và yêu cầu Admin thử lại sau.</li> </ul>		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Đề xuất nhà hàng".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện lựa chọn tiêu chí đề xuất (gói dịch vụ, số lượng đơn đặt bàn, v.v.).</li> <li>3. Admin chọn tiêu chí đề xuất mong muốn.</li> <li>4. Hệ thống tìm kiếm các nhà hàng phù hợp với tiêu chí đã chọn.</li> <li>5. Hệ thống hiển thị danh sách nhà hàng phù hợp.</li> <li>6. Admin chọn các nhà hàng từ danh sách để đề xuất.</li> <li>7. Hệ thống lưu lại lựa chọn và cập nhật đề xuất nhà hàng trên website.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2'. Nếu không có tiêu chí nào được chọn, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu chọn tiêu chí.</li> <li>3'. Nếu không có nhà hàng nào phù hợp với tiêu chí đã chọn, hệ thống hiển thị thông báo "Không có nhà hàng nào đủ tiêu chuẩn để đề xuất".</li> </ol>		

### 2.3.2. UC [Đè xuất trên dịch vụ]

Name	Đè xuất trên dịch vụ	Code	UC
Description	Admin tạo đè xuất trên dịch vụ để thu thập ý kiến từ các đối tác và khách hàng		
Actor	Admin	Trigger	Admin chọn chức năng "Tạo đè xuất trên dịch vụ" trong hệ thống.
Pre-condition	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
Post condition	Đè xuất trên dịch vụ được lưu lại và công bố trên hệ thống.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin đè xuất.</li> <li>- Lỗi khi lưu đè xuất.</li> </ul>		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.		
Standard process/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tạo đè xuất trên dịch vụ".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin đè xuất (tên đè xuất, mô tả, v.v.).</li> <li>3. Admin nhập thông tin đè xuất.</li> <li>4. Admin xác nhận và lưu đè xuất</li> <li>5. Hệ thống lưu lại đè xuất và công bố trên hệ thống.</li> </ol>		
Alternative processes/flow	2'. Nếu thông tin đè xuất không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.		

### 2.3.3. UC [Đề xuất dựa trên đơn đặt]

Name	Đề xuất dựa trên đơn đặt	Code	UC
Description	Admin tạo đề xuất dựa trên các đơn đặt hàng để cải thiện dịch vụ		
Actor	Admin	Trigger	Admin chọn chức năng "Tạo đề xuất dựa trên đơn đặt" trong hệ thống.
Pre-condition	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
Post condition	Đề xuất được lưu lại và công bố trên hệ thống.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin đề xuất.</li> <li>- Lỗi khi lưu đề xuất.</li> </ul>		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.		
Standard process/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tạo đề xuất dựa trên đơn đặt".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin đề xuất (tên đề xuất, mô tả, v.v.).</li> <li>3. Admin nhập thông tin đề xuất.</li> <li>4. Admin xác nhận và lưu đề xuất.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại đề xuất và công bố trên hệ thống.</li> </ol>		
Alternative processes/flow	2'. Nếu thông tin đề xuất không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.		

### 2.3.4. UC [Tạo bảng giá dịch vụ]

Name	Tạo bảng giá dịch vụ	Code	UC03
Description	Admin tạo bảng giá dịch vụ để công bố cho các đối tác và khách hàng.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Tạo bảng giá dịch vụ" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Bảng giá dịch vụ được lưu lại và công bố trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin dịch vụ.</li> <li>- Lỗi khi lưu bảng giá dịch vụ.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.</li> </ul>		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tạo bảng giá dịch vụ".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin dịch vụ (tên dịch vụ, giá, mô tả, v.v.).</li> <li>3. Admin nhập thông tin dịch vụ.</li> <li>4. Admin xác nhận và lưu bảng giá dịch vụ.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại bảng giá dịch vụ và công bố trên hệ thống.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2'. Nếu thông tin dịch vụ không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.</li> </ol>		

### 2.3.5. UC [Quản lý thông tin khách hàng]

Name	Quản lý thông tin khách hàng	Code	UC
<b>Description</b>	Admin quản lý thông tin khách hàng trong hệ thống		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Quản lý thông tin khách hàng" trong hệ thống.

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.
<b>Post condition</b>	Thông tin khách hàng được cập nhật và lưu lại trên hệ thống.
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin khách hàng.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin khách hàng.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Quản lý thông tin khách hàng".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin khách hàng.</li> <li>3. Admin nhập thông tin khách hàng</li> <li>4. Admin xác nhận và lưu thông tin khách hàng</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin khách hàng.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin khách hàng không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.3.6. UC [Tìm kiếm]

Name	Tìm kiếm	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng tìm kiếm thông tin trên hệ thống		
<b>Actor</b>	Admin	Trigger	Người dùng chọn chức năng "Tìm kiếm" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Kết quả tìm kiếm được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập từ khóa tìm kiếm.</li> <li>- Lỗi khi tìm kiếm.</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tìm kiếm".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập từ khóa tìm kiếm.</li> <li>3. Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm.</li> <li>4. Người dùng xác nhận tìm kiếm.</li> <li>5. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu từ khóa tìm kiếm không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại từ khóa.

### 2.3.7. UC [Xem thông tin khách hàng]

<b>Name</b>	Xem thông tin khách hàng	<b>Code</b>	UC04
<b>Description</b>	Admin có thể truy cập vào hệ thống để xem các thông tin chi tiết về khách hàng, bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, lịch sử đặt bàn, và các thông tin liên quan khác.		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Xem thông tin khách hàng" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin khách hàng được hiển thị trên giao diện người dùng. Admin có thể thực hiện các thao tác khác liên quan đến thông tin khách hàng sau khi xem.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Admin không nhập tiêu chí tìm kiếm.</li> <li>- Không có khách hàng nào phù hợp với tiêu chí tìm kiếm.</li> </ul>		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>System state in error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập tiêu chí tìm kiếm.</li> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy khách hàng phù hợp".</li> </ul>
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xem thông tin khách hàng".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm khách hàng.</li> <li>3. Admin nhập vào tiêu chí tìm kiếm (ví dụ: tên khách hàng, số điện thoại, email)</li> <li>4. Hệ thống tìm kiếm thông tin khách hàng theo tiêu chí đã nhập.</li> <li>5. Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng phù hợp với tiêu chí tìm kiếm.</li> <li>6. Admin chọn một khách hàng từ danh sách.</li> <li>7. Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin khách hàng đã chọn.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>2'. Nếu Admin không nhập tiêu chí tìm kiếm, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập tiêu chí.</p> <p>3'. Nếu không có khách hàng nào phù hợp với tiêu chí đã chọn, hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy khách hàng phù hợp".</p>

### 2.3.8. UC [Thông kê đặt bàn của từng khách]

<b>Name</b>	Thông kê đặt bàn của từng khách	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Admin thống kê số lần đặt bàn của từng khách hàng		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Thông kê đặt bàn của từng khách" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		

<b>Post condition</b>	Kết quả thông kê được hiển thị.
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin thống kê.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện thống kê.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Thông kê đặt bàn của từng khách".&lt;br&gt;</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thống kê.</li> <li>3. Admin nhập thông tin thống kê.</li> <li>4. Admin xác nhận và thực hiện thống kê.</li> <li>5. Hệ thống hiển thị kết quả thống kê.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.3.9. UC [Xem thông tin đối tác]

<b>Name</b>	Xem thông tin đối tác	<b>Code</b>	UC05
<b>Description</b>	Admin có thể truy cập vào hệ thống để xem các thông tin chi tiết về đối tác, bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, lịch sử hợp tác, và các thông tin liên quan khác.		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin đối tác được hiển thị trên giao diện người dùng. Admin có thể thực hiện các thao tác khác liên quan đến thông tin đối tác sau khi xem.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Admin không nhập tiêu chí tìm kiếm.</li> <li>- Không có đối tác nào phù hợp với tiêu chí tìm kiếm.</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập tiêu chí tìm kiếm.</li> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy đối tác phù hợp".</li> </ul>
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xem thông tin đối tác".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm đối tác.</li> <li>3. Admin nhập vào tiêu chí tìm kiếm (ví dụ: tên đối tác, số điện thoại, email).</li> <li>4. Hệ thống tìm kiếm thông tin đối tác theo tiêu chí đã nhập.</li> <li>5. Hệ thống hiển thị danh sách đối tác phù hợp với tiêu chí tìm kiếm.</li> <li>6. Admin chọn một đối tác từ danh sách.</li> <li>7. Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin đối tác đã chọn.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>2'. Nếu Admin không nhập tiêu chí tìm kiếm, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập tiêu chí.</p> <p>3'. Nếu không có đối tác nào phù hợp với tiêu chí đã chọn, hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy đối tác phù hợp".</p>

### 2.1.1. UC [Quản lý thông tin đối tác]

Name	Quản lý thông tin đối tác	Code	UC
<b>Description</b>	Admin quản lý thông tin các đối tác trong hệ thống		
<b>Actor</b>	Admin	Trigger	Admin chọn chức năng "Quản lý thông tin đối tác" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin đối tác được cập nhật và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin đối tác</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin đối tác.</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Quản lý thông tin đối tác".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin đối tác.</li> <li>3. Admin nhập thông tin đối tác.</li> <li>4. Admin xác nhận và lưu thông tin đối tác.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin đối tác.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin đối tác không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.1.2. UC [Xoá thông tin đối tác]

Name	Xoá thông tin đối tác	Code	UC
<b>Description</b>	Admin xoá thông tin các đối tác trong hệ thống		
<b>Actor</b>	Admin	Trigger	Admin chọn chức năng "Xoá thông tin đối tác" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin đối tác được xoá khỏi hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi xoá thông tin đối tác.</li> <li>- Lỗi khi xác nhận xoá.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin xác nhận lại thông tin.		

<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xoá thông tin đối tác".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện xác nhận xoá thông tin đối tác.</li> <li>3. Admin xác nhận xoá thông tin đối tác.</li> <li>4. Hệ thống xoá thông tin đối tác khỏi hệ thống.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2'. Nếu thông tin đối tác không hợp lệ hoặc không thể xoá, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin xác nhận lại thông tin.</li> </ol>

### 2.1.3. UC [Cập nhật thông tin đối tác]

<b>Name</b>	Cập nhật thông tin đối tác	<b>Code</b>	UC06
<b>Description</b>	Admin cập nhật thông tin đối tác trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Cập nhật thông tin đối tác".
<b>Pre-condition</b>	Admin đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền cập nhật thông tin đối tác.		
<b>Post condition</b>	Thông tin đối tác được cập nhật và hiển thị trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy thông tin đối tác cần cập nhật.</li> <li>- Lỗi khi cập nhật thông tin đối tác.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin thực hiện lại thao tác.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin chọn chức năng "Cập nhật thông tin đối tác".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đối tác.</li> <li>3. Admin chọn đối tác cần cập nhật thông tin.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật thông tin đối tác.</li> <li>5. Admin nhập thông tin cập nhật và xác nhận lưu.</li> </ol>		

	6. Hệ thống lưu thông tin cập nhật và hiển thị trên hệ thống.
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy thông tin đối tác cần cập nhật, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.

#### 2.1.4. UC [Thông kê đơn đặt của đối tác ]

Name	Thông kê đơn đặt của đối tác	Code	UC
<b>Description</b>	Admin thống kê số lượng đơn đặt của từng đối tác		
<b>Actor</b>	Admin	Trigger	Admin chọn chức năng "Thông kê đơn đặt của đối tác" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Kết quả thống kê được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin thống kê.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện thống kê.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Thông kê đơn đặt của đối tác".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thống kê.</li> <li>3. Admin nhập thông tin thống kê.</li> <li>4. Admin xác nhận và thực hiện thống kê.</li> <li>5. Hệ thống hiển thị kết quả thống kê.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.		

### 2.1.5. UC [Xác nhận đơn đăng ký]

<b>Name</b>	Xác nhận đơn đăng ký	<b>Code</b>	UC07
<b>Description</b>	Admin xác nhận đơn đăng ký hợp tác từ đối tác.		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Xác nhận đơn đăng ký".
<b>Pre-condition</b>	Admin đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền xác nhận đơn đăng ký.		
<b>Post condition</b>	Đơn đăng ký được xác nhận và đối tác được thêm vào hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy đơn đăng ký cần xác nhận.</li> <li>- Lỗi khi xác nhận đơn đăng ký.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin thực hiện lại thao tác.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin chọn chức năng "Xác nhận đơn đăng ký".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đăng ký từ các đối tác.</li> <li>3. Admin chọn đơn đăng ký cần xác nhận.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của đơn đăng ký.</li> <li>5. Admin xác nhận đơn đăng ký.</li> <li>6. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đăng ký và thêm đối tác vào hệ thống.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy đơn đăng ký cần xác nhận, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.		

### 2.1.6. UC [Phân quyền cho đối tác ]

<b>Name</b>	Phân quyền cho đối tác	<b>Code</b>	UC08
-------------	------------------------	-------------	------

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Description</b>	Admin có thể phân quyền truy cập cho đối tác trên hệ thống, bao gồm quyền xem, chỉnh sửa thông tin, và thực hiện các chức năng khác.		
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Phân quyền cho đối tác" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Đối tác được cấp quyền truy cập phù hợp với chức năng đã được phân.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi phân quyền cho đối tác.</li> <li>- Đối tác không tồn tại trong hệ thống.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin thực hiện lại quá trình phân quyền.</li> </ul>		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Phân quyền cho đối tác".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách đối tác.</li> <li>3. Admin chọn một đối tác từ danh sách.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị giao diện phân quyền.</li> <li>5. Admin chọn các quyền cần phân cho đối tác.</li> <li>6. Admin xác nhận và lưu lại.</li> <li>7. Hệ thống cập nhật quyền truy cập cho đối tác.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2'. Nếu đối tác không tồn tại, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu chọn lại đối tác.</li> <li>5'. Nếu phân quyền không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.</li> </ol>		

### 2.1.7. UC [Thông báo xác nhận ]

Name	Thông báo xác nhận	Code	UC
Description	Hệ thống gửi thông báo xác nhận đến các đối tác		
Actor	Admin	Trigger	Hệ thống tự động gửi thông báo xác nhận khi có sự kiện cần xác nhận.
Pre-condition	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin đối tác.		
Post condition	Thông báo xác nhận được gửi đến đối tác.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi gửi thông báo xác nhận.</li> <li>- Lỗi khi xác nhận thông báo.</li> </ul>		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin kiểm tra lại thông tin.		
Standard process/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống xác định sự kiện cần gửi thông báo xác nhận.</li> <li>2. Hệ thống tạo thông báo xác nhận.</li> <li>3. Hệ thống gửi thông báo xác nhận đến đối tác.</li> <li>4. Hệ thống lưu lại thông tin gửi thông báo xác nhận.</li> </ol>		
Alternative processes/flow	2'. Nếu thông tin thông báo xác nhận không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin kiểm tra lại thông tin.		

### 2.1.8. UC [Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin]

Name	Yêu cầu đối tác bổ sung thông tin	Code	UC
Description	Hệ thống yêu cầu đối tác bổ sung thông tin khi cần thiết		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Hệ thống xác định thông tin đối tác cần bổ sung và gửi yêu cầu bổ sung.
<b>Pre-condition</b>	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin đối tác.		
<b>Post condition</b>	Thông tin bổ sung được gửi đến đối tác.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi gửi yêu cầu bổ sung thông tin.</li> <li>- Lỗi khi nhận thông tin bổ sung.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin kiểm tra lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống xác định thông tin đối tác cần bổ sung.</li> <li>2. Hệ thống tạo yêu cầu bổ sung thông tin.</li> <li>3. Hệ thống gửi yêu cầu bổ sung thông tin đến đối tác.</li> <li>4. Hệ thống lưu lại thông tin yêu cầu bổ sung.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin yêu cầu bổ sung không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin kiểm tra lại thông tin.		

### 2.1.9. UC [Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng ]

<b>Name</b>	Admin thống kê số lượng đơn đặt của từng nhà hàng	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>			
<b>Actor</b>	Admin	<b>Trigger</b>	Admin chọn chức năng "Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Post condition</b>	Kết quả thống kê được hiển thị.
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin thống kê.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện thống kê.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Thống kê theo đơn đặt của nhà hàng".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thống kê.</li> <li>3. Admin nhập thông tin thống kê.</li> <li>4. Admin xác nhận và thực hiện thống kê.</li> <li>5. Hệ thống hiển thị kết quả thống kê.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.1.10. UC [Lượng truy cập website ]

Name	Lượng truy cập website	Code	UC
<b>Description</b>	Admin xem thống kê lượng truy cập website		
<b>Actor</b>	Admin	Trigger	Admin chọn chức năng "Xem lượng truy cập website" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Admin phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thống kê lượng truy cập website được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin thống kê.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện thống kê.</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Admin truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xem lượng truy cập website".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thống kê.</li> <li>3. Admin nhập thông tin thống kê.</li> <li>4. Admin xác nhận và thực hiện thống kê</li> <li>5. Hệ thống hiển thị kết quả thống kê.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.1.11. UC [Tìm kiếm thông tin]

Name	Tìm kiếm thông tin	Code	UC
Description	Người dùng xem thống kê lượng truy cập website		
Actor	Người dùng	Trigger	Người dùng chọn chức năng "Tìm kiếm" trong hệ thống.
Pre-condition	Người dùng muốn tìm kiếm thông tin cụ thể trên hệ thống.		
Post condition	Kết quả tìm kiếm được hiển thị.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu tìm kiếm không hợp lệ.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện tìm kiếm</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin tìm kiếm.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tìm kiếm".</li> <li>2. Người dùng nhập thông tin cần tìm kiếm.</li> <li>3. Người dùng bấm nút tìm kiếm.</li> <li>4. Hệ thống tìm kiếm dữ liệu và hiển thị kết quả tìm kiếm.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thông kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.1.12. UC [Tìm địa chỉ ]

Name	Tìm địa chỉ	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng tìm kiếm địa chỉ cụ thể trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Tìm kiếm" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin cho mọi người dùng		
<b>Post condition</b>	Kết quả tìm kiếm được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu tìm kiếm không hợp lệ.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện tìm kiếm</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin tìm kiếm.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tìm kiếm".</li> <li>2. Người dùng nhập địa chỉ cần tìm kiếm.</li> <li>3. Người dùng bấm nút tìm kiếm.</li> <li>4. Hệ thống tìm kiếm dữ liệu và hiển thị kết quả tìm kiếm.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.1.13. UC [Tìm kiếm nhà hàng ]

<b>Name</b>	Tìm kiếm nhà hàng	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Người dùng tìm nhà hàng cụ thể trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Tìm kiếm" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin cho mọi người dùng		
<b>Post condition</b>	Kết quả tìm kiếm được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu tìm kiếm không hợp lệ.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện tìm kiếm</li> </ul>		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin tìm kiếm.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tìm kiếm".</li> <li>2. Người dùng nhập nhà hàng cần tìm kiếm.</li> <li>3. Người dùng bấm nút tìm kiếm.</li> <li>4. Hệ thống tìm kiếm dữ liệu và hiển thị kết quả tìm kiếm.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.1.14. UC [Tìm món ăn ]

Name	Tìm món ăn	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng tìm kiếm món ăn cụ thể trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Tìm kiếm" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin cho mọi người dùng		
<b>Post condition</b>	Kết quả tìm kiếm được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu tìm kiếm không hợp lệ.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện tìm kiếm</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin tìm kiếm.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tìm kiếm".</li> <li>2. Người dùng nhập món ăn cần tìm kiếm.</li> <li>3. Người dùng bấm nút tìm kiếm.</li> <li>4. Hệ thống tìm kiếm dữ liệu và hiển thị kết quả tìm kiếm.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

### 2.1.15. UC [Lọc danh mục món ăn ]

Name	Lọc danh mục món ăn	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng lọc danh sách các món ăn theo danh mục trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Lọc món ăn" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin cho mọi người dùng		
<b>Post condition</b>	Kết quả lọc được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục món ăn không tồn tại.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện lọc danh mục.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng chọn lại danh mục Lọc.		

<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn loại món ăn.</li> <li>2. Người dùng chọn một danh mục món ăn từ danh sách hiển thị.</li> <li>3. Hệ thống lọc danh sách các món ăn theo danh mục đã chọn và hiển thị kết quả.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2'. Nếu danh mục món ăn không tồn tại trong hệ thống, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cho Người dùng.</li> </ol>

### 2.1.16. UC [Lọc địa điểm ]

Name	Lọc địa điểm	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng lọc danh sách các địa điểm theo danh mục trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Lọc địa điểm" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin cho mọi người dùng		
<b>Post condition</b>	Kết quả lọc được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục địa điểm không tồn tại.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện lọc danh mục.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng chọn lại danh mục Lọc.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Lọc địa điểm".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục địa điểm có sẵn để lựa chọn.</li> <li>3. Người dùng chọn một danh mục địa điểm từ danh sách hiển thị.</li> </ol>		

	4. Hệ thống lọc danh sách các địa điểm theo danh mục đã chọn và hiển thị kết quả.
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu danh mục địa điểm không tồn tại trong hệ thống, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cho Người dùng.

### 2.1.17. UC [Lọc tên nhà hàng]

Name	Lọc bài viết	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng lọc danh sách các bài viết theo danh mục trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Lọc bài viết" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Hệ thống hoạt động bình thường và có quyền truy cập thông tin cho mọi người dùng		
<b>Post condition</b>	Kết quả lọc được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục bài viết không tồn tại.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện lọc danh mục.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng chọn lại danh mục Lọc.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Lọc".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục bài viết có sẵn để lựa chọn.</li> <li>3. Người dùng chọn một danh mục bài viết từ danh sách hiển thị.</li> <li>4. Người dùng xác nhận lựa chọn danh mục bài viết.</li> </ol>		

	5. Hệ thống lọc danh sách các bài viết theo danh mục đã chọn và hiển thị kết quả.
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu danh mục bài viết không tồn tại trong hệ thống, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cho Người dùng.

### 2.1.18. UC [Quản lý thông tin cá nhân ]

Name	Quản lý thông tin cá nhân	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng quản lý và cập nhật thông tin cá nhân trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Quản lý thông tin cá nhân" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp		
<b>Post condition</b>	Thông tin cá nhân được cập nhật thành công		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu cập nhật không hợp lệ.</li> <li>- Lỗi khi thực hiện cập nhật thông tin.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Người dùng nhập lại thông tin hoặc cung cấp thông tin chính xác.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào và đăng nhập hệ thống.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ.</li> <li>3. Người dùng bấm vào “ Tên người dùng”.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị thông tin trang cá nhân của người dùng.</li> <li>5. Người dùng thực hiện cập nhật các thông tin cá nhân cần thay đổi (ví dụ: tên, địa chỉ, số điện thoại,...).</li> </ol>		

	<p>6.Người dùng bấm nút cập nhật.</p> <p>7. Hệ thống cập nhật thông tin cá nhân và hiển thị thông báo thành công.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu dữ liệu cập nhật không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Người dùng nhập lại thông tin hoặc cung cấp thông tin chính xác.

### 2.1.19. UC [Xem lịch sử đặt bàn ]

Name	Xem lịch sử đặt bàn	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng xem chi tiết lịch sử các đơn đặt bàn trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Xem lịch sử đặt bàn" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp		
<b>Post condition</b>	Chi tiết lịch sử đặt bàn được hiển thị thành công trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi hiển thị chi tiết danh sách lịch sử.</li> <li>- Lỗi khi tải dữ liệu.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng thử lại.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Người dùng truy cập vào và đăng nhập hệ thống.</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ.</li> <li>3. Người dùng bấm vào “ Tên người dùng”.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị thông tin trang cá nhân của người dùng.</li> <li>5. Người dùng chọn chức năng "Lịch sử đơn đặt chỗ".</li> <li>6. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn đặt bàn đã được lưu trữ.</li> </ol>		

	<p>7. Người dùng chọn một đơn đặt bàn từ danh sách để xem chi tiết.</p> <p>8. Hệ thống hiển thị chi tiết của đơn đặt bàn bao gồm thông tin như ngày đặt, số lượng người, thông tin khách hàng, trạng thái đơn đặt bàn,..</p> <p>9. Người dùng có thể quay lại danh sách hoặc tiếp tục xem các đơn đặt bàn khác.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	6'. Nếu có lỗi khi tải dữ liệu lịch sử đặt bàn, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng thử lại sau.

### 2.1.20. UC [Đăng xuất]

Name	Đăng xuất	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống để kết thúc phiên làm việc hiện tại.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Đăng xuất" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.		
<b>Post condition</b>	Người dùng đã đăng xuất khỏi hệ thống thành công.		
<b>Error situations</b>	- Lỗi khi thực hiện đăng xuất		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng thử lại.		
<b>Standard process/flow</b>	<p>1. Người dùng truy cập vào và đăng nhập hệ thống.</p> <p>2. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ.</p> <p>3. Người dùng bấm vào “Tên người dùng”.</p> <p>4. Hệ thống hiển thị thông tin trang cá nhân của người dùng.</p>		

	<p>5. Người dùng chọn chức năng "Đăng xuất".</p> <p>6. Hệ thống xác nhận yêu cầu đăng xuất và đưa Người dùng ra khỏi phiên làm việc hiện tại.</p> <p>7. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập cho Người dùng tiếp tục đăng nhập vào hệ thống nếu cần.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>6'. Nếu có lỗi khi thực hiện đăng xuất, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng thử lại sau.</p>

### 2.1.21. UC [Xác nhận đăng xuất ]

Name	Xác nhận đăng xuất	Code	UC
<b>Description</b>	Hệ thống yêu cầu xác nhận từ Người dùng trước khi thực hiện đăng xuất.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng chọn chức năng "Đăng xuất" và yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.		
<b>Post condition</b>	Người dùng đã đăng xuất khỏi hệ thống thành công.		
<b>Error situations</b>	- Lỗi khi thực hiện đăng xuất		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng thử lại.		
<b>Standard process/flow</b>	<p>1.Người dùng truy cập vào và đăng nhập hệ thống.</p> <p>2. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ.</p> <p>3. Người dùng bấm vào “ Tên người dùng”.</p>		

	<p>4. Hệ thống hiển thị thông tin trang cá nhân của người dùng.</p> <p>5. Người dùng chọn chức năng "Đăng xuất".</p> <p>6. Hệ thống xác nhận yêu cầu đăng xuất bằng cách nhấn nút "ok"</p> <p>7. Hệ thống xác nhận và thực hiện đăng xuất, đưa Người dùng ra khỏi phiên làm việc hiện tại.</p> <p>8. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập cho Người dùng tiếp tục đăng nhập vào hệ thống nếu cần.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	6'. Nếu Người dùng từ chối xác nhận đăng xuất, hệ thống không thực hiện đăng xuất và giữ phiên làm việc hiện tại của Người dùng.

### 2.1.22. UC [Đăng nhập ]

Name	Đăng nhập	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng đăng nhập vào hệ thống để truy cập các chức năng quản lý.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng truy cập vào trang đăng nhập của hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống.		
<b>Post condition</b>	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống thành công và có thể sử dụng các chức năng quản lý.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đăng nhập.</li> <li>- Người dùng nhập sai thông tin đăng nhập (tên đăng nhập hoặc mật khẩu).</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng nhập lại thông tin hoặc thông báo về lỗi kết nối nếu cần.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào trang đăng nhập của hệ thống.</li> <li>2. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu vào các trường tương ứng.</li> </ol>		

	<p>3. Người dùng xác nhận yêu cầu đăng nhập (ví dụ: bằng cách nhấn nút "Đăng nhập").</p> <p>4. Hệ thống kiểm tra và xác nhận thông tin đăng nhập. Nếu thông tin chính xác, hệ thống đăng nhập Người dùng vào hệ thống và chuyển hướng đến giao diện chính của quản lý.</p> <p>5. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý cho Người dùng sử dụng các chức năng của hệ thống.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	4'. Nếu Người nhập sai thông tin đăng nhập, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin đăng nhập chính xác.

### 2.1.23. UC [Reset Password ]

Name	Reset Password	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng đăng nhập vào hệ thống để truy cập các chức năng quản lý.		
<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng yêu cầu đặt lại mật khẩu khi quên mật khẩu hiện tại.
<b>Pre-condition</b>	Người dùng cần phải có tài khoản đã đăng ký trong hệ thống..		
<b>Post condition</b>	Mật khẩu mới được đặt lại và người dùng có thể đăng nhập bằng mật khẩu mới.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng không nhận được email đặt lại mật khẩu.</li> <li>- Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đặt lại mật khẩu.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và hướng dẫn Người dùng cách giải quyết vấn đề.		
<b>Standard process/flow</b>	1. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và hướng dẫn Người dùng cách giải quyết vấn đề.		

	<p>2. Người dùng chọn chức năng "Quên mật khẩu" trên giao diện đăng nhập.</p> <p>3. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu nhập địa chỉ email đã đăng ký.</p> <p>4. Người dùng nhập địa chỉ email và xác nhận yêu cầu đặt lại mật khẩu.</p> <p>5. Hệ thống gửi email chứa đường link đặt lại mật khẩu đến địa chỉ email đã nhập.</p> <p>6. Người dùng mở email và truy cập vào đường link đặt lại mật khẩu.</p> <p>7. Hệ thống hiển thị giao diện cho Người dùng nhập mật khẩu mới.</p> <p>8. Người dùng nhập mật khẩu mới và xác nhận đặt lại mật khẩu.</p> <p>9. Hệ thống xác nhận và lưu mật khẩu mới của Người dùng.</p> <p>10. Hệ thống hiển thị thông báo thành công và chuyển hướng đến trang đăng nhập để Người dùng đăng nhập bằng mật khẩu mới.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>5'. Nếu người dùng không nhận được email đặt lại mật khẩu, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p> <p>5". Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi gửi email đặt lại mật khẩu, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau.</p>

#### 2.1.24. UC [Đặt bàn]

Name	Đặt bàn	Code	UC
Description	Người dùng đặt bàn để đặt chỗ trước khi đến khu vực nào đó.		
Actor	Người dùng	Trigger	Người dùng chọn chức năng "Đặt bàn" trong hệ thống.
Pre-condition	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.</li> </ul>		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người dùng đã xem thông tin chi tiết về đặt bàn (vị trí, số lượng người, thời gian,...).</li> </ul>
<b>Post condition</b>	Đơn đặt bàn được ghi nhận và xác nhận thành công.
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người dùng nhập sai thông tin khi đặt bàn.</li> <li>Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đặt bàn.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng thử lại.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng truy cập vào chức năng "Đặt bàn" trên ứng dụng hoặc website của nhà hàng.</li> <li>Hệ thống hiển thị giao diện cho phép Người dùng nhập thông tin đặt bàn như vị trí, số lượng người, thời gian dự định,...</li> <li>Người dùng nhập thông tin đặt bàn và xác nhận yêu cầu đặt bàn.</li> <li>Hệ thống ghi nhận đơn đặt bàn và xác nhận thành công.</li> <li>Hệ thống gửi thông báo xác nhận đặt bàn đến người dùng (qua email, tin nhắn,...).</li> <li>Hệ thống hiển thị chi tiết đơn đặt bàn và cung cấp thông tin cần thiết cho người dùng.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>3'. Nếu người dùng nhập sai thông tin khi đặt bàn, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin chính xác.</p> <p>4'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đặt bàn, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau.</p>

### 2.1.25. UC [Đánh giá]

Name	Dánh giá	Code	UC

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Description</b>	Người dùng đánh giá và để lại nhận xét về trải nghiệm của mình sau khi sử dụng dịch vụ của nhà hàng.		
<b>Actor</b>	Người dùng	Trigger	Người dùng hoàn thành trải nghiệm sử dụng dịch vụ của nhà hàng và chọn chức năng "Đánh giá".
<b>Pre-condition</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng đã có trải nghiệm sử dụng dịch vụ của nhà hàng.</li> <li>- Đã tồn tại chức năng cho phép người dùng đánh giá và để lại nhận xét.</li> </ul>		
<b>Post condition</b>	Đánh giá và nhận xét của người dùng được ghi nhận thành công và có thể được hiển thị công khai (nếu được chọn).		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng không thể gửi đánh giá và nhận xét.</li> <li>- Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện ghi nhận đánh giá.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng thử lại.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng chọn chức năng "Lịch sử đơn đặt chỗ".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn đặt bàn đã được lưu trữ.</li> <li>3. Người dùng truy cập vào chức năng "Đánh giá" trên hệ thống về các bài đăng của nhà hàng.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép người dùng nhập nội dung đánh giá và bình chọn sao cho nhà hàng.</li> <li>5. Người dùng đánh giá theo form hiển thị.</li> <li>6. Người dùng bấm nút "Gửi" để gửi đánh giá.</li> <li>7. Hệ thống ghi nhận đánh giá và nhận xét của người dùng.</li> <li>8. Hệ thống hiển thị trang lịch sử đặt bàn.</li> </ol>		

<b>Alternative processes/flow</b>	<p>6'. Nếu người dùng không thể gửi đánh giá và nhận xét (ví dụ: do lỗi kết nối), hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau.</p> <p>6'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện ghi nhận đánh giá, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p>
-----------------------------------	--

### 2.1.26. UC [Xác nhận đặt bàn ]

Name	Xác nhận đặt bàn	Code	UC
Description	Người dùng xác nhận lại đơn đặt bàn đã được nhà hàng xác nhận để chắc chắn và chuẩn bị sẵn sàng đến tham dự.		
Actor	Người dùng	Trigger	Người dùng nhận được thông báo xác nhận từ nhà hàng về đơn đặt bàn đã đặt trước đó.
Pre-condition	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng đã đặt bàn và nhận được thông báo xác nhận từ nhà hàng.</li> <li>- Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống của nhà hàng.</li> </ul>		
Post condition	Người dùng đã xác nhận lại đơn đặt bàn thành công và chuẩn bị sẵn sàng cho việc đến tham dự.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng không thể xác nhận lại đơn đặt bàn.</li> <li>- Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện xác nhận lại đơn đặt bàn.</li> </ul>		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu Người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.		
Standard process/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.</li> <li>2. Người dùng truy cập vào hệ thống.</li> </ol>		

	<p>3. Người dùng xem thông tin chi tiết đơn đặt bàn đã được xác nhận.</p> <p>4. Người dùng xác nhận lại đơn đặt bàn bằng cách chọn tùy chọn "Xác nhận" hoặc tương tự.</p> <p>5. Hệ thống ghi nhận xác nhận lại đơn đặt bàn từ người dùng.</p> <p>6. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận thành công cho người dùng.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>4'. Nếu người dùng không thể xác nhận lại đơn đặt bàn (ví dụ: do lỗi kết nối), hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau.</p> <p>5'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện xác nhận lại đơn đặt bàn, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p>

### 2.1.27. UC [Thanh toán cọc ]

Name	Thanh toán cọc	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng thanh toán một khoản tiền cọc để xác nhận và đảm bảo đơn đặt bàn của mình.		
<b>Actor</b>	Người dùng	Trigger	Người dùng nhận được yêu cầu thanh toán cọc từ nhà hàng sau khi đặt bàn.
<b>Pre-condition</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng đã đặt bàn thành công và nhận được yêu cầu thanh toán cọc từ nhà hàng.</li> <li>- Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống của nhà hàng .</li> </ul>		
<b>Post condition</b>	Người dùng đã thanh toán thành công khoản tiền cọc và đơn đặt bàn được xác nhận.		
<b>Error situations</b>	- Người dùng không thể thanh toán khoản cọc.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

	- Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện thanh toán cọc.
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng nhận được yêu cầu thanh toán cọc từ nhà hàng qua email hoặc thông báo trên ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng truy cập vào hệ thống.</li> <li>3. Người dùng xem thông tin chi tiết đơn đặt bàn và yêu cầu thanh toán cọc.</li> <li>4. Người dùng chọn phương thức thanh toán và nhập thông tin thanh toán</li> <li>5. Người dùng xác nhận và hoàn tất thanh toán cọc.</li> <li>6. Hệ thống ghi nhận thanh toán cọc từ người dùng và cập nhật trạng thái đơn đặt bàn.</li> <li>7. Hệ thống hiển thị thông báo thanh toán cọc thành công và cung cấp các thông tin liên quan đến đơn đặt bàn.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>5'. Nếu người dùng không có thẻ thanh toán khoản cọc (ví dụ: do lỗi kết nối), hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p> <p>6'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện thanh toán cọc, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p>

### 2.1.28. UC [Huỷ đặt bàn ]

<b>Name</b>	Hủy đặt bàn	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Người dùng hủy đơn đặt bàn đã được xác nhận từ trước.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Actor</b>	Người dùng	<b>Trigger</b>	Người dùng quyết định hủy đơn đặt bàn đã được xác nhận từ trước.
<b>Pre-condition</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn đặt bàn đã được xác nhận từ nhà hàng.</li> <li>Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống của nhà hàng.</li> </ul>		
<b>Post condition</b>	Đơn đặt bàn đã được hủy thành công và thông tin cập nhật trên hệ thống của nhà hàng.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người dùng không thể hủy đơn đặt bàn.</li> <li>Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện hủy đơn đặt bàn.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng chọn chức năng "Lịch sử đơn đặt chỗ".</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các đơn đặt bàn đã được lưu trữ.</li> <li>Người dùng tìm kiếm và chọn đơn đặt bàn cần hủy.</li> <li>Người dùng chọn tùy chọn "Hủy đặt bàn".</li> <li>Hệ thống yêu cầu xác nhận hành động hủy đặt bàn từ người dùng.</li> <li>Người dùng xác nhận hành động hủy đặt bàn.</li> <li>Hệ thống ghi nhận hành động hủy đặt bàn và cập nhật trạng thái đơn đặt bàn trên hệ thống.</li> <li>Hệ thống hiển thị thông báo hủy đặt bàn thành công cho người dùng.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>6'. Nếu người dùng không thể hủy đơn đặt bàn (ví dụ: do lỗi kết nối), hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau.</p> <p>7'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện hủy đơn đặt bàn, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p>		

### 2.1.29. UC [Xem thông tin nhà hàng]

Name	Xem thông tin nhà hàng	Code	UC
Description	Người dùng có thể xem thông tin chi tiết về nhà hàng như địa chỉ, số điện thoại, menu, giờ hoạt động, đánh giá và các dịch vụ khác.		
Actor	Người dùng	Trigger	Người dùng quan tâm đến thông tin của một nhà hàng cụ thể.
Pre-condition	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng đã truy cập vào hệ thống.</li> <li>- Người dùng đã tìm kiếm hoặc chọn nhà hàng muốn xem thông tin.</li> </ul>		
Post condition	Người dùng đã xem được thông tin chi tiết về nhà hàng.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy thông tin nhà hàng.</li> <li>- Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện xem thông tin nhà hàng.</li> </ul>		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.		
Standard process/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống.</li> <li>2. Người dùng tìm kiếm hoặc chọn nhà hàng muốn xem thông tin.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị trang thông tin chi tiết của nhà hàng với các mục như địa chỉ, số điện thoại, menu, giờ hoạt động, đánh giá và các dịch vụ khác.</li> <li>4. Người dùng xem và đọc thông tin chi tiết của nhà hàng.</li> <li>5. Người dùng có thể chọn các tùy chọn khác như xem đánh giá, gửi phản hồi hoặc quay lại trang chủ.</li> </ol>		
Alternative processes/flow	3'. Nếu không tìm thấy thông tin nhà hàng (ví dụ: do nhập sai tên nhà hàng), hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại.		

	3". Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện xem thông tin nhà hàng, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.
--	--

### 2.1.30. UC [Thêm vào danh mục yêu thích]

<b>Name</b>	Thêm vào danh sách mục yêu thích	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng có thể thêm một nhà hàng hoặc món ăn vào danh sách mục yêu thích để dễ dàng theo dõi và truy cập sau này.		
<b>Actor</b>	Người dùng	Trigger	Người dùng quan tâm và muốn lưu lại nhà hàng hoặc món ăn vào danh sách yêu thích.
<b>Pre-condition</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống của nhà hàng.</li> <li>Người dùng đã xem thông tin chi tiết về nhà hàng hoặc món ăn.</li> </ul>		
<b>Post condition</b>	Người dùng đã thêm thành công nhà hàng hoặc món ăn vào danh sách mục yêu thích.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không thể thêm vào danh sách mục yêu thích.</li> <li>Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện thêm vào danh sách mục yêu thích.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.		
<b>Standard process/flow</b>	1. Người dùng truy cập vào hệ thống.		

	<p>2. Người dùng tìm kiếm hoặc chọn xem thông tin chi tiết về nhà hàng hoặc món ăn.</p> <p>3. Người dùng chọn tùy chọn "Thêm vào yêu thích".</p> <p>4. Hệ thống yêu cầu xác nhận hành động thêm vào danh sách mục yêu thích từ người dùng.</p> <p>5. Người dùng xác nhận hành động thêm vào danh sách mục yêu thích.</p> <p>6. Hệ thống ghi nhận hành động thêm vào danh sách mục yêu thích và cập nhật trạng thái.</p> <p>7. Hệ thống hiển thị thông báo thành công và cung cấp các tùy chọn khác như quay lại trang chủ.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>5'. Nếu không thể thêm vào danh sách mục yêu thích (ví dụ: do lỗi kết nối), hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau.</p> <p>6'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện thêm vào danh sách mục yêu thích, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p>

### 2.1.31. UC [Đăng ký]

Name	Đăng ký	Code	UC
<b>Description</b>	Người dùng tạo một tài khoản mới trên hệ thống của nhà hàng để có thể sử dụng các chức năng và dịch vụ.		
<b>Actor</b>	Người dùng	Trigger	Người dùng chưa có tài khoản và quyết định đăng ký tài khoản mới.
<b>Pre-condition</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>· Người dùng truy cập vào hệ thống.</li> <li>· Người dùng chưa có tài khoản trên hệ thống.</li> </ul>		

<b>Post condition</b>	Người dùng đã đăng ký thành công tài khoản và có thể đăng nhập để sử dụng các chức năng của nhà hàng.
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không thể hoàn tất đăng ký tài khoản do nhập liệu không hợp lệ.</li> <li>Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đăng ký tài khoản.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng truy cập vào hệ thống.</li> <li>Người dùng chọn tùy chọn "Register"</li> <li>Hệ thống hiển thị mẫu đăng ký tài khoản với các trường thông tin cần điền như email, mật khẩu, họ tên, số điện thoại, địa chỉ .</li> <li>Người dùng nhập các thông tin cần thiết để đăng ký tài khoản.</li> <li>Người dùng xác nhận và gửi yêu cầu đăng ký tài khoản.</li> <li>Hệ thống xử lý thông tin đăng ký tài khoản.</li> <li>Hệ thống hiển thị thông báo đăng ký tài khoản thành công và cung cấp các tùy chọn như đăng nhập, quay lại trang chủ.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<p>5'. Nếu không thể hoàn tất đăng ký tài khoản do nhập liệu không hợp lệ (ví dụ: email đã tồn tại, mật khẩu không đủ mạnh), hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại.</p> <p>6'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đăng ký tài khoản, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.</p>

### 2.1.32. UC [Đăng ký hợp tác]

Name	Đăng ký hợp tác	Code	UC

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Description</b>	Người dùng muốn đăng ký làm đối tác của hệ thống để có thể cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho nhà hàng.		
<b>Actor</b>	Người dùng	Trigger	Người dùng quan tâm và muốn đăng ký trở thành đối tác của hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>· Người dùng truy cập vào hệ thống.</li> <li>· Người dùng đã có sản phẩm hoặc dịch vụ để cung cấp.</li> </ul>		
<b>Post condition</b>	Người dùng đã đăng ký thành công làm đối tác của hệ thống và chờ phê duyệt từ phía quản lý.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>· Không thể hoàn tất đăng ký làm đối tác do nhập liệu không hợp lệ.</li> <li>· Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đăng ký làm đối tác.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào hệ thống.</li> <li>2. Người dùng chọn nút "Đăng ký làm đối tác" trên hệ thống.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị mẫu đăng ký làm đối tác.</li> <li>4. Người dùng nhập các thông tin cần thiết để đăng ký làm đối tác.</li> <li>5. Người dùng xác nhận bấm nút “Đăng ký” để đăng ký làm đối tác.</li> <li>6. Hệ thống ghi nhận yêu cầu đăng ký làm đối tác.</li> <li>7. Hệ thống hiển thị thông báo “Đang chờ xác nhận”.</li> <li>8. Hệ thống hiển thị lại trang trang chủ.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	4'. Nếu không thể hoàn tất đăng ký làm đối tác do nhập liệu không hợp lệ (ví dụ: thiếu thông tin bắt buộc), hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại.		

	5'. Nếu có lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện đăng ký làm đối tác, hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng thử lại sau hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.
--	---

### 2.1.33. UC [Nhận thông báo xác nhận ]

Name	Nhận thông báo xác nhận	Code	UC
Description	Người dùng nhận thông báo xác nhận về các hoạt động hoặc yêu cầu đã thực hiện trên hệ thống.		
Actor	Người dùng	Trigger	Hệ thống đã xác nhận và gửi thông báo đến người dùng về các hoạt động của họ.
Pre-condition	- Không thể gửi thông báo xác nhận đến người dùng do lỗi hệ thống.		
Post condition	Hệ thống ghi nhận lỗi cụ thể và có thể yêu cầu người dùng cập nhật thông tin liên hệ để giải quyết vấn đề..		
Error situations	· Lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống khi thực hiện gửi yêu cầu làm đối tác.		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cụ thể và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ để giải quyết vấn đề.		
Standard process/flow	1. Người dùng đăng nhập và truy cập vào hệ thống. 2. Người dùng bấm vào biểu tượng “ Cái chuông” trên thanh Menu. 3. Hệ thống hiển thị danh sách thông báo.		
Alternative processes/flow	2'. Nếu không thể gửi thông báo xác nhận đến người dùng do lỗi hệ thống hệ thống ghi nhận và lưu trữ thông báo để gửi lại sau khi vấn đề được giải quyết. 2". Hệ thống có thể thông báo lỗi đến quản trị viên để xử lý sự cố.		

### 2.1.34. UC [Quản lý thông tin nhà hàng ]

Name	Quản lý thông tin nhà hàng	Code	UC
Description	Đối tác quản lý thông tin nhà hàng của mình		
Actor	Đối tác	Trigger	
Pre-condition	Đối tác chọn chức năng "Quản lý thông tin nhà hàng" trong hệ thống.		
Post condition	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
Error situations	Thông tin nhà hàng được cập nhật và lưu lại trên hệ thống.		
System state in error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin nhà hàng.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin nhà hàng.</li> </ul>		
Standard process/flow	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
Alternative processes/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Quản lý thông tin nhà hàng".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin nhà hàng.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin nhà hàng.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin nhà hàng.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin nhà hàng.</li> </ol>		

### 2.1.35. UC [Quản lý địa chỉ ]

Name	Quản lý địa chỉ	Code	UC
Description	Đối tác quản lý địa chỉ của nhà hàng		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Quản lý địa chỉ" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Địa chỉ được cập nhật và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin địa chỉ</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin địa chỉ.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Quản lý địa chỉ".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin địa chỉ.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin địa chỉ.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin địa chỉ</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin địa chỉ.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin địa chỉ không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.		

### 2.1.36. UC [Quản lý bài viết]

<b>Name</b>	Quản lý bài viết	<b>Code</b>	UC09
<b>Description</b>	Đối tác có thể quản lý các bài viết của mình trên hệ thống, bao gồm tạo mới, chỉnh sửa, xóa bài viết và xem danh sách bài viết.		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Quản lý bài viết"
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền của đối tác.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Post condition</b>	Các thao tác quản lý bài viết được thực hiện và cập nhật trên hệ thống.
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi lưu bài viết mới.</li> <li>- Lỗi khi chỉnh sửa bài viết.</li> <li>- Lỗi khi xóa bài viết.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.</li> </ul>
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Quản lý bài viết".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách bài viết hiện có của đối tác.</li> <li>3. Đối tác chỉnh sửa</li> <li>4a. Nếu tạo mới:             <ol style="list-style-type: none"> <li>a1. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin bài viết mới.</li> <li>a2. Đối tác nhập thông tin bài viết và xác nhận lưu.</li> <li>a3. Hệ thống lưu lại bài viết mới và cập nhật danh sách bài viết.</li> </ol> </li> <li>4b. Nếu chỉnh sửa:             <ol style="list-style-type: none"> <li>b1. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa bài viết.</li> <li>b2. Đối tác chỉnh sửa thông tin bài viết và xác nhận lưu.</li> <li>b3. Hệ thống lưu lại bài viết đã chỉnh sửa và cập nhật danh sách bài viết.</li> </ol> </li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	4a2'. Nếu thông tin bài viết không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại.

### 2.1.37. UC [Đăng bài viết]

<b>Name</b>	<b>Đăng bài viết</b>	<b>Code</b>	UC10
<b>Description</b>	Đối tác đăng bài viết mới lên hệ thống.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Đăng bài viết".
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập và có quyền đăng bài viết.		
<b>Post condition</b>	Bài viết mới được đăng và hiển thị trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi lưu bài viết mới.</li> <li>- Thông tin bài viết không hợp lệ.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Đăng bài viết".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin bài viết.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin bài viết và xác nhận lưu.</li> <li>4. Hệ thống lưu bài viết và hiển thị trên hệ thống.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu thông tin bài viết không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại.		

### 2.1.38. UC [Xoá bài viết]

<b>Name</b>	Xóa bài viết	<b>Code</b>	UC11
<b>Description</b>	Đối tác xóa bài viết khỏi hệ thống.		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Xóa bài viết".
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập và có quyền xóa bài viết.		
<b>Post condition</b>	Bài viết bị xóa khỏi hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy bài viết cần xóa.</li> <li>- Lỗi khi xóa bài viết.</li> </ul>		

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Xóa bài viết".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết của đối tác.</li> <li>3. Đối tác chọn bài viết cần xóa.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị xác nhận xóa bài viết.</li> <li>5. Đối tác xác nhận xóa.</li> <li>6. Hệ thống xóa bài viết và cập nhật danh sách bài viết.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy bài viết cần xóa, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.

### 2.1.39. UC [Chỉnh sửa bài viết]

<b>Name</b>	Chỉnh sửa bài viết	<b>Code</b>	UC12
<b>Description</b>	Đối tác chỉnh sửa bài viết trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Chỉnh sửa bài viết".
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập và có quyền chỉnh sửa bài viết.		
<b>Post condition</b>	Bài viết được chỉnh sửa và cập nhật trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy bài viết cần chỉnh sửa.</li> <li>- Lỗi khi lưu bài viết chỉnh sửa.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.		

<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Chỉnh sửa bài viết".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết của đối tác.</li> <li>3. Đối tác chọn bài viết cần chỉnh sửa.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa bài viết.</li> <li>5. Đối tác chỉnh sửa thông tin bài viết và xác nhận lưu.</li> <li>6. Hệ thống lưu bài viết đã chỉnh sửa và cập nhật danh sách bài viết.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>3'. Nếu không tìm thấy bài viết cần chỉnh sửa, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.</li> </ol>

#### 2.1.40. UC [Quản lý Combo món ăn]

Name	Quản lý Combo món ăn	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác quản lý các combo món ăn của nhà hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Quản lý Combo món ăn" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin combo món ăn được cập nhật và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin combo món ăn.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin combo món ăn.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Quản lý Combo món ăn".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin combo món ăn.</li> </ol>		

	<p>3. Đối tác nhập thông tin combo món ăn.</p> <p>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin combo món ăn.</p> <p>5. Hệ thống lưu lại thông tin combo món ăn.</p>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin combo món ăn không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.

#### 2.1.41. UC [Chỉnh sửa combo]

Name	Chỉnh sửa combo	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác chỉnh sửa thông tin các combo món ăn của nhà hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Chỉnh sửa combo" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin combo món ăn được chỉnh sửa và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin combo món ăn.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin combo món ăn.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Chỉnh sửa combo".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin combo món ăn.</li> <li>3. Đối tác chỉnh sửa thông tin combo món ăn.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin combo món ăn.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin combo món ăn đã chỉnh sửa.</li> </ol>		

<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin combo món ăn không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.
-----------------------------------	---

### 2.1.42. UC [Thêm combo]

Name	Thêm combo	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác thêm các combo món ăn mới cho nhà hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Thêm combo" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin combo món ăn mới được thêm vào và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin combo món ăn.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin combo món ăn.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Thêm combo".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin combo món ăn.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin combo món ăn.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin combo món ăn.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin combo món ăn mới.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin combo món ăn không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.		

### 2.1.43. UC [Đăng ký hợp tác]

Name	Đăng ký hợp tác	Code	UC
Description	Đối tác đăng ký hợp tác với hệ thống		
Actor	Đối tác	Trigger	Đối tác chọn chức năng "Đăng ký hợp tác" trong hệ thống.
Pre-condition	Đối tác phải cung cấp thông tin hợp tác hợp lệ.		
Post condition	Thông tin đăng ký hợp tác được lưu lại và chờ xét duyệt.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin đăng ký.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin đăng ký.</li> </ul>		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
Standard process/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Đăng ký hợp tác".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin đăng ký hợp tác.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin đăng ký hợp tác.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin đăng ký hợp tác.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin đăng ký hợp tác và chờ xét duyệt.</li> </ol>		
Alternative processes/flow	2'. Nếu thông tin đăng ký hợp tác không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.		

### 2.1.44. UC [Gửi yêu cầu]

Name	Gửi yêu cầu	Code	UC
Description	Đối tác gửi yêu cầu đến hệ thống		

<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Gửi yêu cầu" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Yêu cầu của đối tác được gửi và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin yêu cầu</li> <li>- Lỗi khi gửi yêu cầu.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Gửi yêu cầu".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin yêu cầu.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin yêu cầu.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và gửi yêu cầu.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin yêu cầu và gửi đến hệ thống.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin yêu cầu không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.		

#### 2.1.45. UC [Nhận thông báo xác nhận]

<b>Name</b>	Nhận thông báo xác nhận	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Đối tác nhận thông báo xác nhận từ hệ thống		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Hệ thống gửi thông báo xác nhận đến đối tác.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông báo xác nhận được nhận và lưu lại trên hệ thống.		

<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhận thông báo xác nhận.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin thông báo.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống gửi thông báo xác nhận đến đối tác.</li> <li>2. Đối tác nhận thông báo xác nhận.</li> <li>3. Đối tác xác nhận và lưu thông tin thông báo.</li> <li>4. Hệ thống lưu lại thông tin thông báo xác nhận.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thông báo không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.

#### 2.1.46. UC [Nhận thông báo đặt bàn]

Name	Nhận thông báo đặt bàn	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác nhận thông báo đặt bàn từ hệ thống		
<b>Actor</b>	Đối tác	Trigger	Hệ thống gửi thông báo đặt bàn đến đối tác.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông báo đặt bàn được nhận và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhận thông báo đặt bàn.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin thông báo.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		

<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống gửi thông báo đặt bàn đến đối tác</li> <li>2. Đối tác nhận thông báo đặt bàn</li> <li>3. Đối tác xác nhận và lưu thông tin thông báo</li> <li>4. Hệ thống lưu lại thông tin thông báo đặt bàn.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2'. Nếu thông tin thông báo không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.</li> </ol>

#### 2.1.47. UC [Xem chi tiết đơn đặt]

Name	Xem chi tiết đơn đặt	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác xem chi tiết thông tin đơn đặt bàn		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Xem chi tiết đơn đặt" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin chi tiết đơn đặt bàn được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi truy xuất thông tin đơn đặt</li> <li>- Lỗi khi hiển thị thông tin.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xem chi tiết đơn đặt".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin đơn đặt.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin đơn đặt.</li> <li>4. Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin chi tiết đơn đặt.</li> <li>5. Đối tác xác nhận và kiểm tra thông tin chi tiết đơn đặt.</li> </ol>		

<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin đơn đặt không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.
-----------------------------------	--

### 2.1.48. UC [Quản lý đơn đặt bàn]

<b>Name</b>	<b>Quản lý đơn đặt bàn</b>		<b>Code</b>	UC15
<b>Description</b>	Đối tác quản lý các đơn đặt bàn của khách hàng trên hệ thống.			
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Quản lý đơn đặt bàn".	
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền quản lý đơn đặt bàn.			
<b>Post condition</b>	Đơn đặt bàn được cập nhật trạng thái hoặc quản lý thông tin theo yêu cầu.			
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy đơn đặt bàn cần quản lý.</li> <li>- Lỗi khi cập nhật trạng thái đơn đặt bàn.</li> </ul>			
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.			
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Quản lý đơn đặt bàn".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn của khách hàng.</li> <li>3. Đối tác chọn đơn đặt bàn cần quản lý.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của đơn đặt bàn.</li> <li>5. Đối tác cập nhật trạng thái hoặc thông tin đơn đặt bàn và xác nhận.</li> <li>6. Hệ thống lưu lại thông tin cập nhật và cập nhật danh sách đơn đặt bàn.</li> </ol>			
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy đơn đặt bàn cần quản lý, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.			

**2.1.49. UC [Cập nhật trạng thái]**

<b>Name</b>	Cập nhật trạng thái	<b>Code</b>	UC16
<b>Description</b>	Đối tác cập nhật trạng thái của đơn đặt bàn trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Quản lý đơn đặt bàn".
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền cập nhật trạng thái đơn đặt bàn.		
<b>Post condition</b>	Trạng thái đơn đặt bàn được cập nhật trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy đơn đặt bàn cần cập nhật.</li> <li>- Lỗi khi cập nhật trạng thái.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Quản lý đơn đặt bàn".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách trạng thái của đơn đặt bàn.</li> <li>3. Đối tác chọn trạng thái của đơn đặt bàn cần cập nhật.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn.</li> <li>5. Đối tác chọn trạng thái mới và xác nhận.</li> <li>6. Hệ thống lưu trạng thái mới và cập nhật danh sách đơn đặt bàn.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	3' Nếu không tìm thấy đơn đặt bàn cần cập nhật, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.		

**2.1.50. UC [Xác nhận đặt]**

<b>Name</b>	Xác nhận đặt	<b>Code</b>	UC17
-------------	--------------	-------------	------

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Description</b>	Đối tác xác nhận đơn đặt bàn của khách hàng trên hệ thống.		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Đơn chờ xác nhận".
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền xác nhận đơn đặt bàn.		
<b>Post condition</b>	Đơn đặt bàn được xác nhận và cập nhật trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy đơn đặt bàn cần xác nhận.</li> <li>- Lỗi khi xác nhận đơn đặt bàn.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Đơn chờ xác nhận".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn của khách hàng</li> <li>3. Đối tác chọn đơn đặt bàn cần xác nhận.</li> <li>4. Đối tác bấm "Xác nhận".</li> <li>5. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu xác nhận lại.</li> <li>6. Đối tác xác nhận đơn đặt bàn.</li> <li>7. Hệ thống lưu trạng thái xác nhận</li> <li>8. Hệ thống cập nhật đơn đặt bàn vào trạng thái phù hợp.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy đơn đặt bàn cần xác nhận, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.		

### 2.1.51. UC [Xác nhận hoàn thành]

<b>Name</b>	Xác nhận hoàn thành	<b>Code</b>	UC18
<b>Description</b>	Đối tác xác nhận hoàn thành đơn đặt bàn của khách hàng trên hệ thống.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Đơn đã xác nhận".
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền xác nhận hoàn thành đơn đặt bàn.		
<b>Post condition</b>	Đơn đặt bàn được xác nhận hoàn thành và cập nhật trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy đơn đặt bàn cần xác nhận hoàn thành.</li> <li>- Lỗi khi xác nhận hoàn thành.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Đơn đã xác nhận".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn của khách hàng.</li> <li>3. Đối tác chọn đơn đặt bàn cần xác nhận hoàn thành.</li> <li>4. Đối tác bấm "Hoàn thành"</li> <li>5. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu xác nhận lại.</li> <li>6. Yêu cầu nhập hóa đơn.</li> <li>7. Đối tác xác nhận hoàn thành đơn đặt bàn.</li> <li>8. Hệ thống cập nhật đơn đặt bàn vào trạng thái phù hợp.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy đơn đặt bàn cần xác nhận hoàn thành, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.		

### 2.1.52. UC [Tù chối đặt]

<b>Name</b>	Tù chối đặt	<b>Code</b>	UC19
<b>Description</b>	Đối tác từ chối đơn đặt bàn của khách hàng trên hệ thống.		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Chờ xác nhận" hoặc "Đã xác nhận"
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền từ chối đơn đặt bàn.		
<b>Post condition</b>	Đơn đặt bàn được từ chối và cập nhật trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy đơn đặt bàn cần từ chối.</li> <li>- Lỗi khi từ chối đơn đặt bàn.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Chờ xác nhận"</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt bàn của khách hàng.</li> <li>3. Đối tác chọn đơn đặt bàn cần từ chối.</li> <li>4. Đối tác bấm "Hủy"</li> <li>5. Hệ thống hiển thị giao diện xác nhận từ chối.</li> <li>6. Yêu cầu nhập lý do.</li> <li>7. Đối tác bấm "xác nhận" từ chối đơn đặt bàn.</li> <li>8. Hệ thống lưu trạng thái.</li> <li>9. Hệ thống cập nhật đơn đặt bàn vào trạng thái phù hợp.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy đơn đặt bàn cần từ chối, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.		

### 2.1.53. UC [Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT]

<b>Name</b>	Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Đối tác tìm kiếm đơn đặt bàn theo số điện thoại		

<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin đơn đặt bàn theo số điện thoại được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi truy xuất thông tin đơn đặt.</li> <li>- Lỗi khi hiển thị thông tin.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Tìm kiếm đơn đặt bàn theo SDT".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập số điện thoại.</li> <li>3. Đối tác nhập số điện thoại.</li> <li>4. Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin đơn đặt bàn theo số điện thoại.</li> <li>5. Đối tác xác nhận và kiểm tra thông tin đơn đặt bàn.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin số điện thoại không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		

#### 2.1.54. UC [Xem thống kê doanh thu]

<b>Name</b>	Xem thống kê doanh thu	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Đối tác xem thống kê doanh thu của nhà hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Xem thống kê doanh thu" trong hệ thống.

<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.
<b>Post condition</b>	Thông tin thống kê doanh thu được hiển thị.
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi truy xuất thông tin thống kê</li> <li>- Lỗi khi hiển thị thông tin.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xem thống kê doanh thu".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thống kê.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin thống kê.</li> <li>4. Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin thống kê doanh thu.</li> <li>5. Đối tác xác nhận và kiểm tra thông tin thống kê doanh thu.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.

### 2.1.55. UC [Xem thống kê đặt bàn]

Name	Xem thống kê đặt bàn	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác xem thống kê đặt bàn của nhà hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	Trigger	Đối tác chọn chức năng "Xem thống kê đặt bàn" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin thống kê đặt bàn được hiển thị.		

<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi truy xuất thông tin thống kê</li> <li>- Lỗi khi hiển thị thông tin.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xem thống kê đặt bàn".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thống kê.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin thống kê</li> <li>4. Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin thống kê đặt bàn.</li> <li>5. Đối tác xác nhận và kiểm tra thông tin thống kê đặt bàn.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.

#### 2.1.56. UC [Xem thống kê đánh giá]

Name	Xem thống kê đánh giá	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác xem thống kê đánh giá của khách hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Xem thống kê đánh giá" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin thống kê đánh giá được hiển thị.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi truy xuất thông tin thống kê</li> <li>- Lỗi khi hiển thị thông tin.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		

<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Xem thông kê đánh giá".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thống kê.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin thống kê.</li> <li>4. Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin thống kê đánh giá</li> <li>5. Đối tác xác nhận và kiểm tra thông tin thống kê đánh giá.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2'. Nếu thông tin thống kê không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.</li> </ol>

### 2.1.57. UC [Thanh toán dịch vụ]

Name	Thanh toán dịch vụ	Code	UC
Description	Đối tác thanh toán dịch vụ cho nhà hàng		
Actor	Đối tác	Trigger	Đối tác chọn chức năng "Thanh toán dịch vụ" trong hệ thống.
Pre-condition	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
Post condition	Thông tin thanh toán được ghi nhận và lưu lại trên hệ thống.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin thanh toán.</li> <li>- Lỗi khi xử lý thanh toán.</li> </ul>		
System state in error situations	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		
Standard process/flow	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Thanh toán dịch vụ".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thanh toán.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin thanh toán.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và tiến hành thanh toán.</li> </ol>		

	5. Hệ thống xử lý thanh toán và lưu lại thông tin thanh toán.
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thanh toán không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.

### 2.1.58. UC [Quản lý số lượng bàn theo giờ]

Name	Quản lý số lượng bàn theo giờ	Code	UC
<b>Description</b>	Đối tác quản lý số lượng bàn theo giờ của nhà hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Quản lý số lượng bàn theo giờ" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin số lượng bàn theo giờ được cập nhật và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin số lượng bàn</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin số lượng bàn.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Quản lý số lượng bàn theo giờ".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin số lượng bàn.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin số lượng bàn.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin số lượng bàn.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin số lượng bàn theo giờ.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin số lượng bàn không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		

### 2.1.59. UC [chăm sóc khách hàng]

<b>Name</b>	chăm sóc khách hàng	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Đối tác chăm sóc khách hàng của nhà hàng		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Chăm sóc khách hàng" trong hệ thống.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông tin chăm sóc khách hàng được lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi khi nhập thông tin chăm sóc khách hàng.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin chăm sóc khách hàng.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Chăm sóc khách hàng".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin chăm sóc khách hàng.</li> <li>3. Đối tác nhập thông tin chăm sóc khách hàng.</li> <li>4. Đối tác xác nhận và lưu thông tin chăm sóc khách hàng.</li> <li>5. Hệ thống lưu lại thông tin chăm sóc khách hàng.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin chăm sóc khách hàng không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác nhập lại thông tin.		

### 2.1.60. UC [Thông báo]

<b>Name</b>	Thông báo	<b>Code</b>	UC
-------------	-----------	-------------	----

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>Description</b>	Đối tác nhận thông báo từ hệ thống		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Hệ thống gửi thông báo đến đối tác.
<b>Pre-condition</b>	Đối tác phải đăng nhập vào hệ thống với quyền truy cập phù hợp.		
<b>Post condition</b>	Thông báo được nhận và lưu lại trên hệ thống.		
<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Lỗi khi nhận thông báo.</li> <li>- Lỗi khi lưu thông tin thông báo.</li> </ul>		
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống gửi thông báo đến đối tác.</li> <li>2. Đối tác nhận thông báo.</li> <li>3. Đối tác xác nhận và lưu thông tin thông báo.</li> <li>4. Hệ thống lưu lại thông tin thông báo.</li> </ol>		
<b>Alternative processes/flow</b>	2'. Nếu thông tin thông báo không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác kiểm tra lại thông tin.		

### 2.1.61. UC [Quản lý phản hồi của khách hàng]

<b>Name</b>	Quản lý phản hồi của khách hàng	<b>Code</b>	UC
<b>Description</b>	Đối tác quản lý các phản hồi của khách hàng trong hệ thống.		
<b>Actor</b>	Đối tác	<b>Trigger</b>	Đối tác chọn chức năng "Quản lý phản hồi".
<b>Pre-condition</b>	Đối tác đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền quản lý phản hồi.		
<b>Post condition</b>	Phản hồi được quản lý và cập nhật trong hệ thống.		

<b>Error situations</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy phản hồi cần quản lý.</li> <li>- Lỗi khi cập nhật phản hồi.</li> </ul>
<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Quản lý phản hồi".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách phản hồi của khách hàng.</li> <li>3. Đối tác chọn phản hồi cần quản lý.</li> <li>4. Đối tác thực hiện các thao tác như sửa, xóa hoặc trả lời phản hồi.</li> <li>5. Hệ thống lưu và cập nhật phản hồi.</li> <li>6. Hệ thống cập nhật trạng thái phản hồi phù hợp.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy phản hồi cần quản lý, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.

### 2.1.62. UC [Xem phản hồi khách hàng]

Name	Xem phản hồi khách hàng	Code	UC
Description	Đối tác xem các phản hồi của khách hàng trong hệ thống.		
Actor	Đối tác	Trigger	Đối tác chọn chức năng "Xem phản hồi".
Pre-condition	Đối tác đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền xem phản hồi.		
Post condition	Phản hồi được hiển thị trên hệ thống.		
Error situations	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tìm thấy phản hồi cần xem.</li> </ul>		

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

<b>System state in error situations</b>	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu đối tác thực hiện lại thao tác.
<b>Standard process/flow</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tác chọn chức năng "Xem phản hồi".</li> <li>2. Hệ thống hiển thị danh sách phản hồi của khách hàng.</li> <li>3. Đối tác chọn phản hồi cần xem.</li> <li>4. Hệ thống hiển thị chi tiết phản hồi.</li> </ol>
<b>Alternative processes/flow</b>	3'. Nếu không tìm thấy phản hồi cần xem, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.

### Activities

Actor		System	
<b>Main Flow: Login thành công</b>			
1	Actor nhập tên đăng nhập/mật khẩu và click vào button Login trên trang đăng nhập ( <a href="#">SC01</a> ).	2	Kiểm tra tên đăng nhập/mật khẩu là chính xác sau đó chuyển tới trang default role tương ứng ( <a href="#">SC03</a> , <a href="#">SC02...</a> )

Actor		System	
<b>Alternative Flow: Login không thành công</b>			
1	Actor nhập sai thông tin đăng nhập.	2	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi MS01

Actor		System	
<b>Alternative Process: NSD quên mật khẩu</b>			

## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

1	Actor chọn nút QUÊN MẬT KHẨU.	2	Hệ thống thực hiện theo UC04-QUÊN MẬT KHẨU  <i>Sau khi đổi mật khẩu xong, hệ thống sẽ quay lại trang Đăng nhập và thực hiện theo UC01- ĐĂNG NHẬP</i>
---	-------------------------------	---	--

### Business Rules

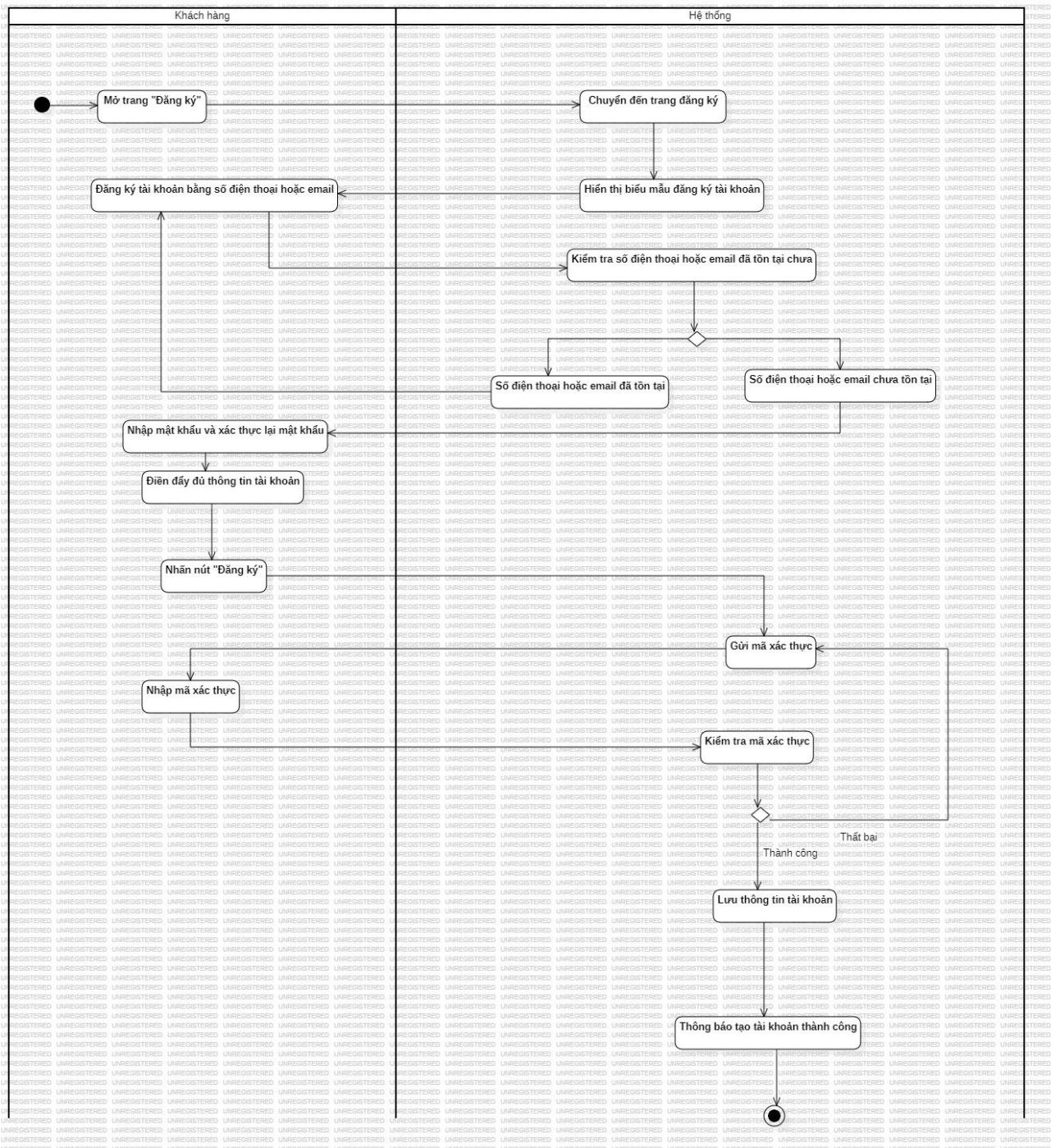
Rule No.	Rule	Description

### System Message

MS01	“Tên Đăng Nhập và/hoặc Mật Khẩu của bạn không chính xác. Vui lòng kiểm tra và thử lại.”  Message thông báo khi actor nhập sai tên đăng nhập/mật khẩu
------	--

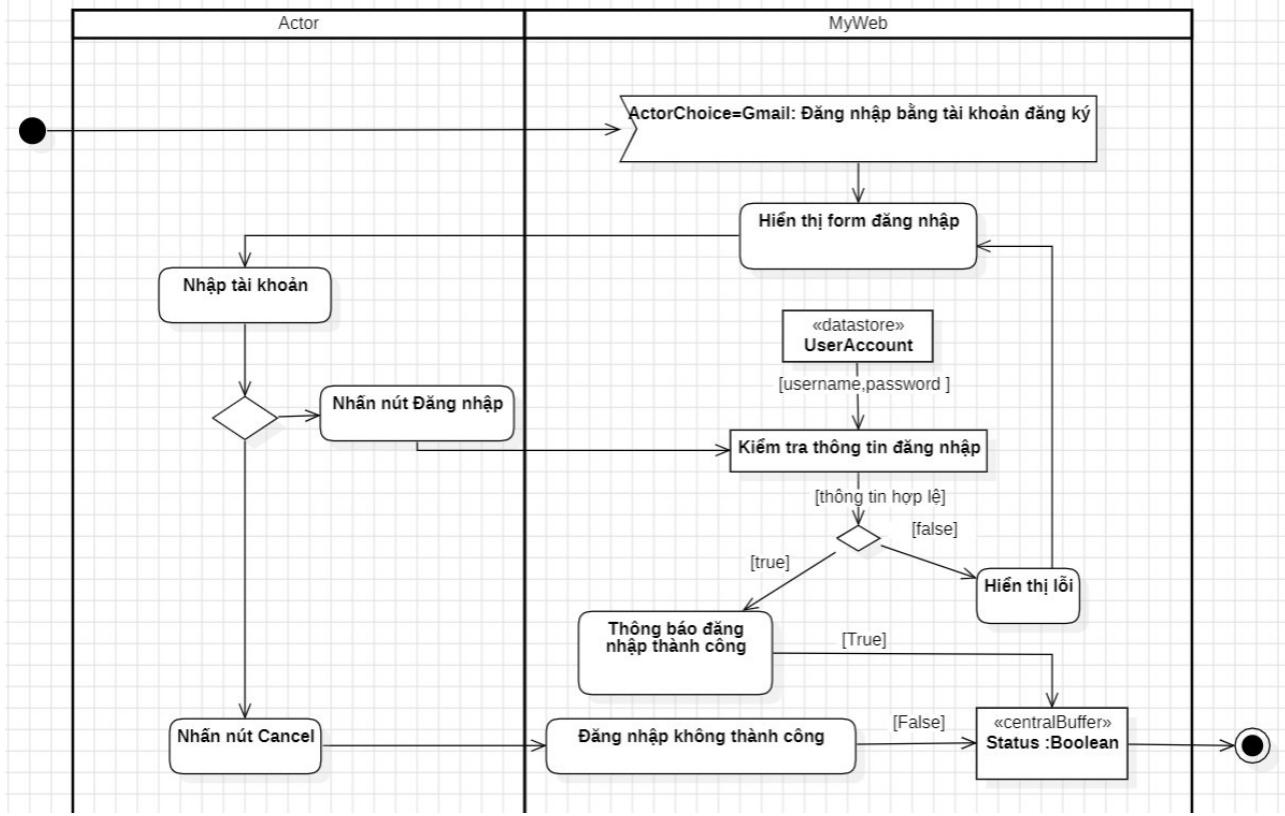
## 2.2. Activity Diagram

### 2.2.1. Quy trình [Đăng ký]



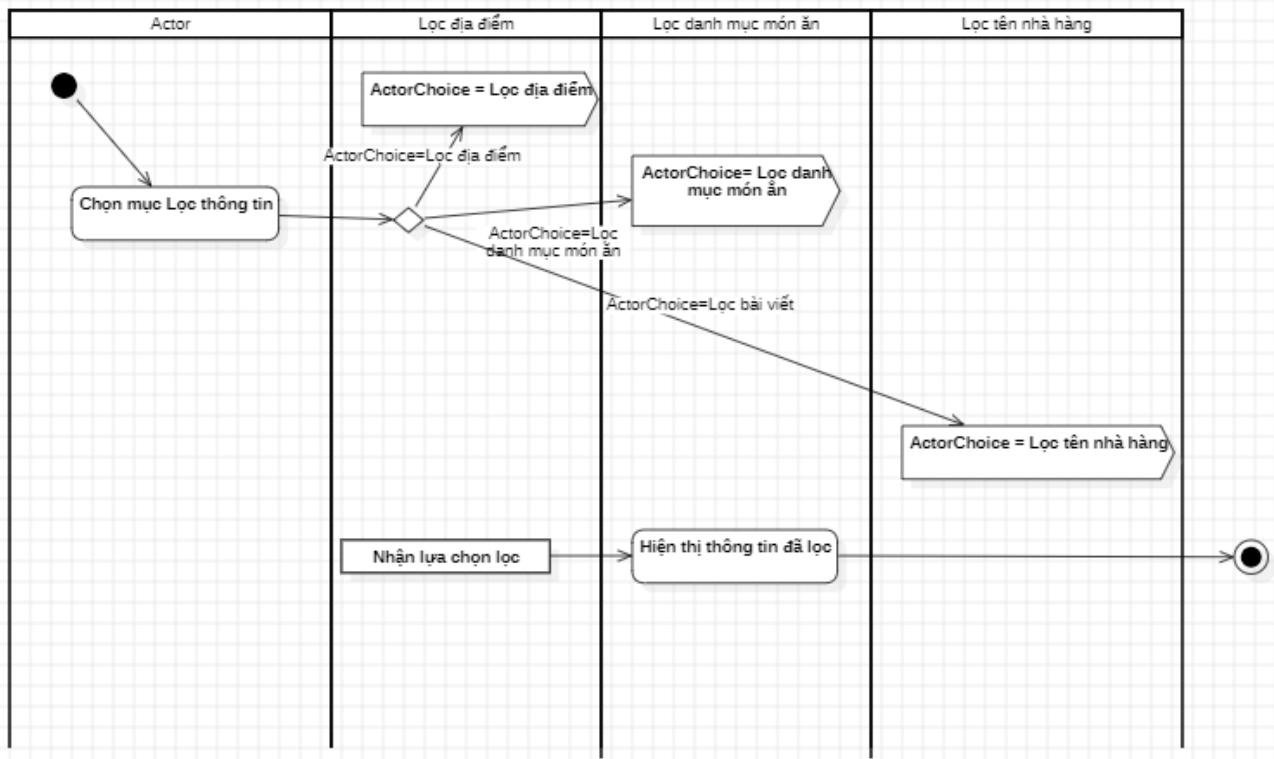
Hình 7: Activity Diagram [Đăng ký]

### 2.2.2. Quy trình [Đăng nhập]



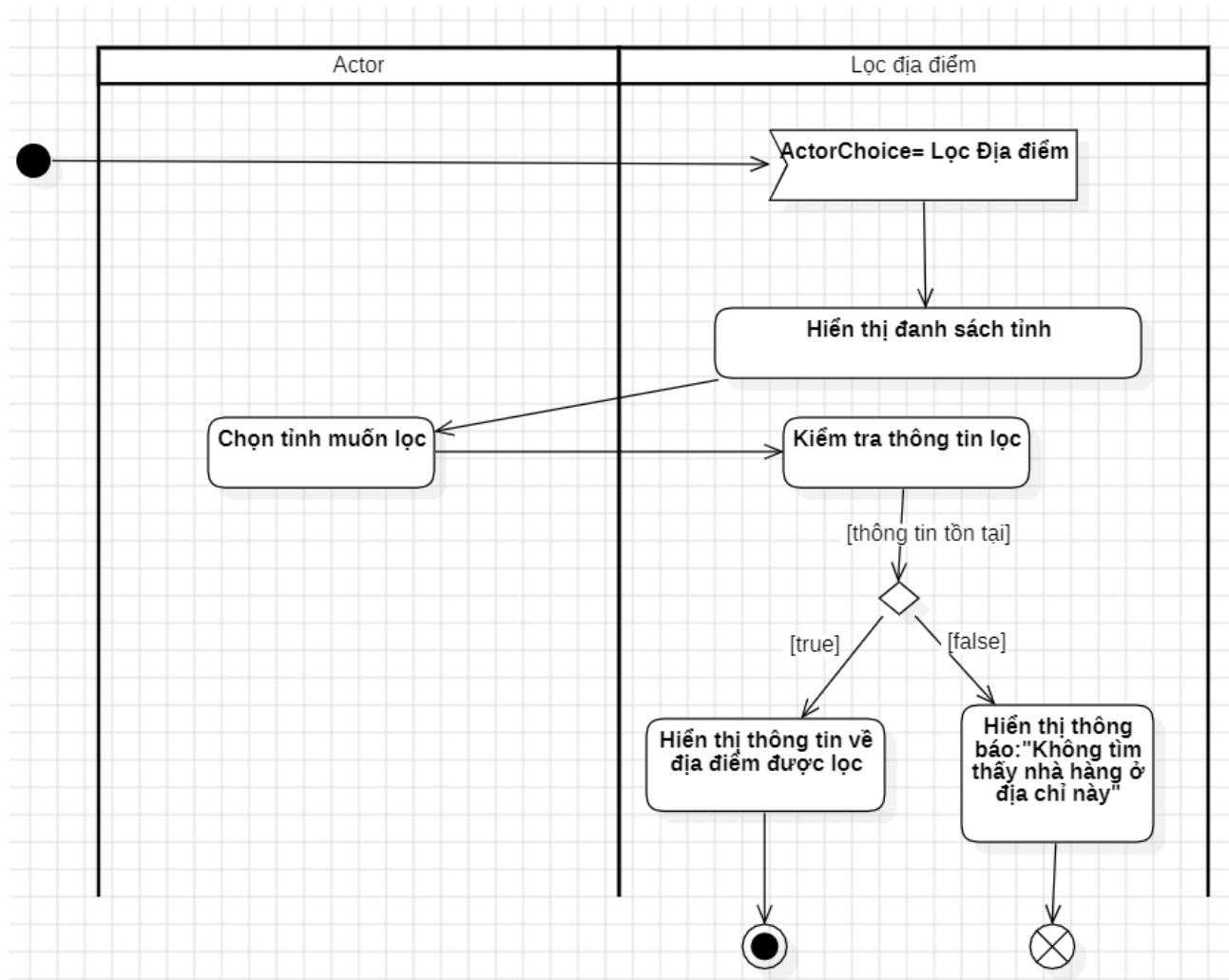
Hình 8: Activity Diagram [Đăng nhập]

### 2.2.3. Quy trình [Lọc thông tin]



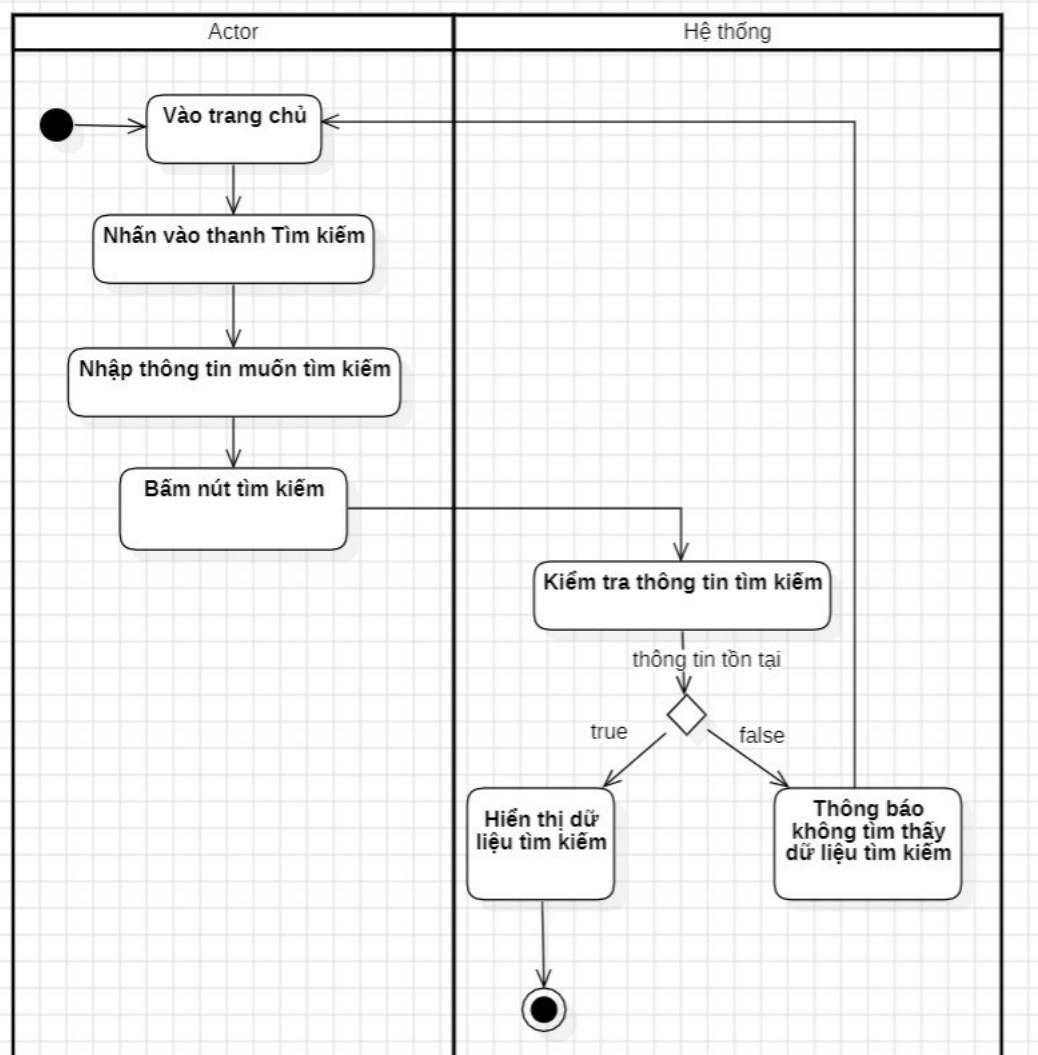
Hình 9: Activity Diagram [Lọc thông tin]

#### 2.2.4. Quy trình [Lọc địa điểm]



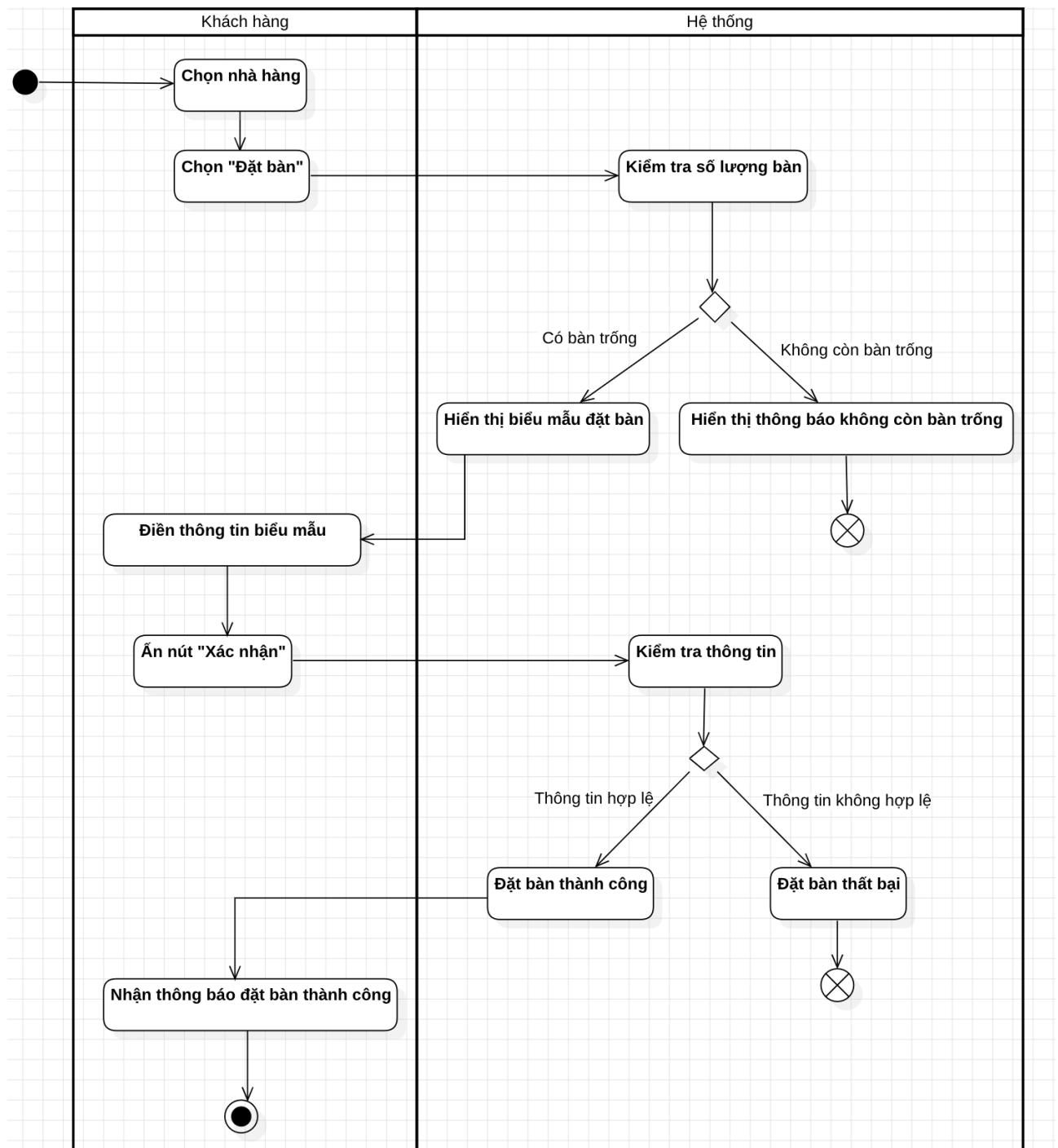
Hình 10: Activity Diagram [Lọc địa điểm]

### 2.2.5. Quy trình [Tìm kiếm]



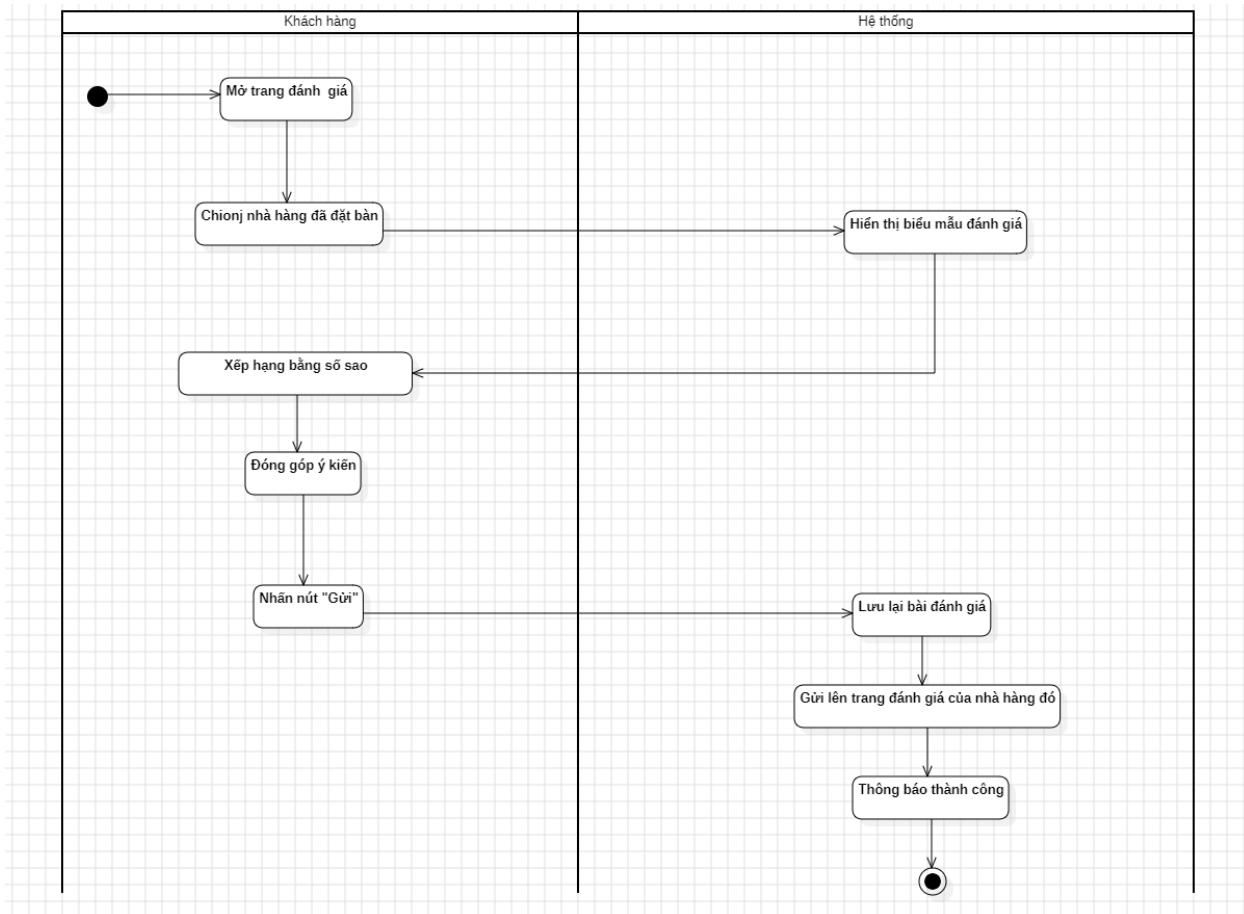
Hình 11: Activity Diagram [Tìm kiếm]

### 2.2.6. Quy trình [Đặt bàn]



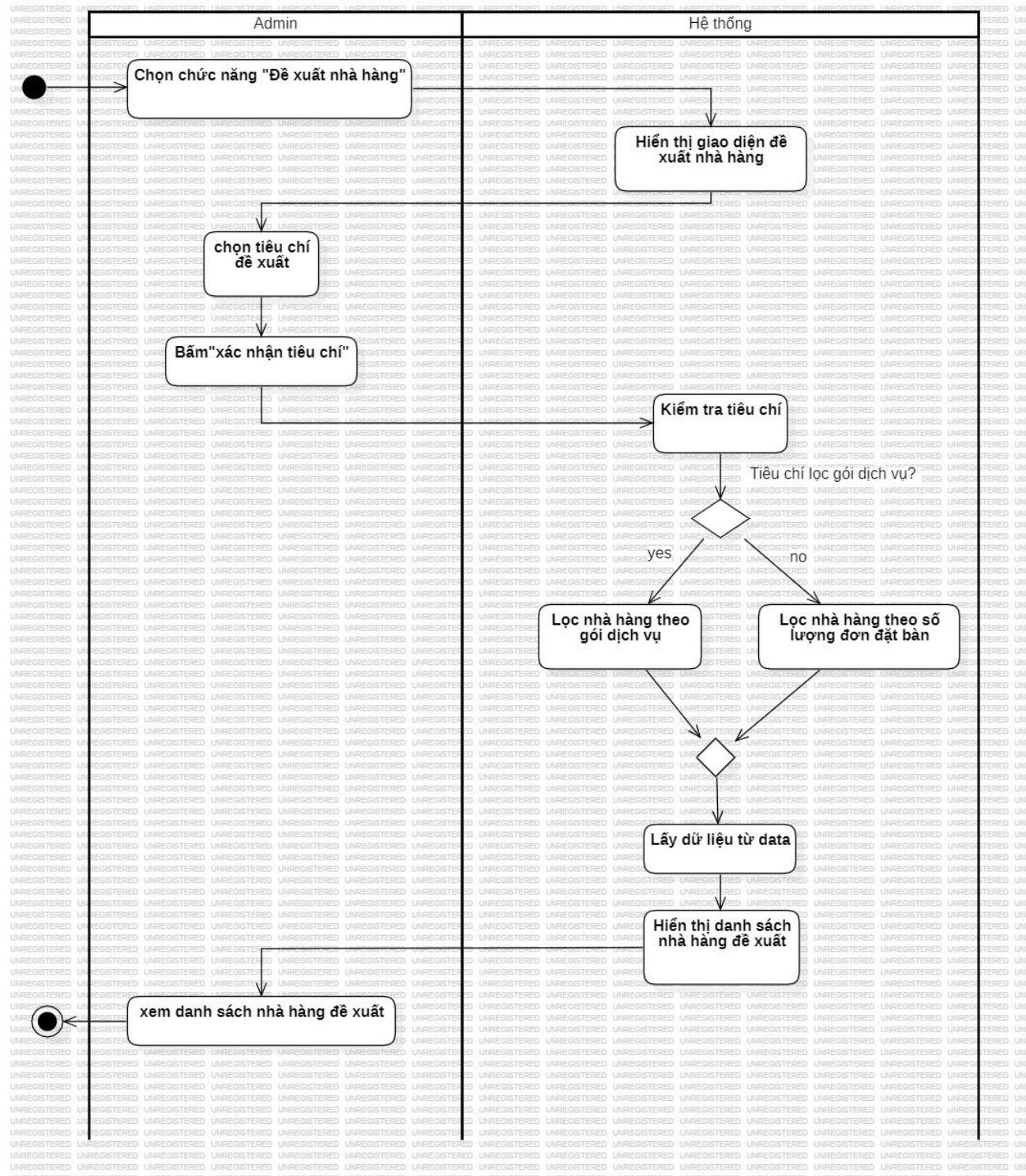
Hình 12: Activity Diagram [Đặt bàn]

### 2.2.7. Quy trình [Đánh giá]



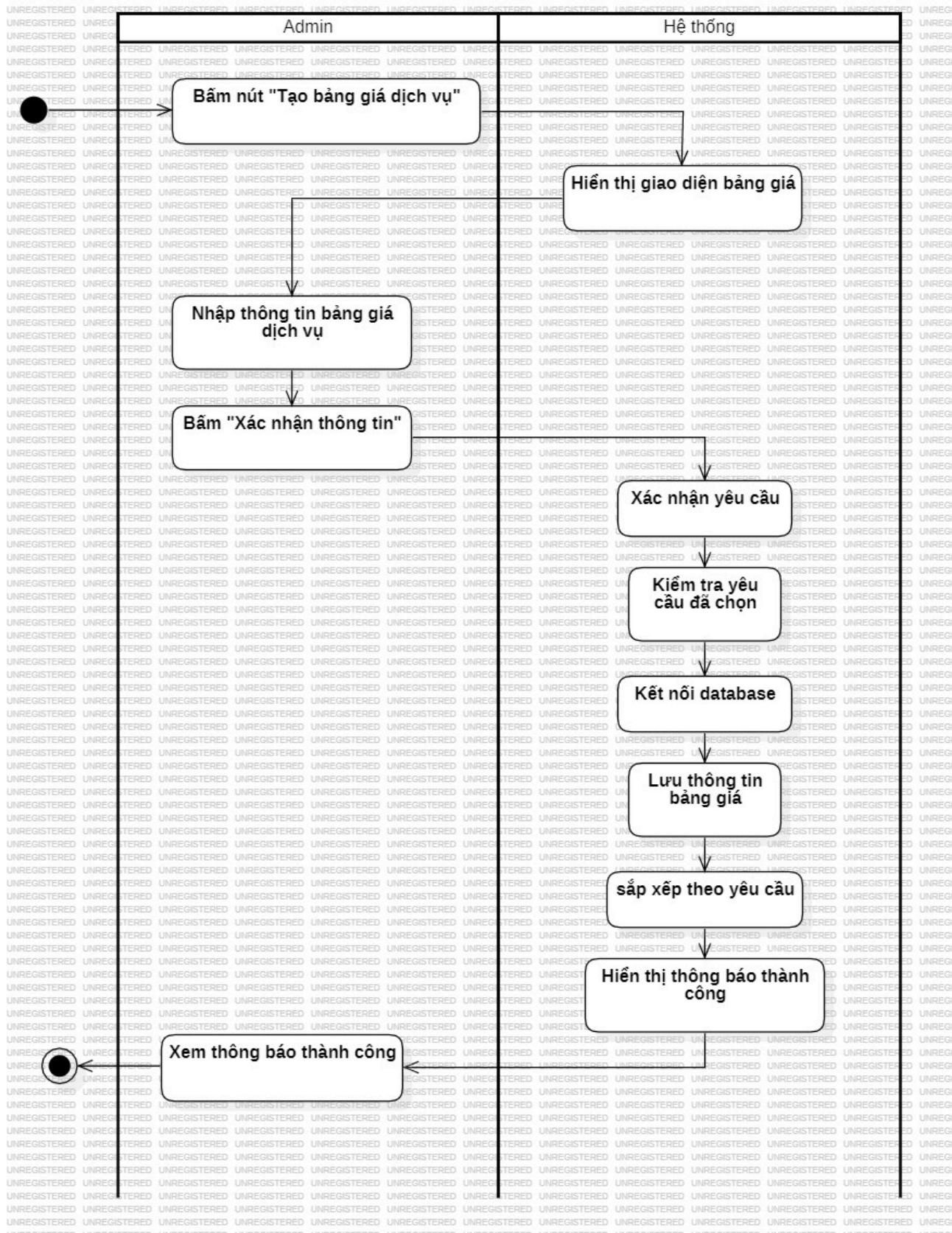
Hình 13: Activity Diagram [Đánh giá]

### 2.2.8. Quy trình [Đề xuất nhà hàng]



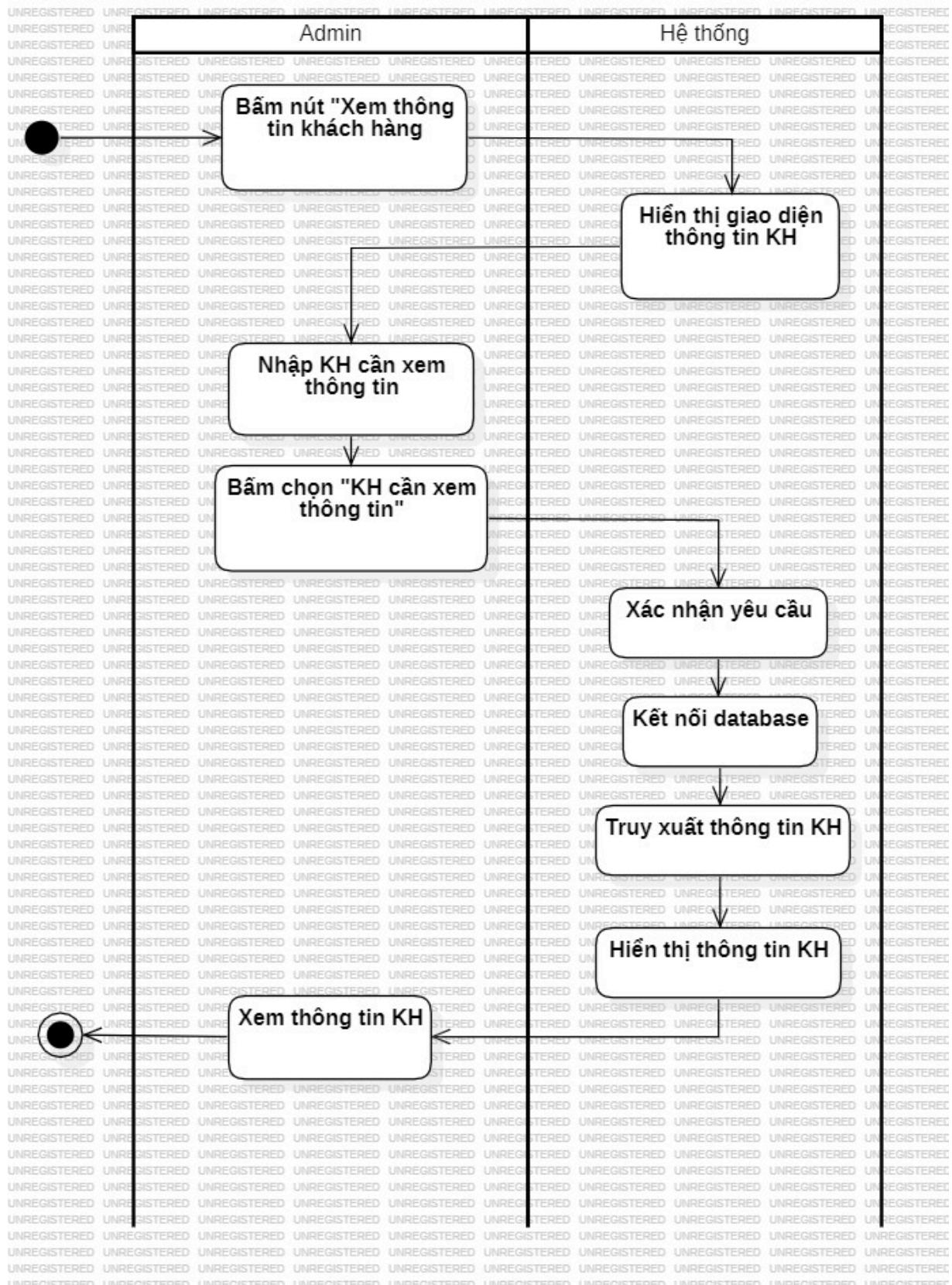
Hình 14: Activity Diagram [Đề xuất nhà hàng]

### 2.2.9. Quy trình [Tạo bảng giá dịch vụ]



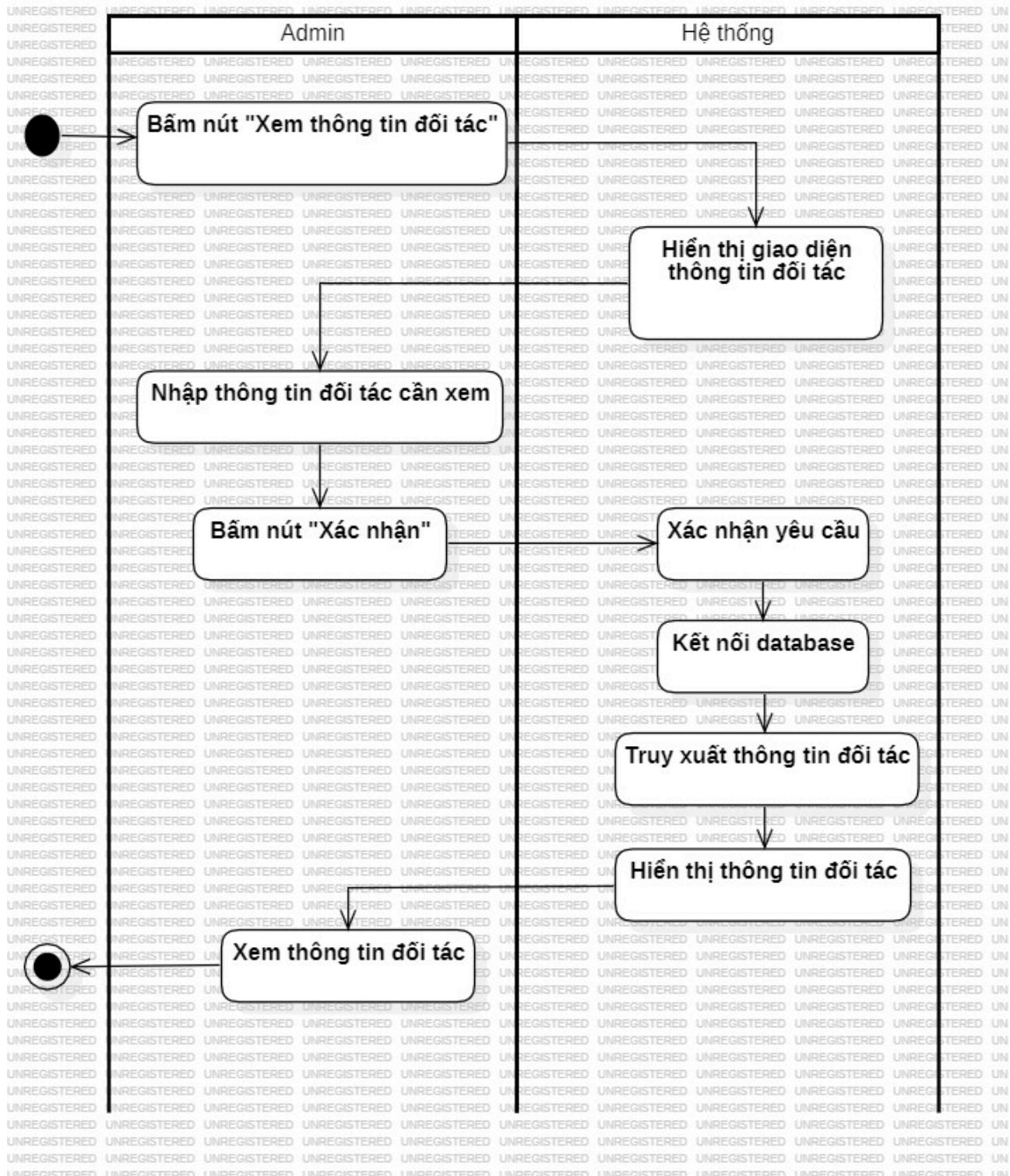
Hình 15: Activity Diagram [Tạo bảng giá dịch vụ]

### 2.2.10. Quy trình [Xem thông tin khách hàng]



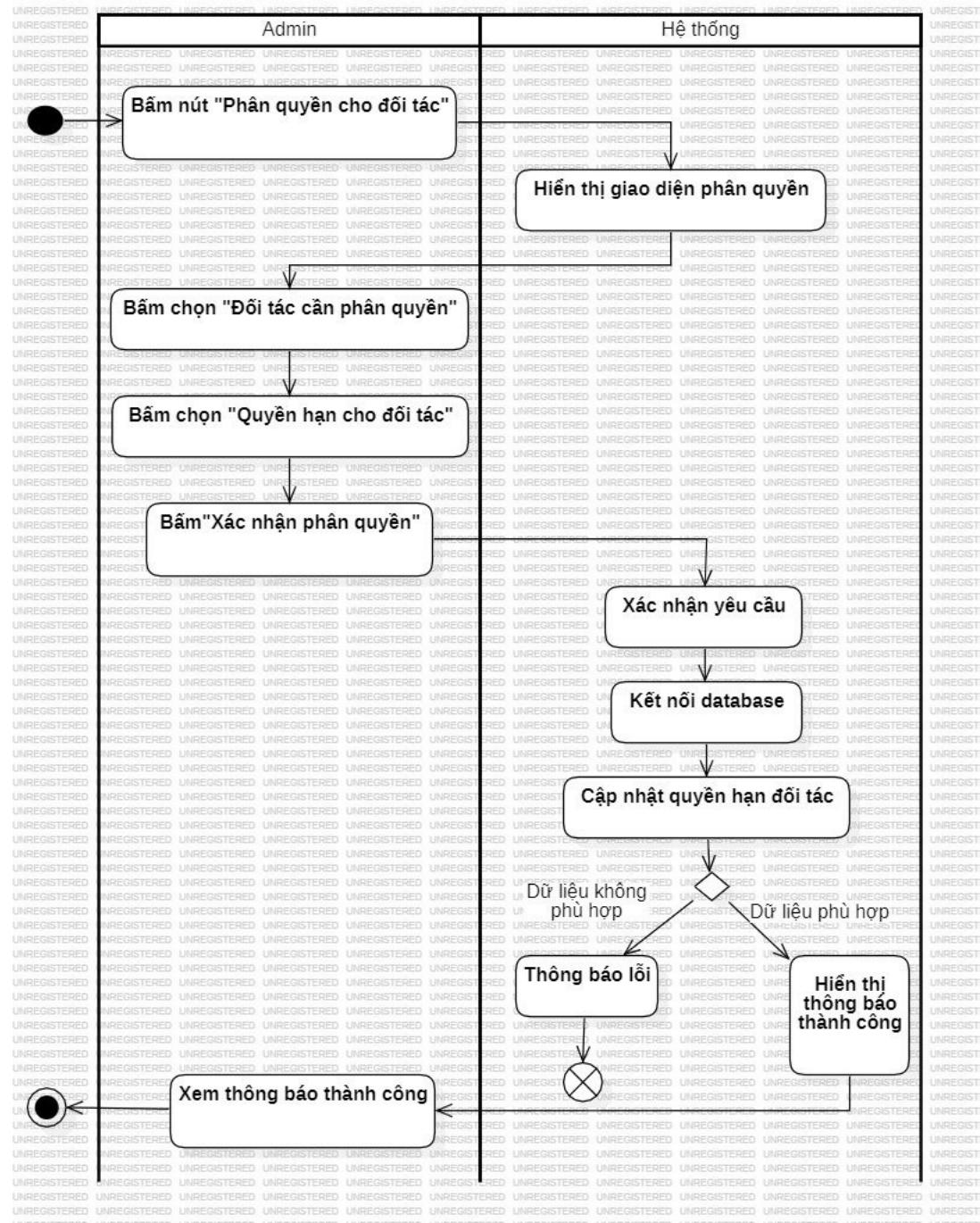
Hình 16: Activity Diagram [Xem thông tin khách hàng]

### 2.2.11. Quy trình [Xem thông tin đối tác]



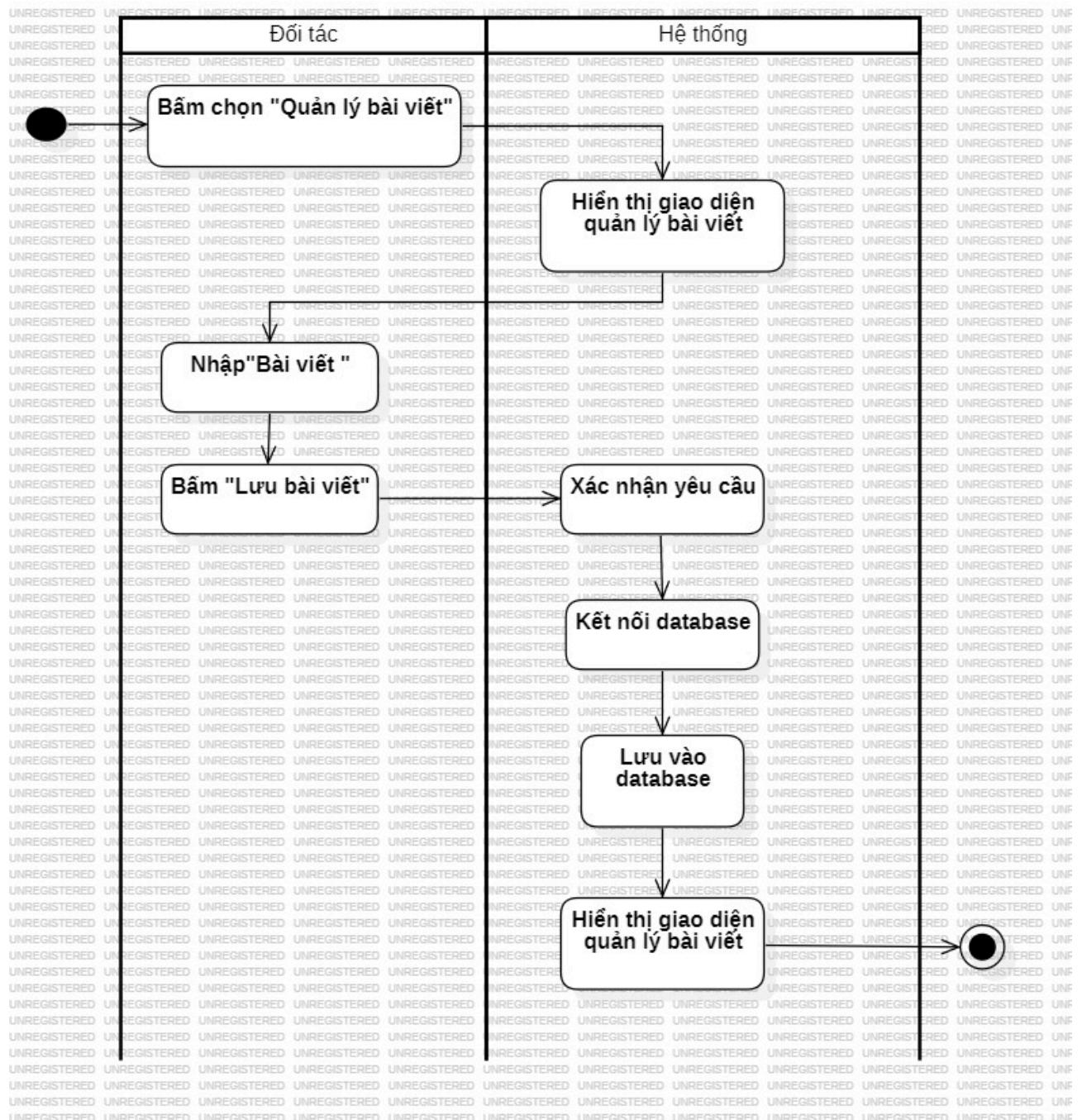
Hình 17: Activity Diagram [Xem thông tin đối tác]

### 2.2.12. Quy trình [Phân quyền cho đối tác]



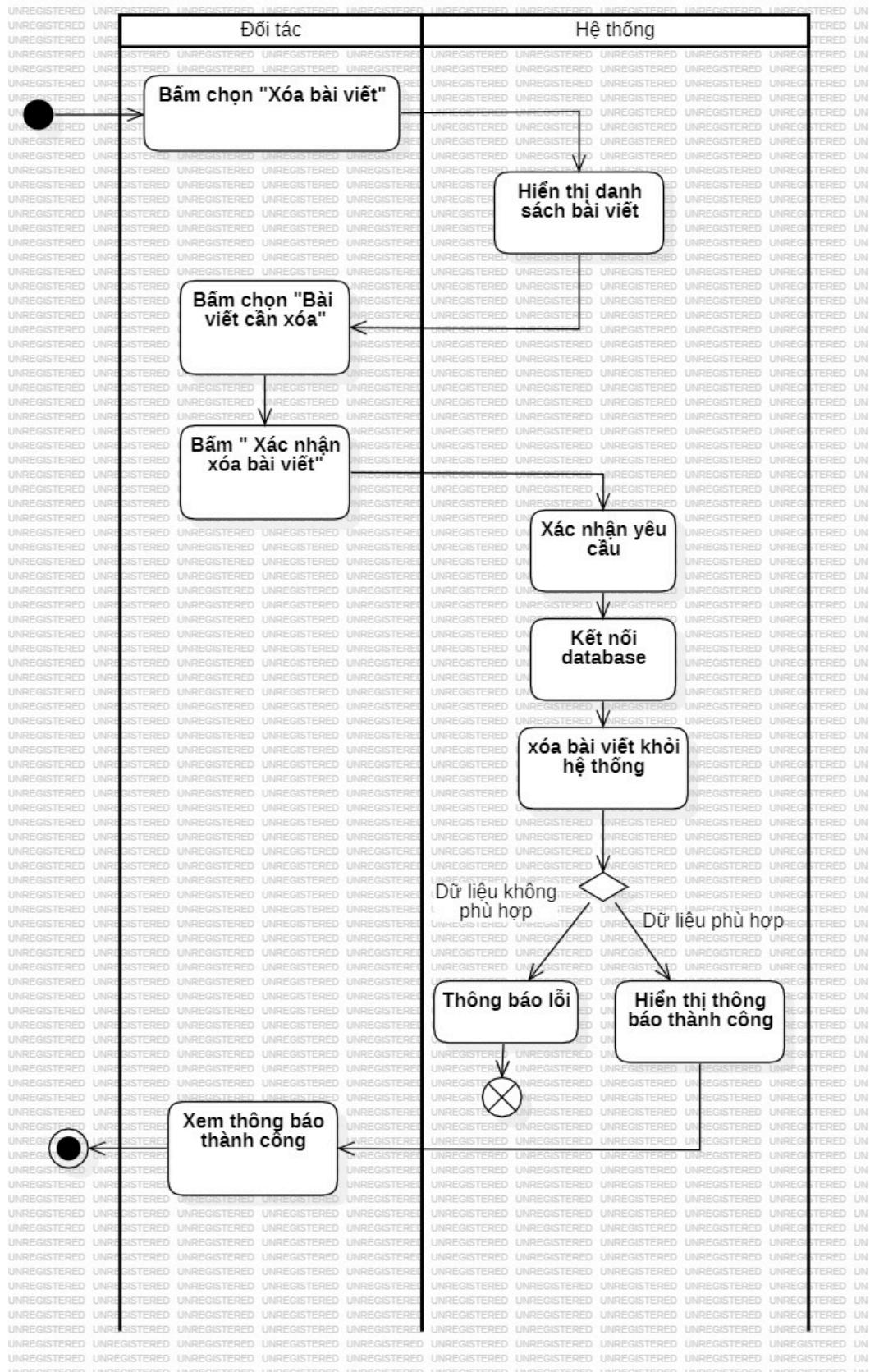
Hình 18: Activity Diagram [Phân quyền]

### 2.2.13. Quy trình [Quản lý bài viết]



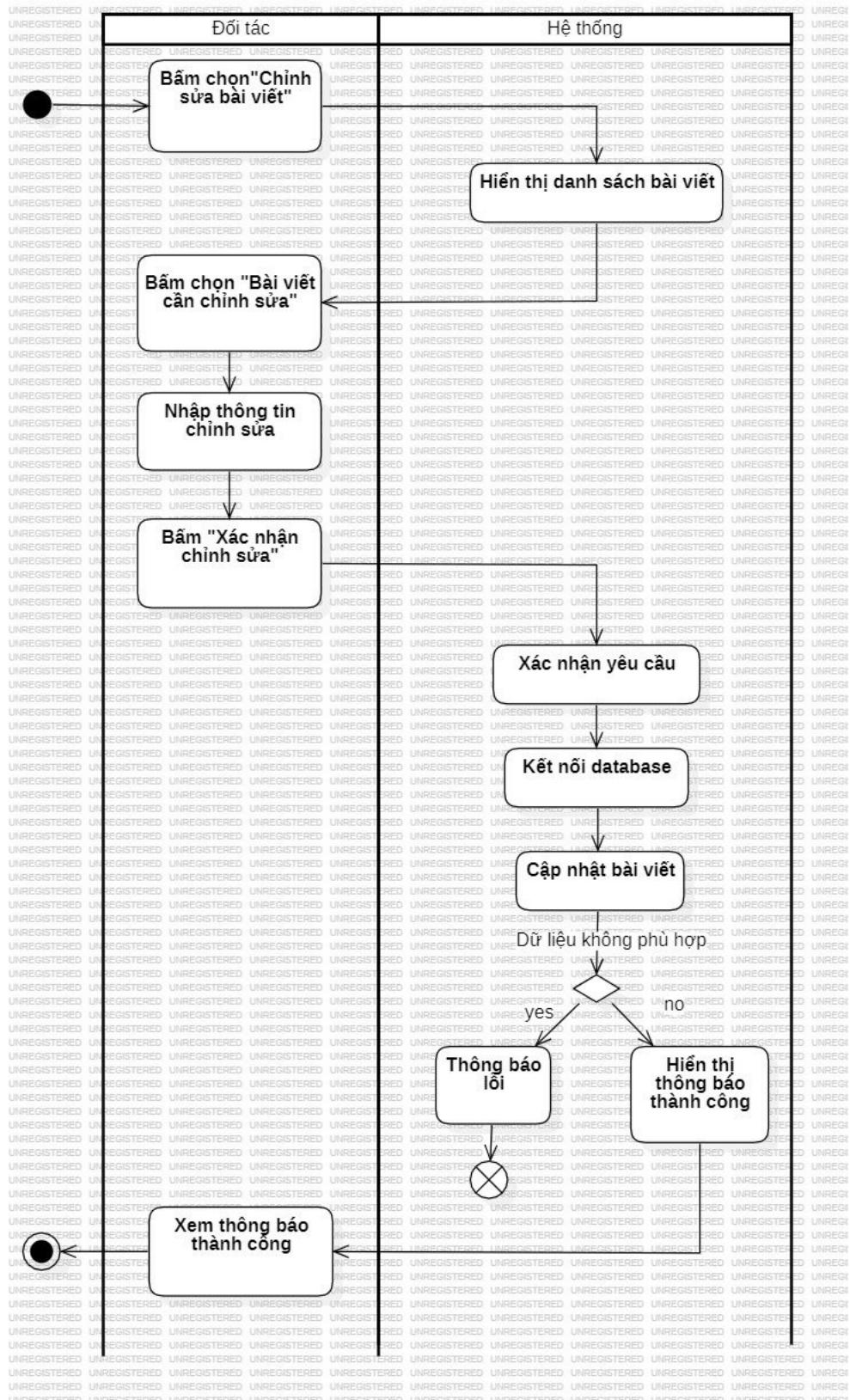
Hình 19: Activity Diagram [Quản lý bài viết]

### 2.2.14. Quy trình [Xoá bài viết]



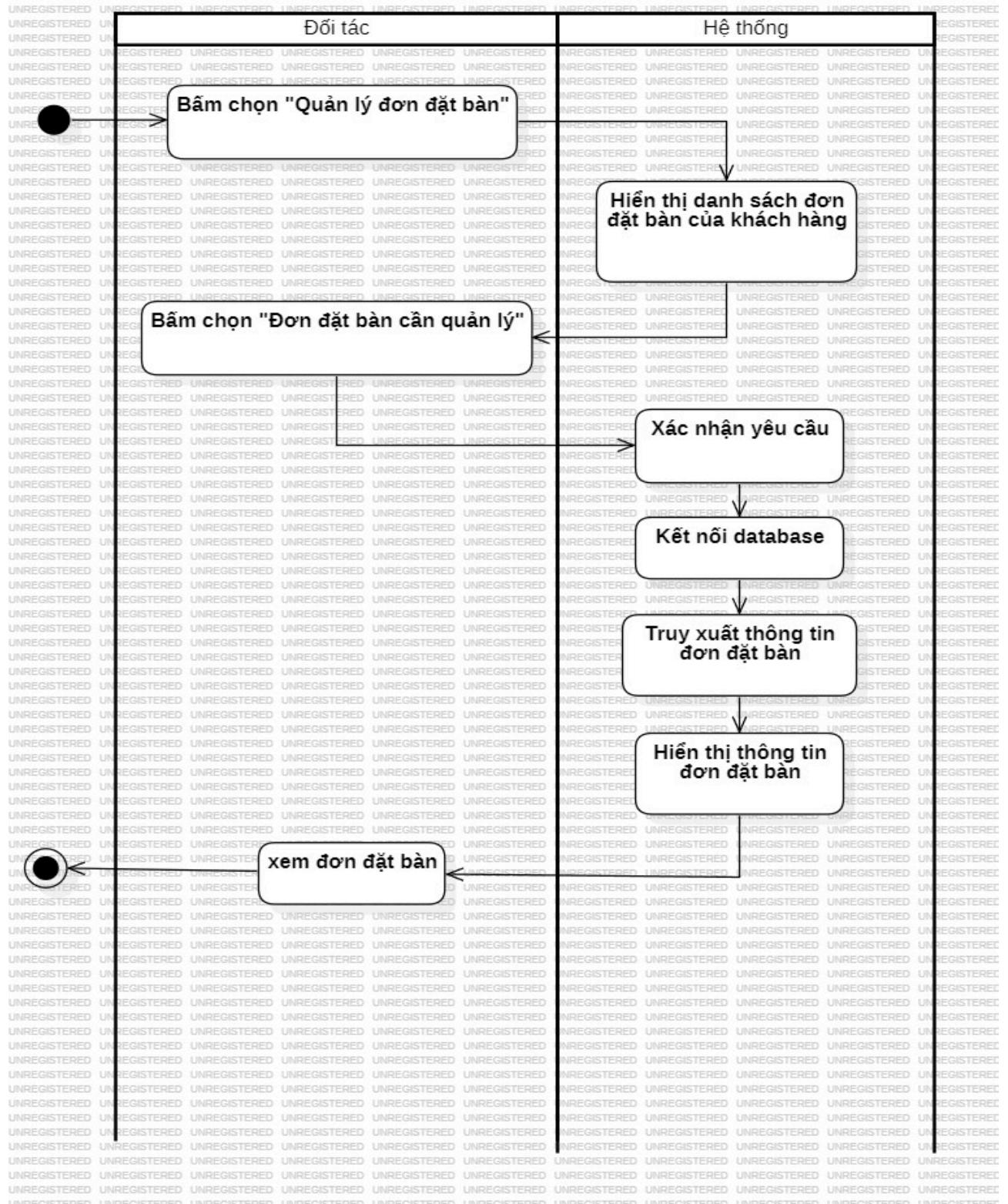
Hình 20: Activity Diagram [Xoa bai viet]

### 2.2.15. Quy trình [Chỉnh sửa bài viết]



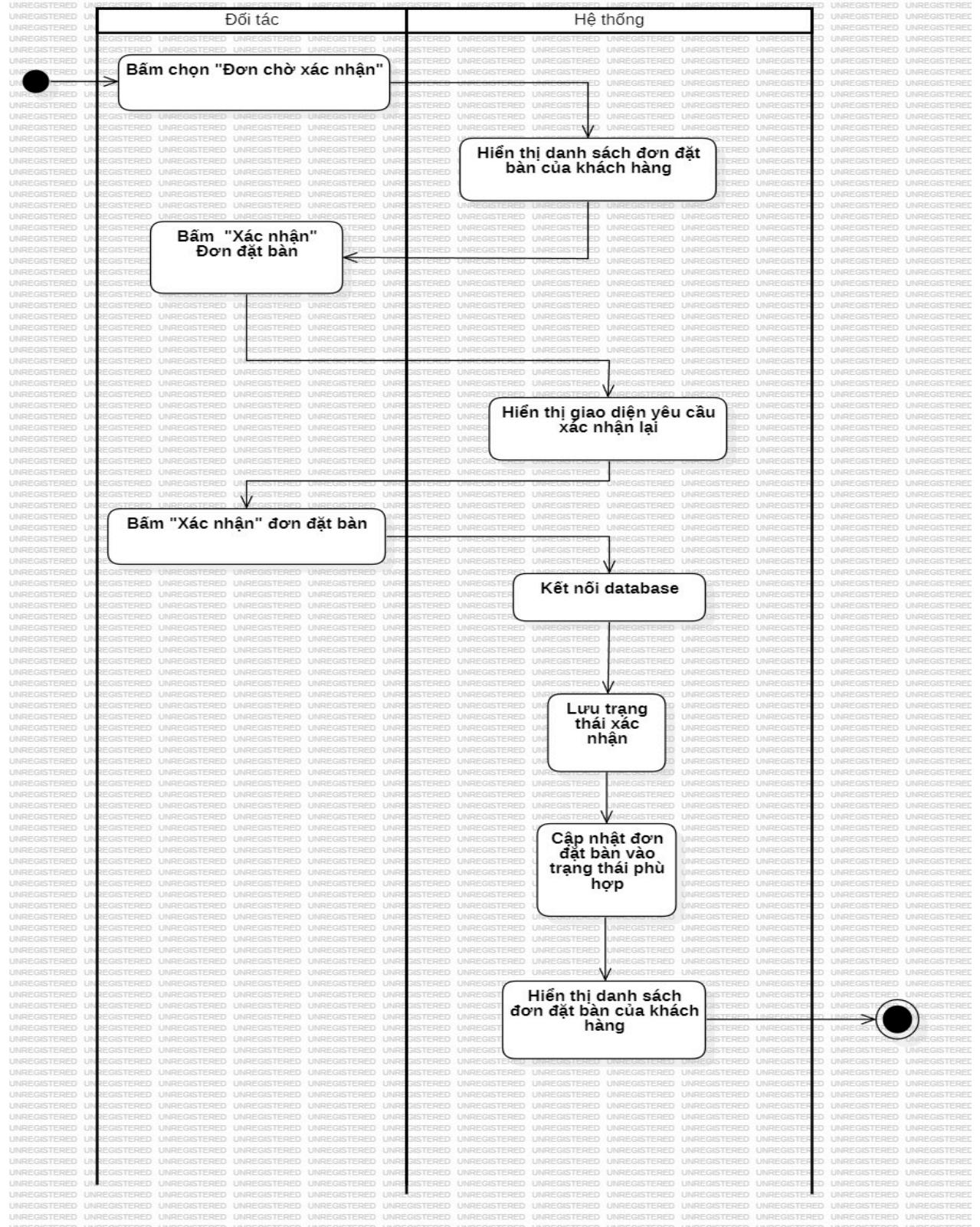
Hình 21: Activity Diagram [Chỉnh sửa bài viết]

### 2.2.16. Quy trình [Quản lý đơn đặt bàn]



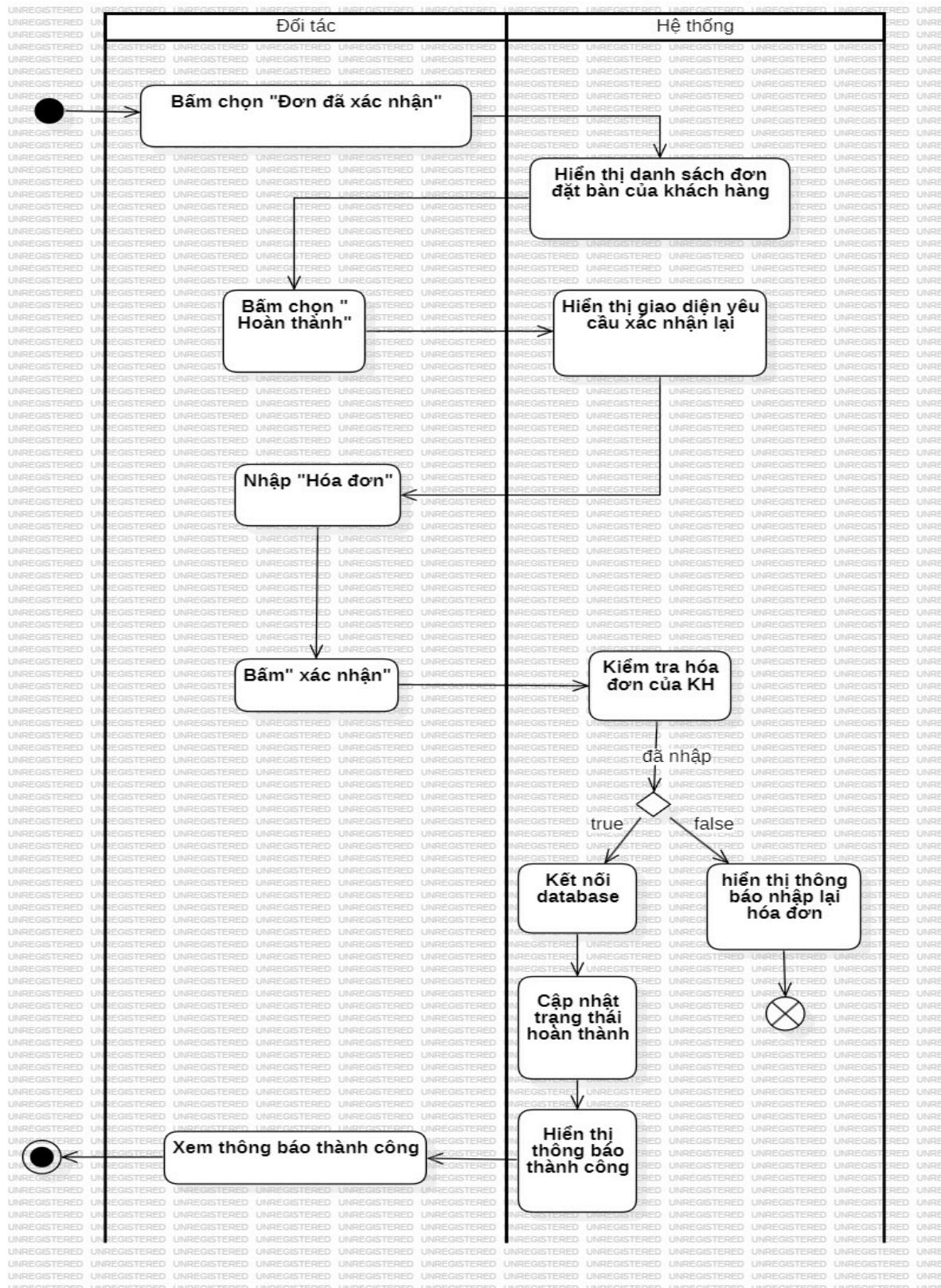
Hình 22: Activity Diagram [Quản lý đơn đặt bàn]

### 2.2.17. Quy trình [Xác nhận đặt]



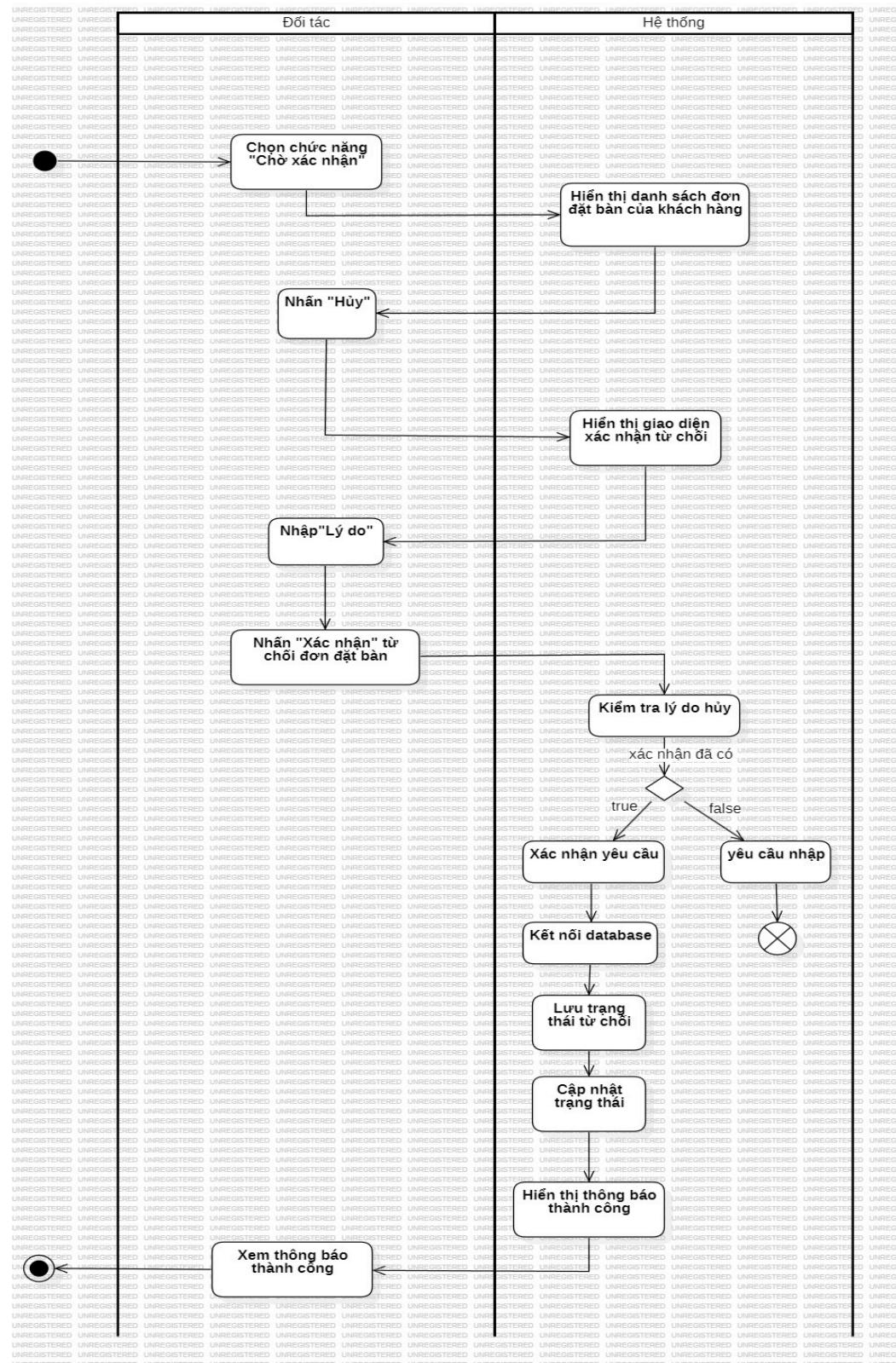
Hình 23: Activity Diagram [Xác nhận đặt]

### 2.2.18. Quy trình [Xác nhận hoàn thành]



Hình 24: Activity Diagram [Xác nhận hoàn thành]

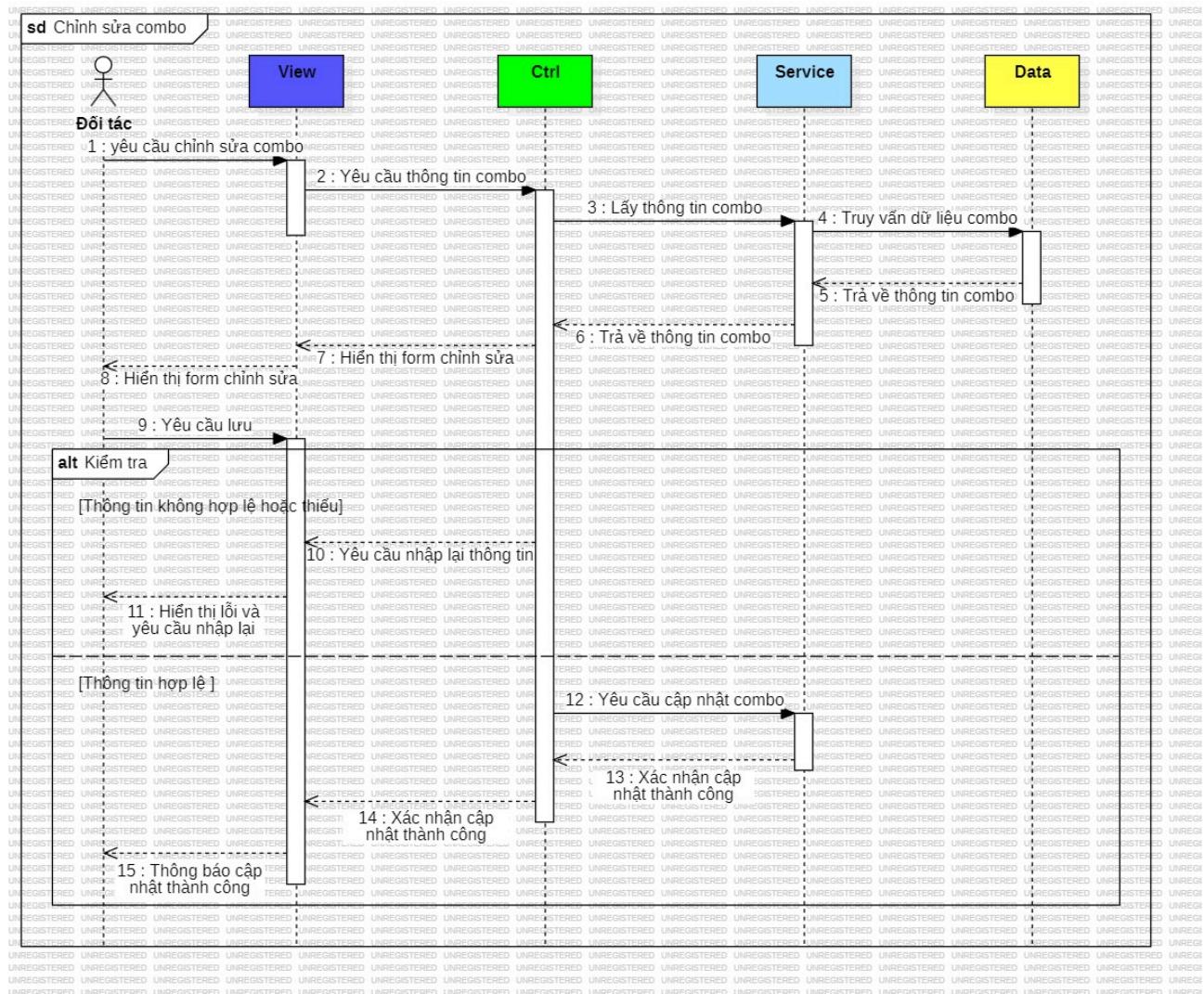
### 2.2.19. Quy trình [Tù chối đặt]



Hình 25: Activity Diagram [Tù chối đặt]

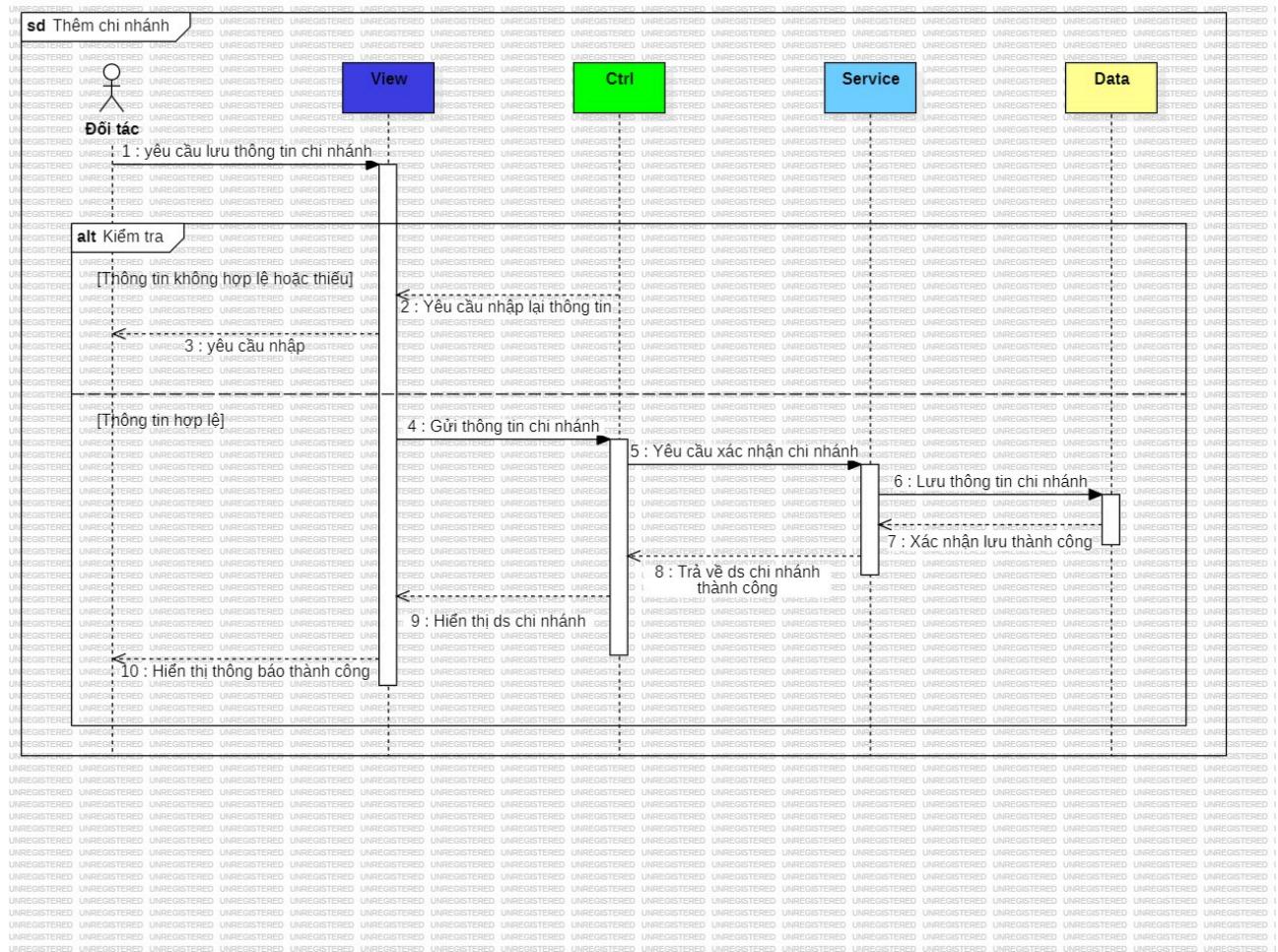
## 2.3. Sequence Diagram

### 2.3.1. Quy trình [Chỉnh Sửa Combo]



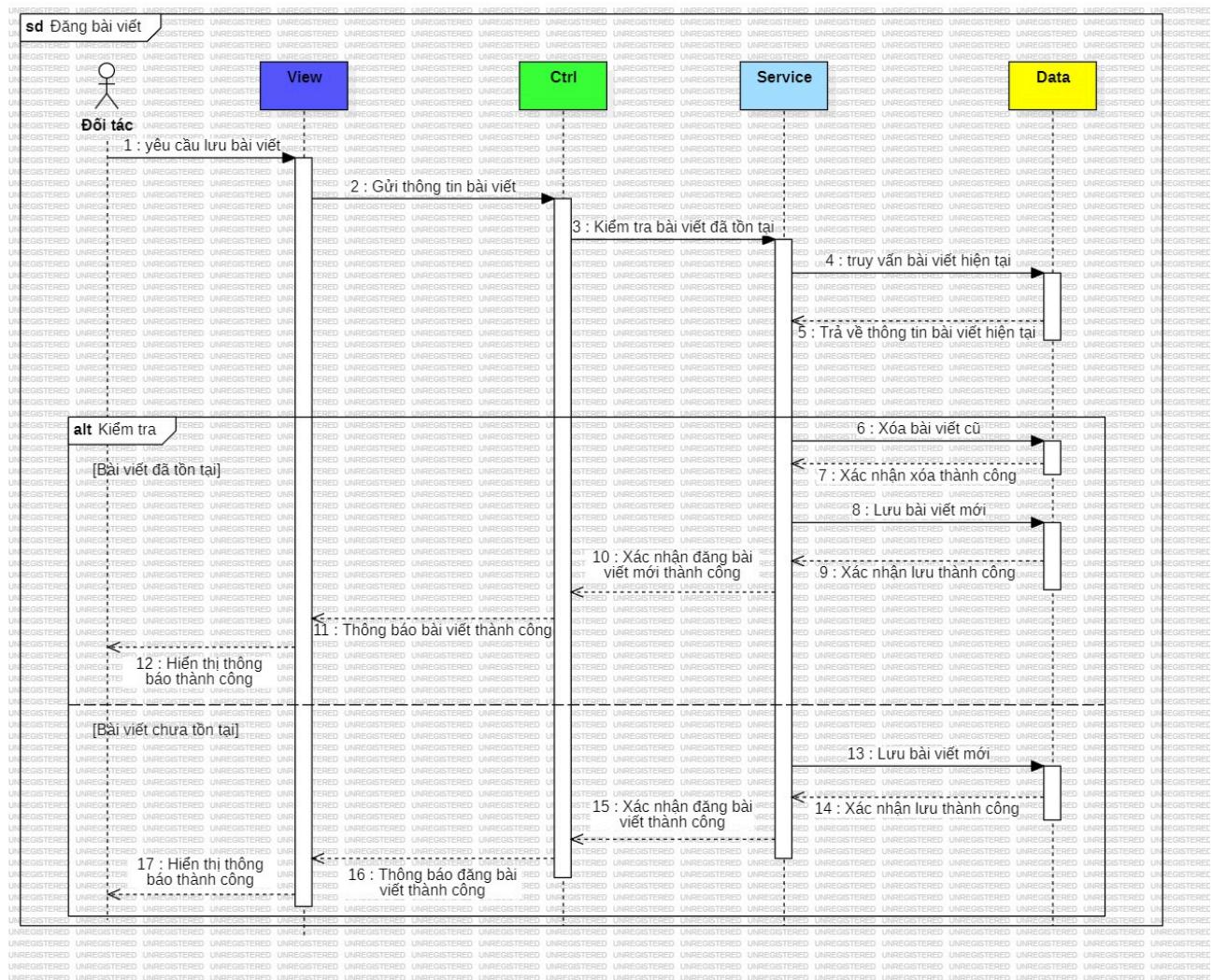
Hình 26: Sequence Diagram [Chỉnh sửa thông tin ]

### 2.3.2. Quy trình [Quy trình [Thêm chi nhánh]]



Hình 27: Sequence Diagram [Thêm chi nhánh]

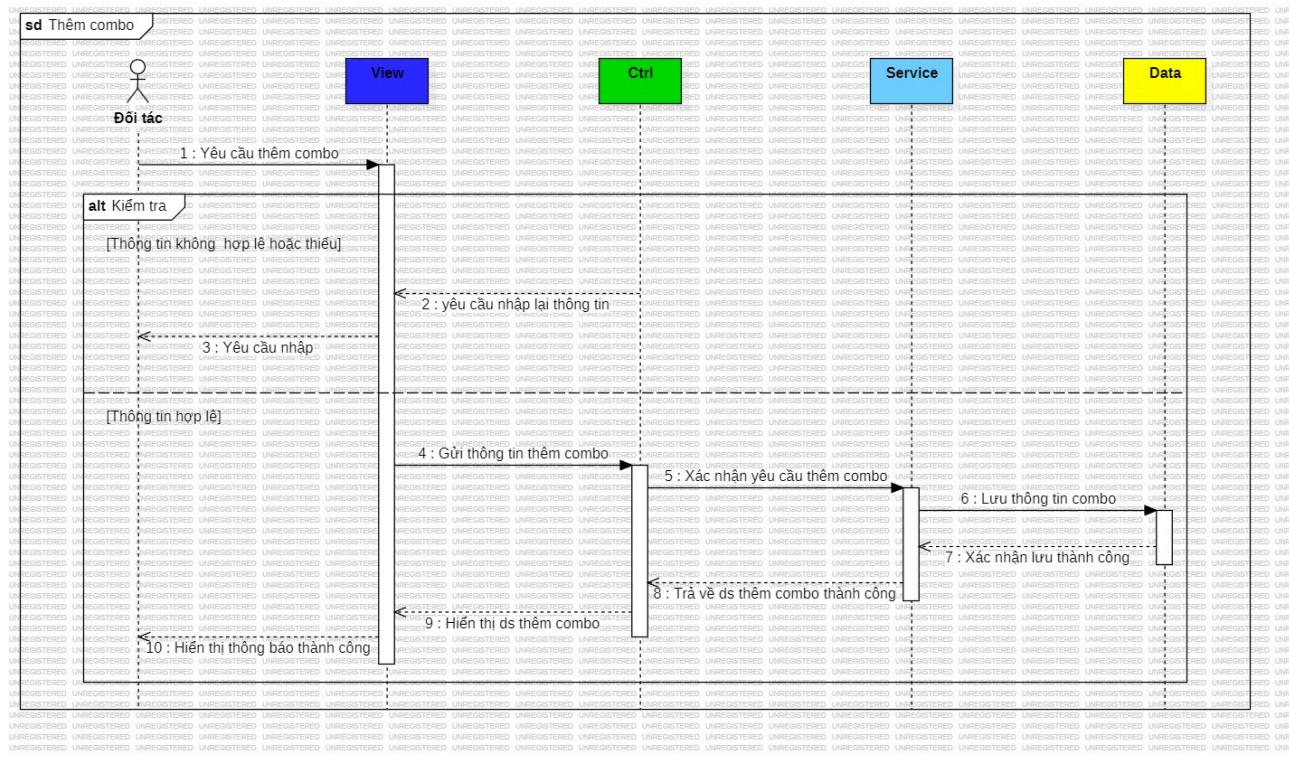
### 2.3.3. Quy trình [Đăng bài viết]



Hình 28: Sequence Diagram [Đăng bài viết]

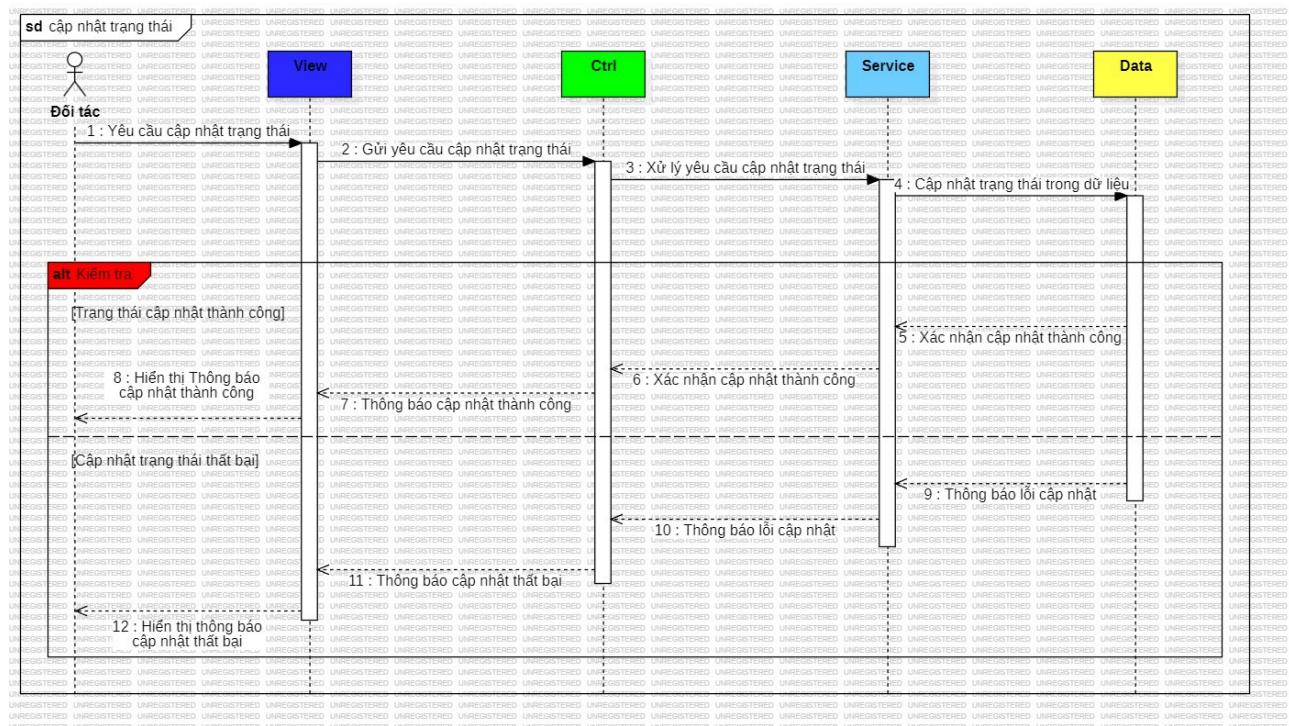
## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

### 2.3.4. Quy trình [Thêm combo]



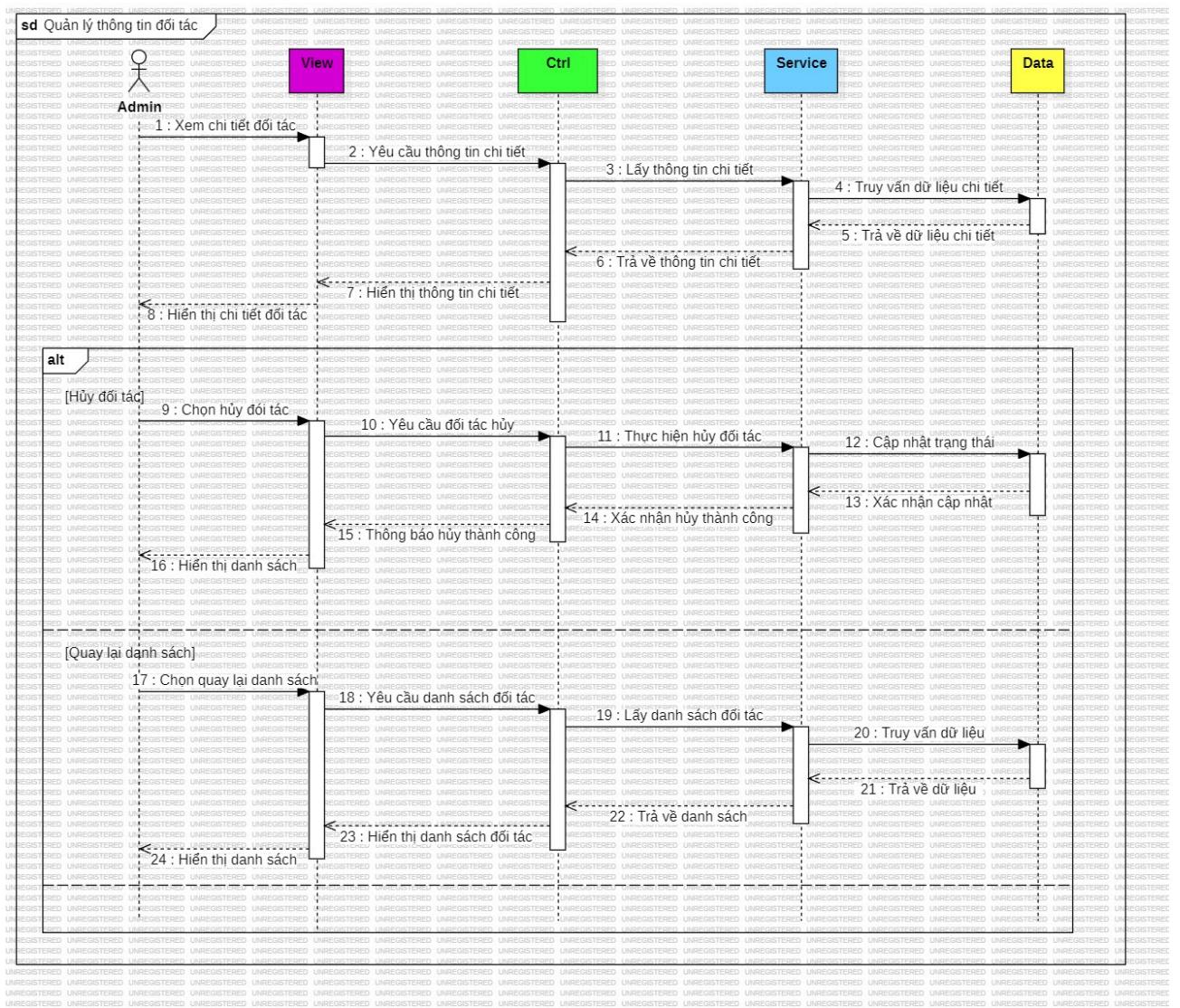
Hình 29: Sequence Diagram [Thêm combo]

### 2.3.5. Quy trình [Cập nhật trạng thái]



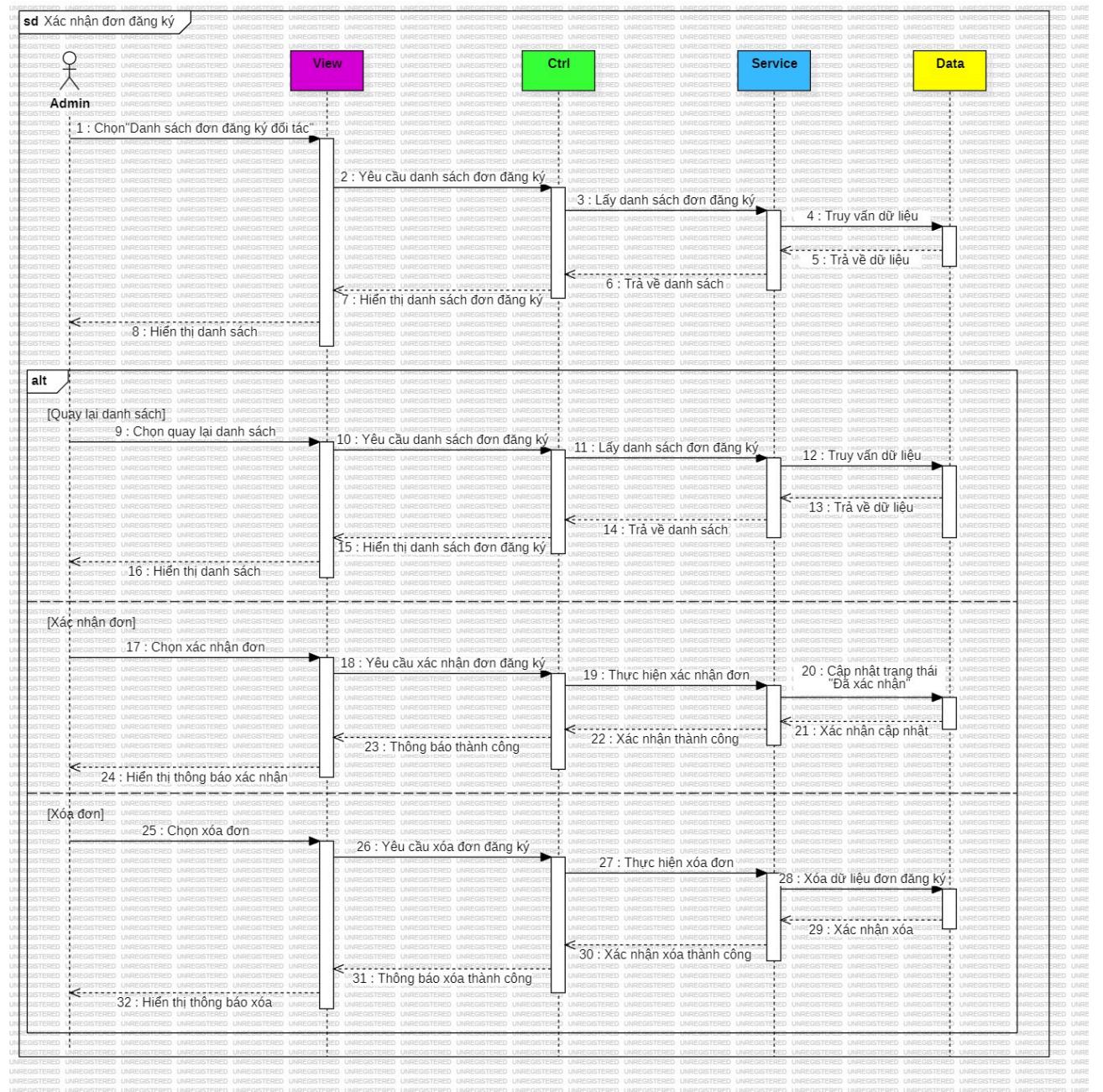
Hình 30: Sequence Diagram [Cập nhật trạng thái ]

### 2.3.6. Quy trình [Quản lý thông tin đối tác]



Hình 31: Sequence Diagram [Quản lý thông tin đối tác ]

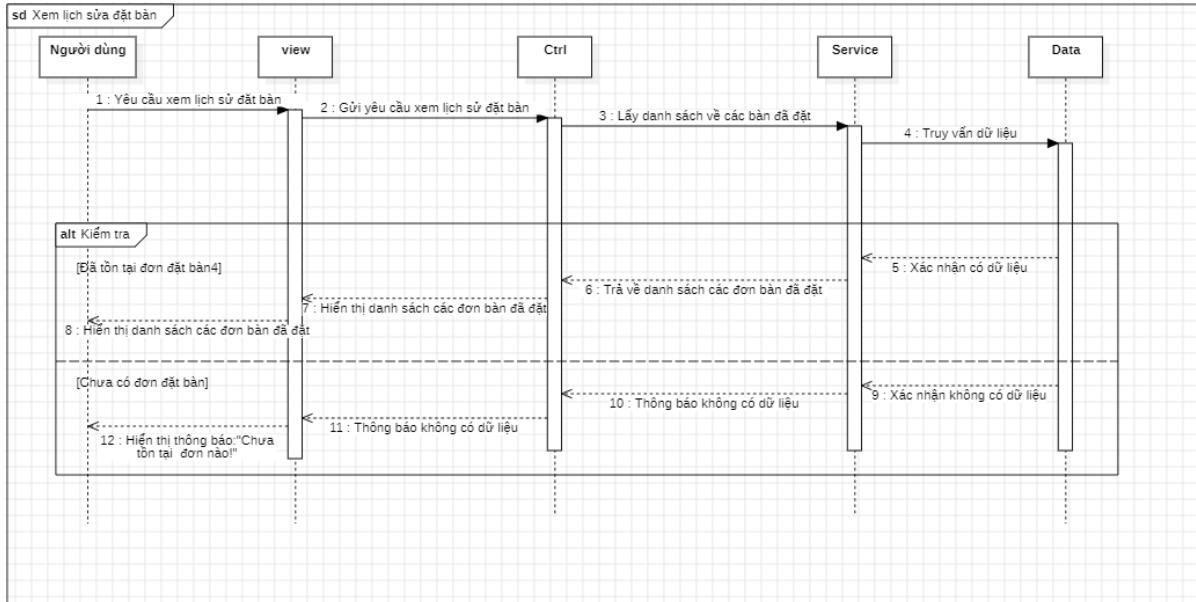
### 2.3.7. Quy trình [Xác nhận đơn đăng ký]



Hình 32: Sequence Diagram [Xác nhận đơn đăng ký]

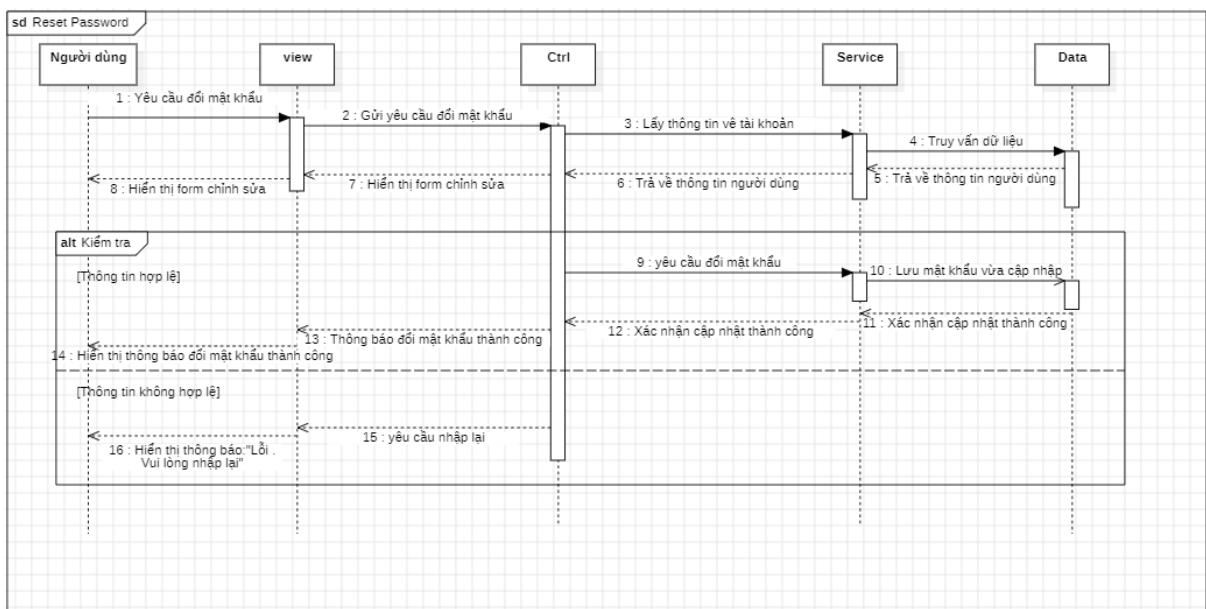
## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

### 2.3.8. Quy trình [Xem lịch sử đặt bàn]



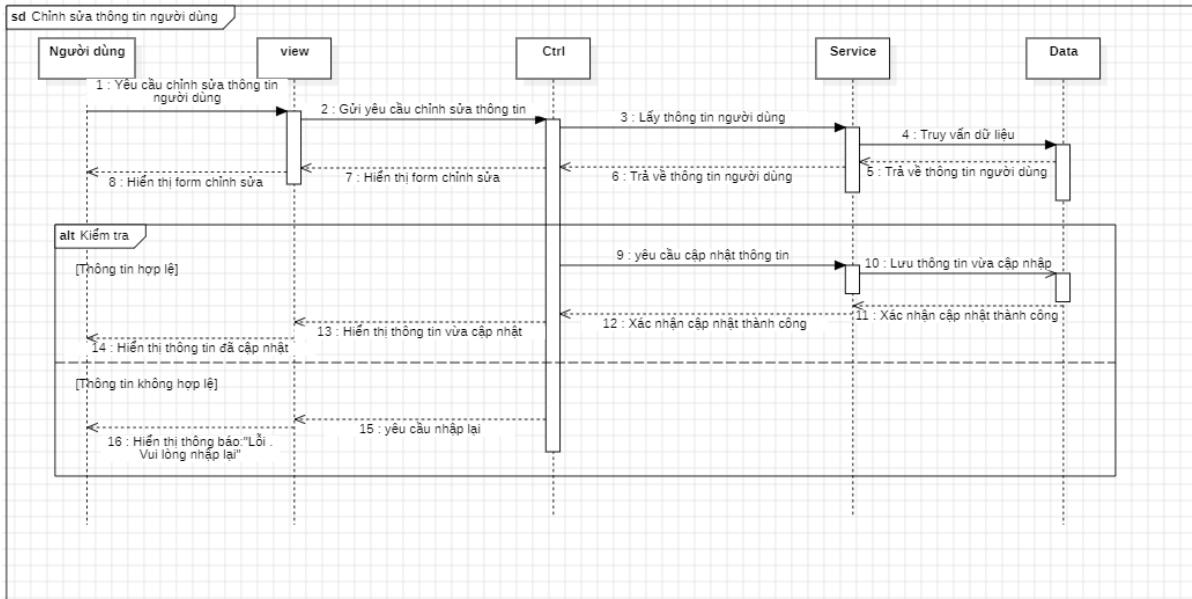
Hình 33: Sequence Diagram [Xem lịch sử đặt bàn]

### 2.3.9. Quy trình[Reset Password]



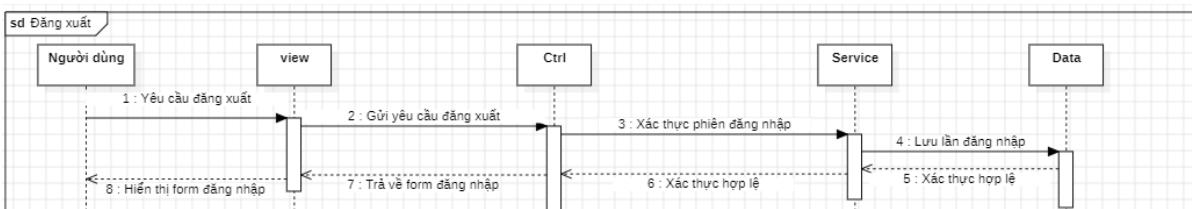
Hình 34: Sequence Diagram [Reset Password]

### 2.3.10. Quy trình[Chỉnh sửa thông tin người dùng]



Hình 35: Sequence Diagram [Chỉnh sửa thông tin người dùng]

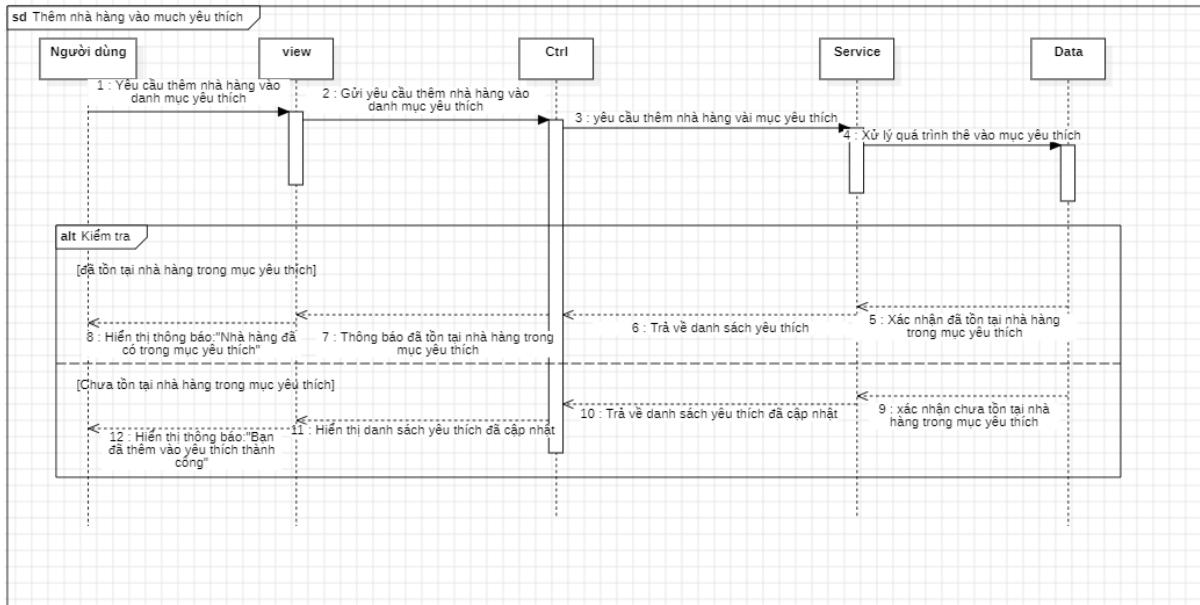
### 2.3.11. Quy trình[Đăng xuất]



Hình 36: Sequence Diagram [Đăng xuất]

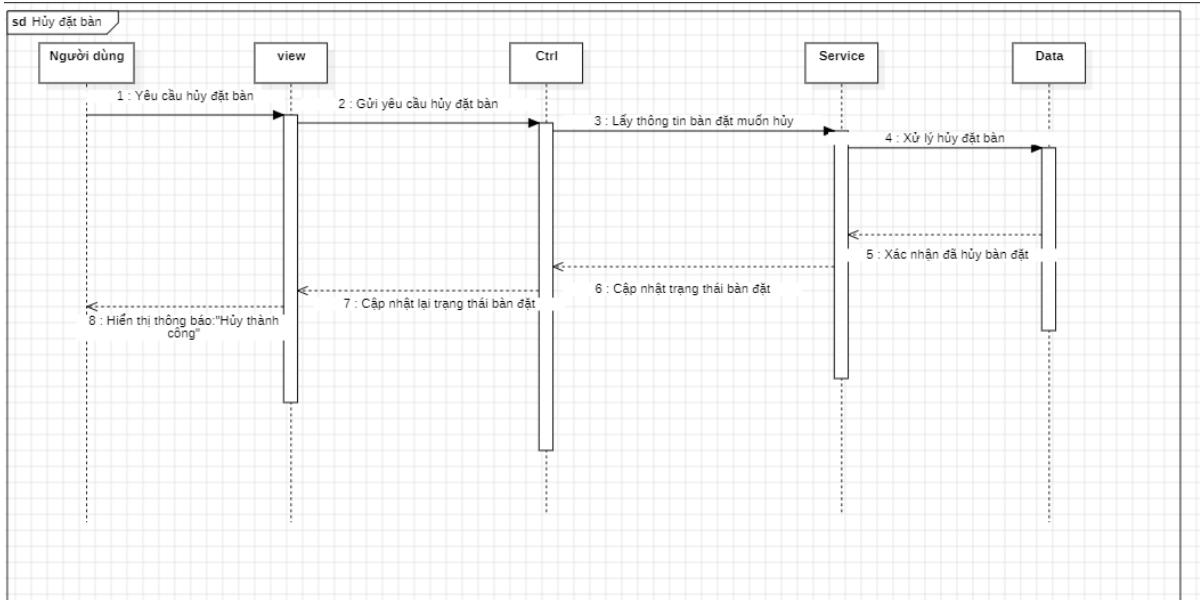
## CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU

### 2.3.12. Quy trình[Thêm nhà hàng vào mục yêu thích]



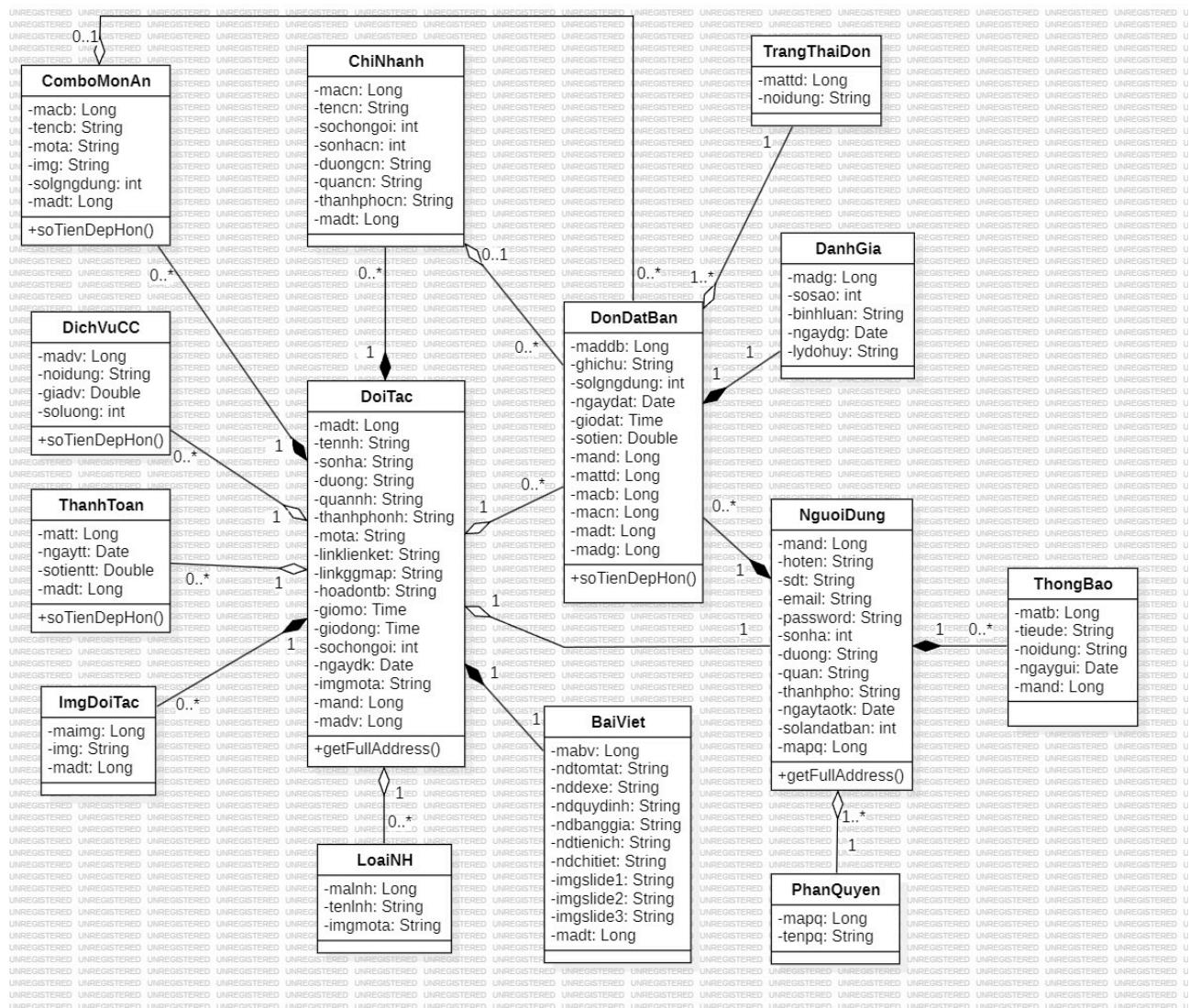
Hình 37: Sequence Diagram [Thêm nhà hàng vào mục yêu thích]

### 2.3.13. Quy trình[Hủy đặt bàn]



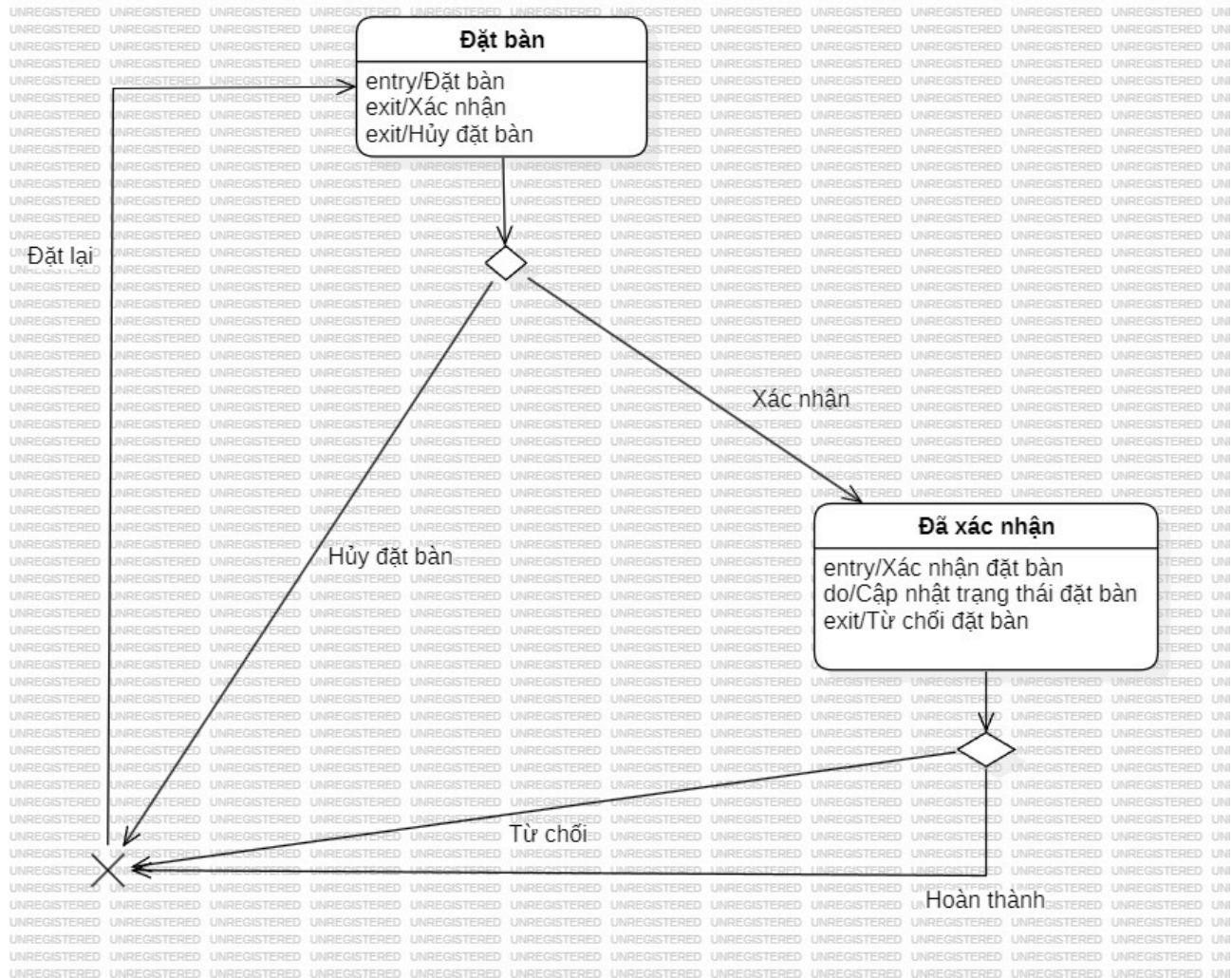
Hình 38: Sequence Diagram [Hủy đặt bàn]

## 2.4. Class Diagram



Hình 39: Class Diagram

## 2.5. Statechart Diagram

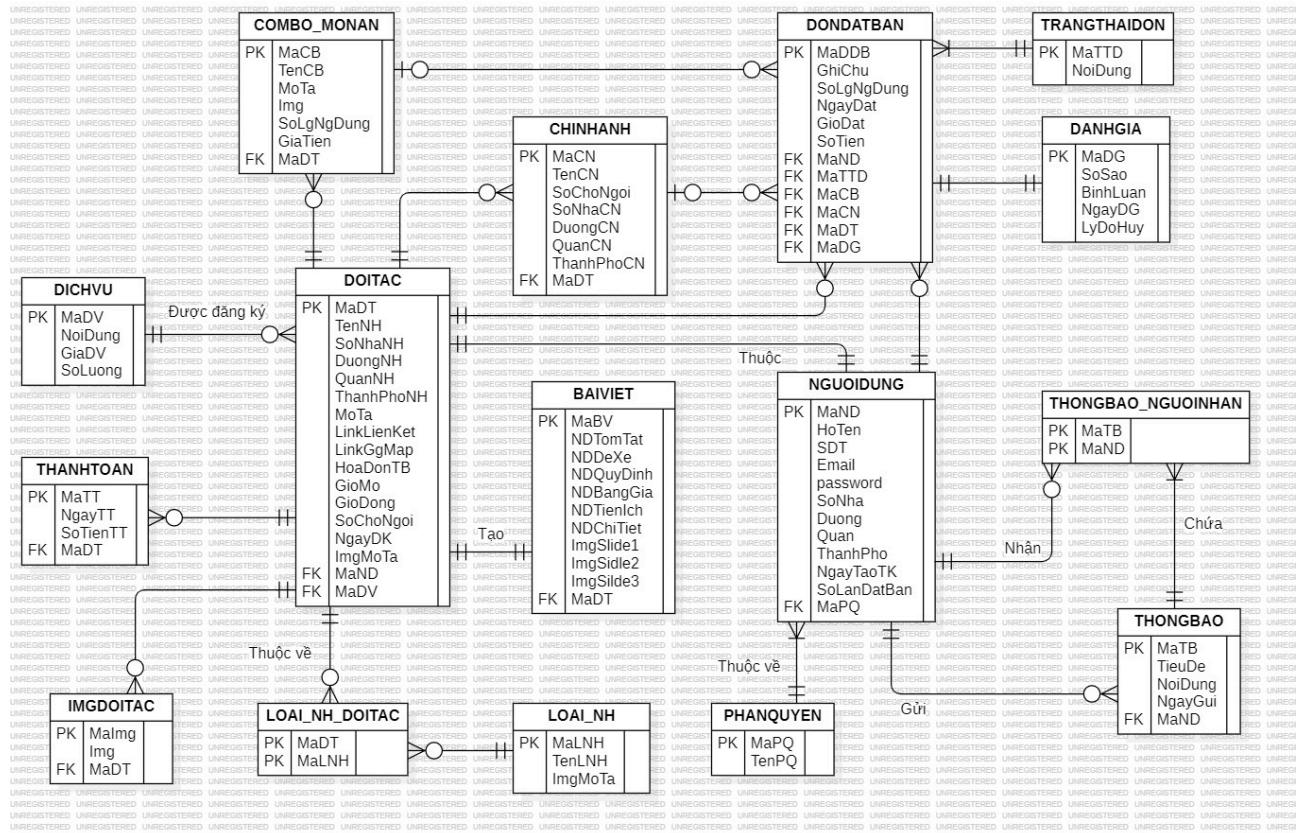


Hình 40: Statechart Diagram [Đặt bàn]

## CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

## CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

### 3.1. Sơ đồ ERD



Hình 41: Sơ đồ ERD[Hệ thống cung cấp dịch vụ đặt bàn]

### **3.2. Chi tiết các bảng**

### **3.2.1. Bảng PHANQUYEN**

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaPQ</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã phân quyền
2	TenPQ	NVARCHAR	100	Có		UTF-8	Tên phân quyền

### 3.2.2. Bảng LOAI\_NH

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaLNH</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã loại nhà hàng
2	TenLNH	NVARCHAR	50	Có		UTF-8	Tên loại nhà hàng
3	ImgMoTa	VARCHAR	255	Không			Đường dẫn hình ảnh mô tả

### 3.2.3. Bảng LOAI\_NH\_DOITAC

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaLNH</u>	INT	4	Có	PK,FK-> LOAI_NH(MaLNH)		Mã loại nhà hàng
2	MaDT	INT	4	Có	PK,FK-> DOITAC(MaDT)		Mã đối tác

### 3.2.4. Bảng NGUOIDUNG

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaND</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã người dùng
2	HoTen	NVARCHAR	100	Có		UTF-8	Họ tên người dùng
3	SDT	VARCHAR	12	Có			Số điện thoại

### CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

4	Email	VARCHAR	255	Có			Email
5	Password	VARCHAR	255	Có			Mật khẩu
6	SoNha	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Số nhà
7	Duong	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Tên đường
8	Quan	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Tên quận
9	ThanhPho	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Tên thành phố
10	NgayTaoTK	DATE		Có			Ngày tạo tài khoản
11	SoLanDatBan	INT	4	Không			Số lần đặt bàn
12	MaPQ	INT	4	Có	FK-> PHANQUYEN (MaPQ)		Mã phân quyền

#### 3.2.5. Bảng CHINHANH

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaCN</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã chi nhánh
2	TenCN	NVARCHAR	100	Có		UTF-8	Tên chi nhánh
3	SoNhaCN	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Số nhà chi nhánh
4	DuongCN	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Tên đường chi nhánh
5	QuanCN	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Tên quận chi nhánh

## CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

6	ThanhPhoCN	NVARCHAR	255	Không		UTF-8	Tên thành phố chi nhánh
7	SoChoNgoi	INT	4	Có			Số chỗ ngồi
8	MaDT	INT	4	Không	FK-> DOITAC(MaDT)		Mã đối tác

### 3.2.6. Bảng COMBOMONAN

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaCB</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã combo món ăn
2	TenCB	NVARCHAR	100	Có		UTF-8	Tên combo món ăn
3	MoTa	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Mô tả combo
4	Img	VARCHAR	255	Không			Đường dẫn hình ảnh
5	GiaTien	DECIMAL	10,2	Có			Giá tiền
6	SoLgNgDung	INT	4	Có			Số lượng người dùng
7	MaDT	INT	4	Không	FK-> DOITAC(MaDT)		Mã đối tác

### 3.2.7. Bảng IMGDOITAC

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaImg</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã hình ảnh

## CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

---

2	Img	VARCHAR	255	Có			Đường dẫn hình ảnh
3	MaDT	INT	4	Không	FK-> DOITAC(MaDT)		Mã đối tác

### 3.2.8. Bảng BAIVIETDT

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaBV</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã bài viết
2	MaDT	INT	4	Không	FK-> DOITAC(MaDT)		Mã đối tác
3	NDTomTat	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Nội dung tóm tắt
4	NDBangGia	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Nội dung bảng giá
5	NDQuyDinh	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Nội dung quy định
6	NDDeXe	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Nội dung đê xe
7	NDTienIch	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Nội dung tiện ích
8	NDChiTiet	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Nội dung chi tiết

### 3.2.9. Bảng DOITAC

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaDT</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã đối tác

### CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

---

2	MaND	INT	4	Không	FK-> NGUOIDUNG( MaND)		Mã người dùng
3	TenNhaHang	NVARCHAR	100	Có		UTF-8	Tên nhà hàng
4	SoNhaNH	NVARCHAR	255	Có		UTF-8	Số nhà nhà hàng
5	DuongNH	NVARCHAR	255	Có		UTF-8	Tên đường nhà hàng
6	QuanNH	NVARCHAR	255	Có		UTF-8	Tên quận nhà hàng
7	ThanhPhoNH	NVARCHAR	255	Có		UTF-8	Tên thành phố nhà hàng
8	MoTa	NVARCHAR	MAX	Có		UTF-8	Mô tả nhà hàng
9	LinkLienKet	VARCHAR	255	Không			Link liên kết
10	LinkGgMap	VARCHAR	255	Không			Link Google Map
11	HoaDonTB	VARCHAR	50	Có			Hóa đơn trung bình
12	GioMo	TIME		Có			Giờ mở cửa
13	GioDong	TIME		Có			Giờ đóng cửa
14	SoChoNgoi	INT	4	Có			Số chỗ ngồi
15	MaDV	INT	4	Có	FK-> DICHVUCC(M aDV)		Mã dịch vụ
16	NgayDK	DATE		Có			Ngày đăng ký

## CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

---

17	MaBV	INT	4	Không	FK-> BAIVIETDT(M aBV)		Mã bài viết
18	ImgMoTa	VARCHAR	255	Không			Đường dẫn hình ảnh mô tả

### 3.2.10. Bảng THONGBAO

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaTB</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã thông báo
2	MaND	INT	4	Không	FK-> NGUOIDUNG (MaND)		Mã người dùng
3	TieuDe	NVARCHAR	MAX	Có		UTF-8	Tiêu đề thông báo
4	NoiDung	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Nội dung thông báo
5	NgayGui	DATE		Không			Ngày gửi thông báo

### 3.2.11. Bảng THONGBAO\_NGUOINHAN

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	MaTB	INT	4	Có	PK,FK-> THONGBAO(MaTB)		Mã thông báo
2	MaND	INT	4	Có	PK,FK-> NGUOIDUNG(MaND)		Mã người dùng

### 3.2.12. Bảng TRANGTHAIDON

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaTTD</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1, 1)		Mã trạng thái đơn
2	NoiDung	NVARCHAR	50	Có		UTF-8	Nội dung trạng thái

### 3.2.13. Bảng DONDATBAN

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaDDB</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã đơn đặt bàn
2	MaND	INT	4	Không	FK-> NGUOIDUNG(MaND)		Mã người dùng
3	MaDT	INT	4	Không	FK-> DOITAC(MaDT)		Mã đối tác
4	NgayDat	DAT E		Không			Ngày đặt bàn

### CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

---

5	ThoiGianDat	TIM E		Không			Thời gian đặt bàn
6	SoLgNguoi	INT	4	Không			Số lượng người
7	YeuCauDacBiet	NVA RCH AR	400	Không		UTF-8	Yêu cầu đặc biệt
8	GhiChu	NVA RCH AR	400	Không		UTF-8	Ghi chú
9	SoTien	DECI MAL	10,2	Không			Số tiền
10	MaCN	INT	4	Không	FK-> CHINHANH(MaCN)		Mã chi nhánh
11	MaTTD	INT	4	Không	FK-> TRANGTHAIDON(Ma TTD)		Mã trạng thái đơn
12	MaCB	INT	4	Không	FK-> COMBOMONAN(MaC B)		Mã combo món ăn
13	MaDG	INT	4	Không	FK -> DANHGIA(MaDG)		Mã đánh giá

### 3.2.14. Bảng DANHGIA

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaDG</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã đánh giá
2	SoSao	INT	4	Không			Số sao đánh giá
3	BinhLuan	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Bình luận
4	LyDoHuy	NVARCHAR	MAX	Không		UTF-8	Lý do hủy
5	NgayDG	DATE		Không			Ngày đánh giá

### 3.2.15. Bảng THANHTOAN

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaTT</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã thanh toán
2	MaDT	INT	4	Không	FK-> DOITAC(MaDT)		Mã đối tác
3	SoTienTT	DECIMAL	10,2	Không			Số tiền thanh toán
4	NgayTT	DATE		Không			Ngày thanh toán

### 3.2.16. Bảng DICHVUCC

TT	Tên thuộc tính (Field name)	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Not NULL	Ràng buộc / Miền giá trị	Mã hóa	Diễn giải
1	<u>MaDV</u>	INT	4	Có	PK, IDENTITY(1,1)		Mã dịch vụ
2	NoiDung	NVARCHAR	100	Không		UTF-8	Nội dung dịch vụ
3	SoLuong	INT	4	Không			Số lượng
4	GiaDV	DECIMAL	10,2	Không			Giá dịch vụ

### 3.3. Các câu SQL theo biểu mẫu

```

use master

if exists (select * from sysdatabases where name = 'QLDBDADATBAN')
    drop database QLDBDADATBAN

go

create database QLDBDADATBAN

go

use QLDBDADATBAN

go

-- Bảng Phân quyền người dùng

CREATE TABLE PHANQUYEN (
    MaPQ INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    TenPQ NVARCHAR(100) NOT NULL
);

-- Bảng Loại nhà hàng

```

```
CREATE TABLE LOAI_NH (
    MaLNH INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    TenLNH NVARCHAR(50) NOT NULL,
    ImgMoTa VARCHAR(255)
);
```

-- Bảng loại nhà hàng và đối tác

```
CREATE TABLE LOAI_NH_DOITAC (
    MaLNH INT,
    MaDT INT,
    PRIMARY KEY (MaLNH, MaDT)
);
```

-- Bảng Người dùng

```
CREATE TABLE NGUOIDUNG (
    MaND INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    HoTen NVARCHAR(100) NOT NULL,
    SDT VARCHAR(12) NOT NULL,
    Email VARCHAR(255) NOT NULL,
    Password VARCHAR(255) NOT NULL,
    SoNha NVARCHAR(255),
    Duong NVARCHAR(255),
    Quan NVARCHAR(255),
    ThanhPho NVARCHAR(255),
    NgayTaoTK DATE NOT NULL,
    SoLanDatBan INT,
```

```
MaPQ INT NOT NULL -- FK
);
-- Bảng Chi nhánh
CREATE TABLE CHINHANH (
    MaCN INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    TenCN NVARCHAR(100) NOT NULL,
    SoNhaCN NVARCHAR(255),
    DuongCN NVARCHAR(255),
    QuanCN NVARCHAR(255),
    ThanhPhoCN NVARCHAR(255),
    SoChoNgoi INT NOT NULL,
    MaDT INT -- FK
);
-- Bảng COMBO MONAN
CREATE TABLE COMBOMONAN (
    MaCB INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    TenCB NVARCHAR(100) NOT NULL,
    MoTa NVARCHAR(MAX),
    Img VARCHAR(255),
    GiaTien DECIMAL(10,2) NOT NULL,
    SoLgNgDung INT NOT NULL,
    MaDT INT -- FK
);
-- Bảng danh mục hình
```

### CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

```
CREATE TABLE IMGDOITAC (
    MaImg INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    Img VARCHAR(255) NOT NULL,
    MaDT INT --FK
);
```

-- Bảng Bài viết của đối tác

```
CREATE TABLE BAIVIETDT (
    MaBV INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    MaDT INT, -- FK
    NDTomTat NVARCHAR(MAX),
    NDBangGia NVARCHAR(MAX),
    NDQuyDinh NVARCHAR(MAX),
    NDDeXe NVARCHAR(MAX),
    NDTienIch NVARCHAR(MAX),
    NDChiTiet NVARCHAR(MAX),
);
```

-- Bảng Đối tác

```
CREATE TABLE DOITAC (
    MaDT INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,
    MaND INT, -- FK
    TenNhaHang NVARCHAR(100) NOT NULL,
    SoNhaNH NVARCHAR(255) NOT NULL,
    DuongNH NVARCHAR(255) NOT NULL,
    QuanNH NVARCHAR(255) NOT NULL,
```

## CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

```
ThanhPhoNH NVARCHAR(255) NOT NULL,  
MoTa NVARCHAR(MAX) NOT NULL,  
LinkLienKet VARCHAR(255),  
LinkGgMap VARCHAR(255),  
HoaDonTB VARCHAR(50) NOT NULL,  
GioMo TIME NOT NULL,  
GioDong TIME NOT NULL,  
SoChoNgoi INT NOT NULL,  
MaDV INT NOT NULL, -- FK  
NgayDK DATE NOT NULL,  
ImgMoTa VARCHAR (255),  
MaBV INT --FK  
);  
-- Bảng Thông báo Người gửi  
CREATE TABLE THONGBAO (  
    MaTB INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,  
    MaND INT, -- FK  
    TieuDe NVARCHAR(MAX) NOT NULL,  
    NoiDung NVARCHAR(MAX),  
    NgayGui DATE  
);  
-- Bảng Thông báo Người Nhận  
CREATE TABLE THONGBAO_NGUOINHAN (  
    MaTB INT, -- FK
```

```
MaND INT, -- FK  
PRIMARY KEY (MaTB, MaND)  
);  
-- Bảng Trang thái đơn  
CREATE TABLE TRANGTHAIDON (  
    MaTTD INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,  
    NoiDung NVARCHAR(50) NOT NULL  
);  
  
-- Bảng Đơn đặt bàn  
CREATE TABLE DONDATBAN (  
    MaDDB INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,  
    MaND INT, -- FK  
    MaDT INT, -- FK  
    NgayDat DATE, -- Ngày khách hàng muốn tới  
    ThoiGianDat TIME, -- Thời gian họ muốn tới  
    SoLgNguoi INT,  
    YeuCauDacBiet NVARCHAR(400),  
    GhiChu NVARCHAR(400),  
    SoTien DECIMAL(10,2),  
    MaCN INT, -- FK  
    MaTTD INT, -- FK  
    MaCB INT, -- FK  
    MaDG INT --FK
```

### CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

);

-- Bảng Đánh giá

CREATE TABLE DANHGIA (

MaDG INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,

SoSao INT,

BinhLuan NVARCHAR(MAX),

LyDoHuy NVARCHAR(MAX), -- nếu trạng thái đơn là hủy

NgayDG DATE

);

-- Bảng Thanh toán (thanh toán dịch vụ cho đối tác)

CREATE TABLE THANHTOAN (

MaTT INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,

MaDT INT, -- FK

SoTienTT DECIMAL(10,2),

NgayTT DATE

);

-- Bảng BANGGIADV

CREATE TABLE DICHVUCC (

MaDV INT IDENTITY(1,1) PRIMARY KEY,

NoiDung NVARCHAR(100),

SoLuong INT, -- Số lượng đối tác đã đăng ký

GiaDV DECIMAL(10,2)

);

----- KHÓA NGOẠI -----

### CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

-- Thêm khóa ngoại cho bảng LOAI\_NH\_DOITAC

```
ALTER TABLE LOAI_NH_DOITAC
```

```
ADD CONSTRAINT FK_LOAI_NH_DOITAC_LOAI_NH FOREIGN KEY (MaLNH)  
REFERENCES LOAI_NH(MaLNH);
```

```
ALTER TABLE LOAI_NH_DOITAC
```

```
ADD CONSTRAINT FK_LOAI_NH_DOITAC_DOITAC FOREIGN KEY (MaDT)  
REFERENCES DOITAC(MaDT);
```

-- Thêm khóa ngoại cho bảng NGUOIDUNG

```
ALTER TABLE NGUOIDUNG
```

```
ADD CONSTRAINT FK_NGUOIDUNG_PHANQUYEN FOREIGN KEY (MaPQ)  
REFERENCES PHANQUYEN(MaPQ);
```

-- Thêm khóa ngoại cho bảng CHINHANH

```
ALTER TABLE CHINHANH
```

```
ADD CONSTRAINT FK_CHINHANH_DOITAC FOREIGN KEY (MaDT)  
REFERENCES DOITAC(MaDT);
```

-- Thêm khóa ngoại cho bảng COMBOMONAN

```
ALTER TABLE COMBOMONAN
```

```
ADD CONSTRAINT FK_COMBOMONAN_DOITAC FOREIGN KEY (MaDT)  
REFERENCES DOITAC(MaDT);
```

-- Thêm khóa ngoại cho bảng DOITAC

```
ALTER TABLE DOITAC
```

```
ADD CONSTRAINT FK_DOITAC_NGUOIDUNG FOREIGN KEY (MaND)  
REFERENCES NGUOIDUNG(MaND);
```

```
ALTER TABLE DOITAC
```

```
ADD CONSTRAINT FK_DOITAC_DICHVUCC FOREIGN KEY (MaDV)  
REFERENCES DICHVUCC(MaDV);
```

ALTER TABLE DOITAC

ADD CONSTRAINT FK\_DOITAC\_BAIVIET\_DOITAC FOREIGN KEY (MaBV)  
REFERENCES BAIVIETDT(MaBV);

-- Thêm khóa ngoại cho bảng ImgDoiTac

ALTER TABLE IMGDOITAC

Add CONSTRAINT FK\_IMGDOITAC\_DOITAC FOREIGN KEY (MaDT)  
REFERENCES DOITAC(MaDT);

-- Thêm khóa ngoại cho bảng THONGBAO (người gửi)

ALTER TABLE THONGBAO

ADD CONSTRAINT FKTHONGBAO\_NGUOIDUNG FOREIGN KEY (MaND)  
REFERENCES NGUOIDUNG(MaND);

-- Thêm khóa ngoại cho bảng THONGBAO\_NGUOINHAN

ALTER TABLE THONGBAO\_NGUOINHAN

ADD CONSTRAINT FKTHONGBAO\_NGUOINHANTHONGBAO FOREIGN KEY  
(MaTB) REFERENCES THONGBAO(MaTB);

ALTER TABLE THONGBAO\_NGUOINHAN

ADD CONSTRAINT FKTHONGBAO\_NGUOINHAN\_NGUOIDUNG FOREIGN KEY  
(MaND) REFERENCES NGUOIDUNG(MaND);

-- Thêm khóa ngoại cho bảng DONDATBAN

ALTER TABLE DONDATBAN

ADD CONSTRAINT FK\_DONDATBAN\_NGUOIDUNG FOREIGN KEY (MaND)  
REFERENCES NGUOIDUNG(MaND);

ALTER TABLE DONDATBAN

ADD CONSTRAINT FK\_DONDATBAN\_DOITAC FOREIGN KEY (MaDT)  
REFERENCES DOITAC(MaDT);

ALTER TABLE DONDATBAN

### CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

```
ADD CONSTRAINT FK_DONDATBAN_TRANGTHAI FOREIGN KEY (MaTTD)
REFERENCES TRANGTHAIDON(MaTTD);

ALTER TABLE DONDATBAN

ADD CONSTRAINT FK_DONDATBAN_COMBO FOREIGN KEY (MaCB)
REFERENCES COMBOMONAN(MaCB);

ALTER TABLE DONDATBAN

ADD CONSTRAINT FK_DONDATBAN_CHINHANH FOREIGN KEY (MaCN)
REFERENCES CHINHANH(MaCN);

ALTER TABLE DONDATBAN

ADD CONSTRAINT FK_DONDATBAN_DANHGIA FOREIGN KEY (MaDG)
REFERENCES DANHGIA(MaDG);

-- Thêm khóa ngoại cho bảng THANHTOAN

ALTER TABLE THANHTOAN

ADD CONSTRAINT FK_THANHTOAN_DOITAC FOREIGN KEY (MaDT)
REFERENCES DOITAC(MaDT);
```

## CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ GIAO DIỆN

### 4.1. Tiêu chuẩn thiết kế giao diện

#### 4.1.1. Tiêu chuẩn đối với các màn hình

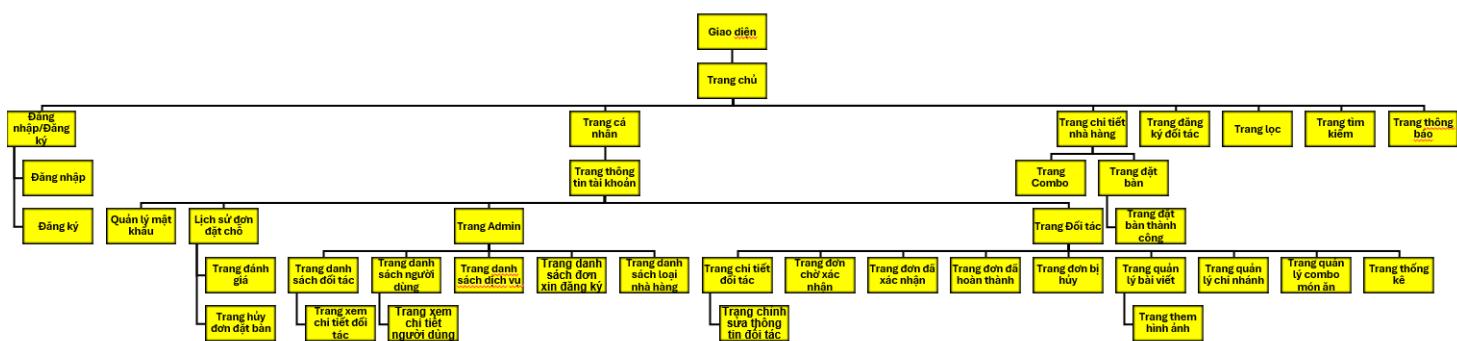
Yếu tố	Kích thước	Canh lề	Cách tő chức	Phím nóng / phím tắt	Yêu cầu kết xuất
Màn hình chính	1920x1080 px	Canh giữa	Theo hướng chức năng	Không	Không
Màn hình đăng ký	600x1020 px	Canh giữa	Dạng phiếu Dạng hồ sơ	Không	Không
Màn hình đăng nhập	400x300 px	Canh giữa	Dạng phiếu Dạng hồ sơ	Không	Không
Màn hình admin	1920x1080 px	Canh giữa	Theo hướng chức năng	Không	Không
Màn hình đối tác	1920x1080 px	Canh giữa	Theo hướng chức năng	Không	Không
Màn hình trang chi tiết	1920x1080 px	Canh giữa	Theo hướng chức năng Theo dạng menu	Không	Không
Màn hình Combo	1200x340 px	Canh giữa	Theo hướng chức năng	Không	Không
Màn hình đơn đặt bàn	800x1200 px	Canh giữa	Dạng phiếu Dạng hồ sơ	Không	Không

			Dạng danh sách		
Màn hình đăng ký đối tác	1130x1540 px	Canh giữa	Dạng phiếu Dạng hồ sơ Dạng danh sách	Không	Không

#### 4.1.2. Tiêu chuẩn đối với các yếu tố trên màn hình

Yếu tố	Font type	Font size	Font Color	Canh lè	Kích thước	Hình dạng
Tiêu đề form	Arial	30px	Black	Canh giữa	60px	Text
Label	Arial	18px	Black	Canh trái	20px	Text
Button	Arial	20px	Black	Canh trái/ Canh phải/ Canh giữa	40px	Button
Link	Arial	24px	Black	Canh trái/ Canh phải/ Canh giữa	24px	Text
Ô nhập liệu	Arial	16px	Black	Canh trái	30px	Text/Hint

#### 4.2. Sơ đồ giao diện tổng quát



Hình 42:Sơ đồ giao diện tổng quát

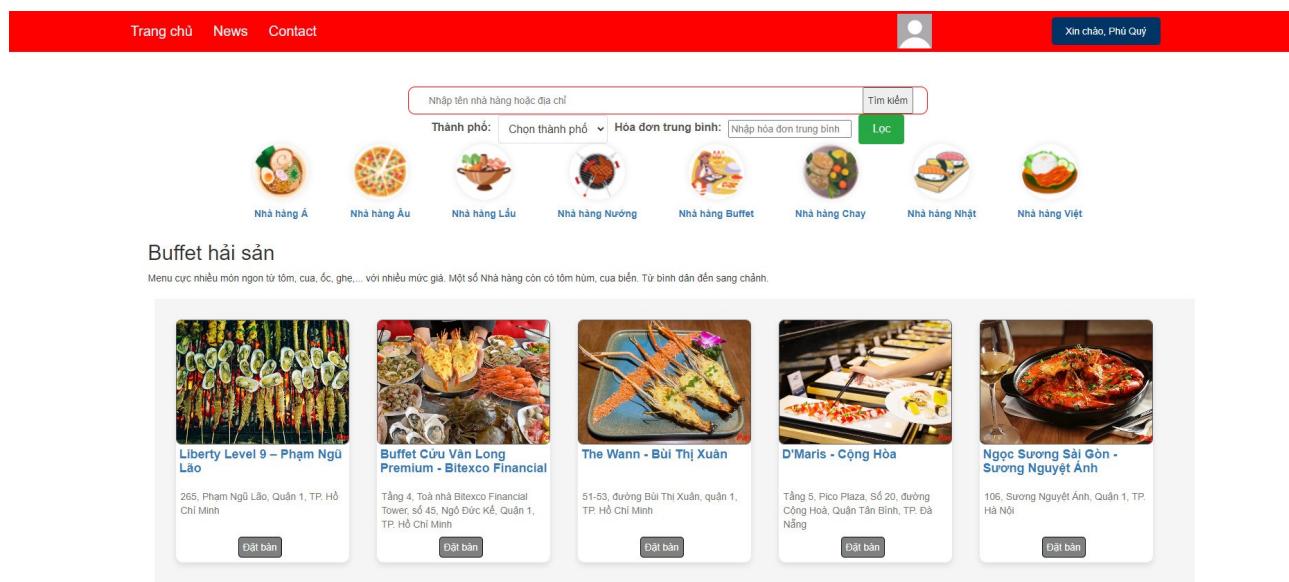
### 4.3. Giao diện chi tiết

#### 4.3.1. Màn hình giao diện Trang chủ

Tên màn hình: Trang chủ

Ý nghĩa: Giao diện được hiển thị khi người dùng vào website

Hình ảnh:



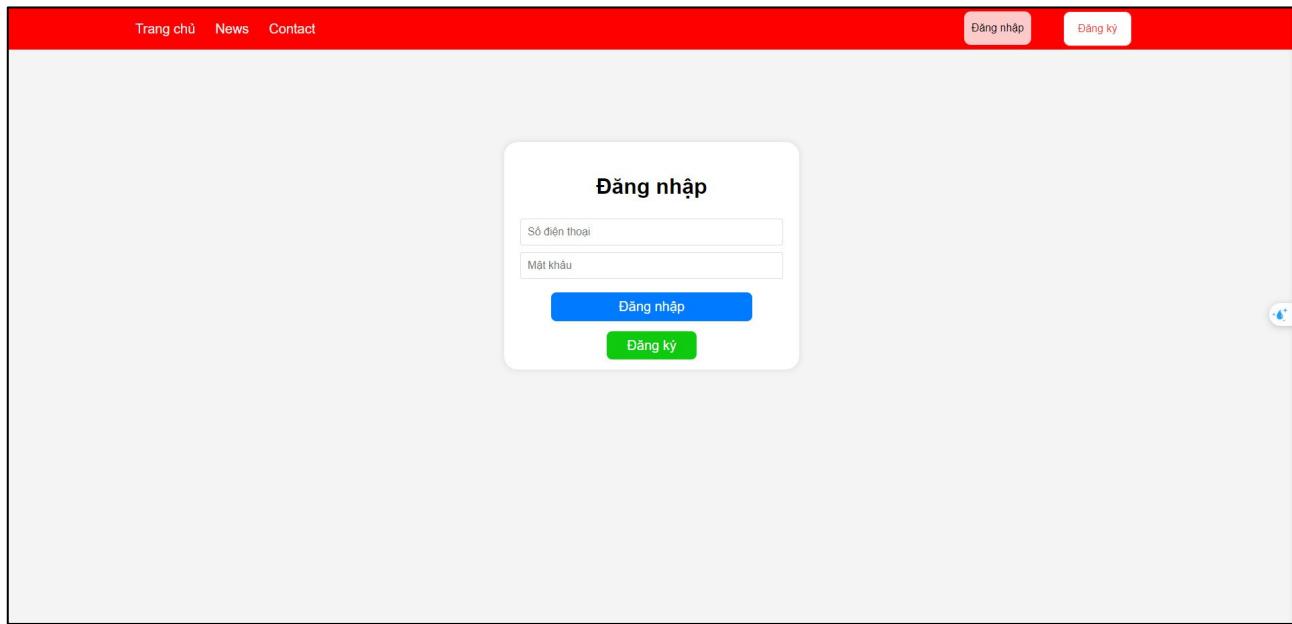
Hình 43: Giao diện trang chủ

#### 4.3.2. Màn hình giao diện Đăng nhập

Tên màn hình: Đăng nhập

Ý nghĩa: Người dùng đăng nhập tài khoản đã đăng ký để đặt bàn

Hình ảnh:



Hình 44: Màn hình giao diện [Đăng nhập]

### 4.3.3. Màn hình giao diện Đăng ký

Tên màn hình: Trang Đăng ký

Ý nghĩa: Người dùng đăng ký tài khoản

Hình ảnh:

The image contains two screenshots of a web-based application interface for user registration. Both screenshots feature a red header bar with navigation links: 'Trang chủ', 'News', 'Contact', 'Đăng nhập', and 'Đăng ký'. The main content area has a white background.

**Screenshot 1 (Top):** This screenshot shows a registration form titled 'Đăng ký người dùng'. It includes fields for: Họ và tên (Name), Số điện thoại (Phone), Email, Mật khẩu (Password), Nhập lại mật khẩu (Re-enter Password), Số nhà (House Number), and Đường (Street). There is also a small blue camera icon in the top right corner of the form area.

**Screenshot 2 (Bottom):** This screenshot shows a more detailed registration form. The fields are: Email, Mật khẩu, Nhập lại mật khẩu, Số nhà, Đường, Quận, Thành phố, and a large green 'Đăng ký' button at the bottom. Below the 'Đăng ký' button, there is a link: 'Bạn đã có tài khoản? [Đăng nhập tại đây](#)'.

Hình 45:Màn hình giao diện [Đăng ký]

### 4.3.4. Màn hình giao diện Trang thông tin tài khoản

**Tên màn hình:** Trang thông tin tài khoản

**Ý nghĩa:** Hiển thị và cho phép người dùng quản lý và chỉnh sửa thông tin tài khoản.

**Hình ảnh:**

*Hình 46:Màn hình giao diện [Trang thông tin tài khoản]*

#### 4.3.5. Màn hình giao diện Trang Quản lý mật khẩu

**Tên màn hình:** Trang Quản lý mật khẩu

**Ý nghĩa:** Chức năng để người dùng thay đổi mật khẩu.

**Hình ảnh:**

Quản Lý Mật Khẩu

Mật khẩu cũ:  
Nhập mật khẩu cũ

Mật khẩu mới:  
Nhập mật khẩu mới

Nhập lại mật khẩu:  
Nhập lại mật khẩu mới

Cập Nhật

*Hình 47:Màn hình giao diện[Trang quản lý mật khẩu]*

#### 4.3.6. Màn hình giao diện Trang Lịch sử đơn đặt chõ

**Tên màn hình:** Trang Lịch sử đơn đặt chõ

**Ý nghĩa:** Hiển thị lịch sử các đơn đặt chõ của người dùng.

**Hình ảnh:**

LỊCH SỬ ĐẶT BÀN									
STT	Tên nhà hàng	Ngày đặt	Giờ đến	Số lượng	Tên Combo	Tên Chi Nhánh	Yêu cầu đặc biệt	Ghi chú	Trạng thái

*Hình 48: Màn hình giao diện [Trang Lịch sử đơn đặt chõ]*

#### 4.3.7. Màn hình giao diện Trang đánh giá

**Tên màn hình:** Trang đánh giá

**Ý nghĩa:** Người dùng có thể đánh giá các đơn đặt chỗ.

**Hình ảnh:**



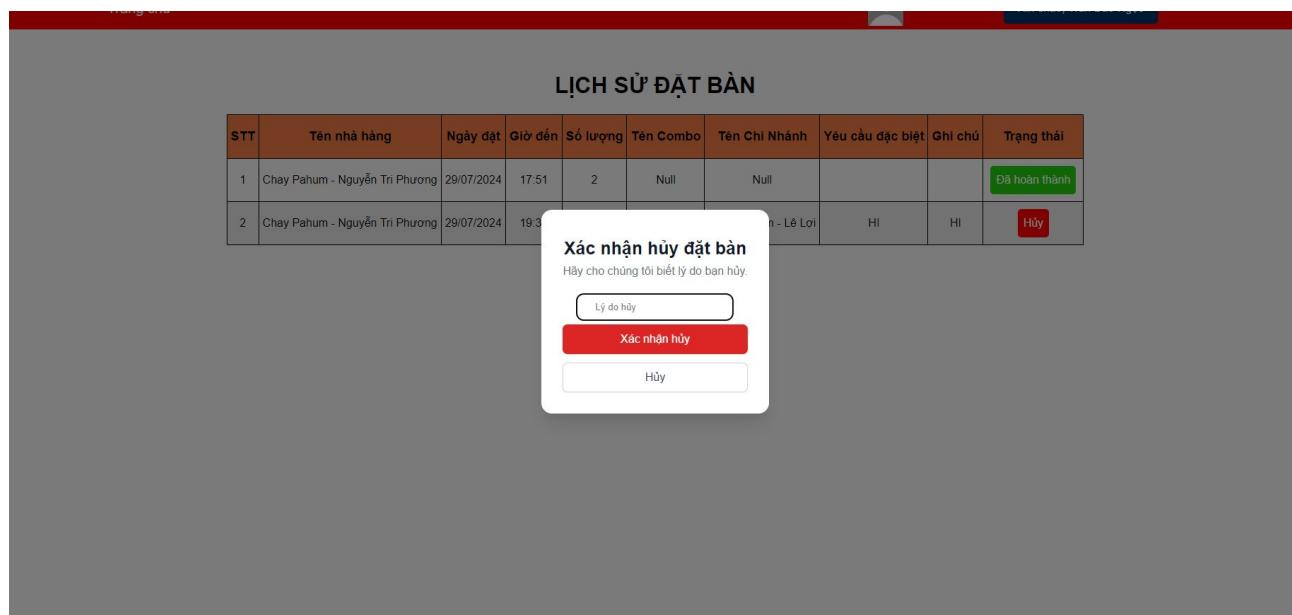
Hình 49: Màn hình giao diện [Trang đánh giá]

### 4.3.8. Màn hình giao diện Trang hủy đơn đặt bàn

**Tên màn hình:** Trang hủy đơn đặt bàn

**Ý nghĩa:** Cho phép người dùng hủy đơn đặt bàn

**Hình ảnh:**



Hình 50: Màn hình giao diện [Trang hủy đơn đặt bàn]

#### 4.3.9. Màn hình giao diện Trang danh sách đối tác

**Tên màn hình:** Trang danh sách đối tác

**Ý nghĩa:** Hiển thị danh sách các đối tác của hệ thống

**Hình ảnh:**

		Trang chủ Admin	Người dùng	Dịch vụ	Đơn Xin Đăng Ký	Loại nhà hàng		
<b>Danh sách Đối Tác</b>								
ID	Tên Nhà Hàng	Địa Chỉ			Giờ mở	Giờ đóng	Ngày Đăng Ký	Hành Động
1	Liberty Level 9 – Phạm Ngũ Lão	265, Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh			10:00:00	22:00:00	2023-07-10	<button>Xem Chi Tiết</button>
2	Buffet Cửu Vân Long Premium - Bitexco Financial	Tầng 4, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 45, Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh			08:00:00	22:00:00	2023-07-10	<button>Xem Chi Tiết</button>
3	The Wann - Bùi Thị Xuân	51-53, đường Bùi Thị Xuân, quận 1, TP.Hồ Chí Minh			18:00:00	23:59:00	2024-07-25	<button>Xem Chi Tiết</button>
4	Lobster Bay - Nhà Hàng Hải Sản Kiểu Mỹ - Kỳ Đồng	10B, đường Kỳ Đồng, quận 3, TP.Hồ Chí Minh			09:00:00	22:00:00	2024-07-25	<button>Xem Chi Tiết</button>
5	King BBQ Buffet – Cao Thắng	58C, đường Cao Thắng, quận 3, TP.Hồ Chí Minh			11:00:00	22:00:00	2024-07-25	<button>Xem Chi Tiết</button>
6	Chay Pahum - Nguyễn Tri Phương	327, đường Nguyễn Tri Phương, quận 10, TP. Hồ Chí Minh			17:00:00	22:00:00	2024-07-25	<button>Xem Chi Tiết</button>
7	D'Maris - Công Hòa	Tầng 5, Pico Plaza, Số 20, đường Công Hòa, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh			11:00:00	22:00:00	2024-07-27	<button>Xem Chi Tiết</button>
8	Ngọc Sương Sài Gòn - Sương Nguyệt Ánh	106, Sương Nguyệt Ánh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh			11:00:00	21:30:00	2024-07-27	<button>Xem Chi Tiết</button>
9	Bếp Thái Koh Yam - Bà Huyền Thanh Quan	Số 24, đường Bà Huyền Thanh Quan, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh			17:30:00	23:00:00	2024-07-27	<button>Xem Chi Tiết</button>

*Hình 51: Màn hình giao diện [Trang đánh giá đối tác]*

#### 4.3.10. Màn hình giao diện Trang xem chi tiết đối tác

**Tên màn hình:** Trang xem chi tiết đối tác

**Ý nghĩa:** Xem chi tiết thông tin từng đối tác.

**Hình ảnh:**

The screenshot displays two stacked sections of a web application interface. The top section is titled 'Chi Tiết Đối Tác' (Detail Partner) and contains fields for partner details like name, address, and contact information. The bottom section is titled 'Thông Tin Người Dùng' (User Information) and contains fields for user details like name, email, and phone number.

Section	Field	Value
Chi Tiết Đối Tác	ID:	1
	Tên Nhà Hàng:	Liberty Level 9 – Phạm Ngũ Lão
	Số Nhà:	265
	Đường:	Phạm Ngũ Lão
	Quận:	Quận 1
	Thành Phố:	TP Hồ Chí Minh
	Mô Tả:	Món đặc sắc: - Hải sản nướng: Tôm nướng, Sò nướng, Cá hồi tẩm nướng muối ớt,... - Lagu/cà ri bò gà, Gà/heo/bò quay, rô ti,... - Món thường: Hòn cuộn các loại, lẩu, các loại bánh bèo, nem, lọc,...
	Liên Kết:	<a href="https://www.facebook.com/">https://www.facebook.com/</a>
	Link Google Map:	<a href="https://www.google.com/maps/place/10.768132,106.692297">https://www.google.com/maps/place/10.768132,106.692297</a>
	Thông Tin Người Dùng	Giờ Mở:
Giờ Đóng:		10:00 PM
Số Chỗ Ngồi:		170
Ảnh Mô Tả:		
Ngày Đăng Ký:		10/07/2023
ID Người Dùng:		4
Tên Người Dùng:		Tran Thị Đối Tác
Email:		tranthib@gmail.com
Số Điện Thoại:		0987654321
<input type="button" value="Xóa đối tác"/> <input type="button" value="Quay lại danh sách"/>		

Hình 52: Màn hình giao diện [Trang Xem chi tiết đối tác]

#### 4.3.11. Màn hình giao diện Trang danh sách người dùng

**Tên màn hình:** Trang danh sách người dùng

**Ý nghĩa:** Hiển thị danh sách người dùng của hệ thống.

**Hình ảnh:**

KHÁCH HÀNG							
Trang chủ Admin	Người dùng	Dịch vụ	Đơn Xin Đăng Ký	Loại nhà hàng	Thống kê		
Tim kiếm theo tên <input type="text"/> <input type="button" value="TÌM KIẾM"/>							
Nguyễn Văn Admin 0123456791 nguyenvana@gmail.com 123 Trần Phú, Hải Châu, Đà Nẵng	Tran Thị Khách Hàng 0987654322 tranthib@gmail.com 456 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Tran Thị Quý 0987654320 tranthib@gmail.com 456 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Tran Thị Đổi Tác 0987654321 tranthib@gmail.com 456 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Phú Quý 0123456789 nhpuqw12123@gmail.com 23 đường, quán, tphcm	Dương Quang Trung 7984561231 duongduongquang@gmail.com 32 Lê Lợi, 1, HCM	Bành Thị Buổi 7418529631 banhbui@gmail.com 56 Quang Trung, 8, Hồ Chí Minh	Phạm Trần Kiều Vy 9636932148 vykieutranpham@gmail.com 42 Lê Quang Trung, 7, Hồ Chí Minh
<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a>
Bùi Quang Tiến 5689101530 tienbuil@gmail.com 94 Trường Chinh, Gò Vấp, TP HCM	Lê Văn Anh 0971488779 anhvanle@gmail.com 32 Thanh Quang, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Lương Tiến Đạt 0879416003 datluong@gmail.com 56 Lê Lợi, 1, TP. Hồ Chí Minh	Lê Khôi 0901496175 khoile@gmail.com 45 Quang Trung, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Trần Bảo Ngọc 0933802549 baongoctran@gmail.com 76 Hồng Bàng, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh			
<a href="#">Chi tiết người dùng</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a>	<a href="#">Chi tiết người dùng</a>			

Hình 53: Màn hình giao diện [Trang Xem chi tiết đối tác]

### 4.3.12. Màn hình giao diện Trang danh sách dịch vụ

**Tên màn hình:** Trang danh sách dịch vụ

**Ý nghĩa:** Quản lý danh sách các dịch vụ được cung cấp.

**Hình ảnh:**

ID	Nội Dung	Số Lượng	Giá Dịch Vụ	Thao Tác
1	Gói VIP 1	0	3000000.0	<button>Sửa</button> <button>Xóa</button>
2	Gói VIP 2	0	2000000.0	<button>Sửa</button> <button>Xóa</button>
3	Gói VIP 3	0	1500000.0	<button>Sửa</button> <button>Xóa</button>
4	Gói VIP 4	0	1000000.0	<button>Sửa</button> <button>Xóa</button>

Hình 54: Màn hình giao diện [Trang Danh sách dịch vụ]

### 4.3.13. Màn hình giao diện Trang danh sách đơn xin đăng ký

**Tên màn hình:** Trang danh sách đơn xin đăng ký

**Ý nghĩa:** Quản lý các đơn xin đăng ký từ đối tác mới.

**Hình ảnh:**

Danh sách Xin Gia Nhập Đối Tác						
ID	Tên Nhà Hàng	Địa Chỉ	Giờ mở	Giờ đóng	Ngày Đăng Ký	Hành Động
10	Chay Araham - Nguyễn Thị Minh Khai	Số 288, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	08:00:00	22:00:00	2024-07-27	<button>Xem Chi Tiết</button>

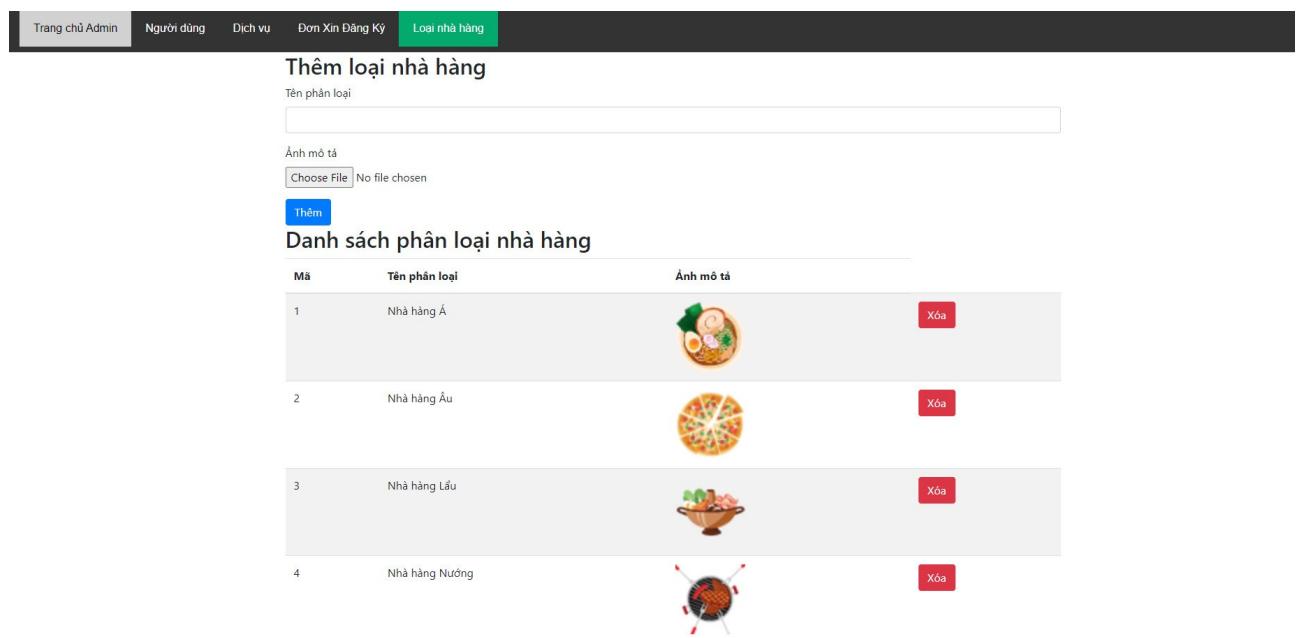
Hình 55: Màn hình giao diện [Trang Danh sách đơn xin đăng ký]

### 4.3.14. Màn hình giao diện Trang danh sách loại nhà hàng

**Tên màn hình:** Trang danh sách loại nhà hàng

**Ý nghĩa:** Quản lý các loại nhà hàng có trong hệ thống.

**Hình ảnh:**



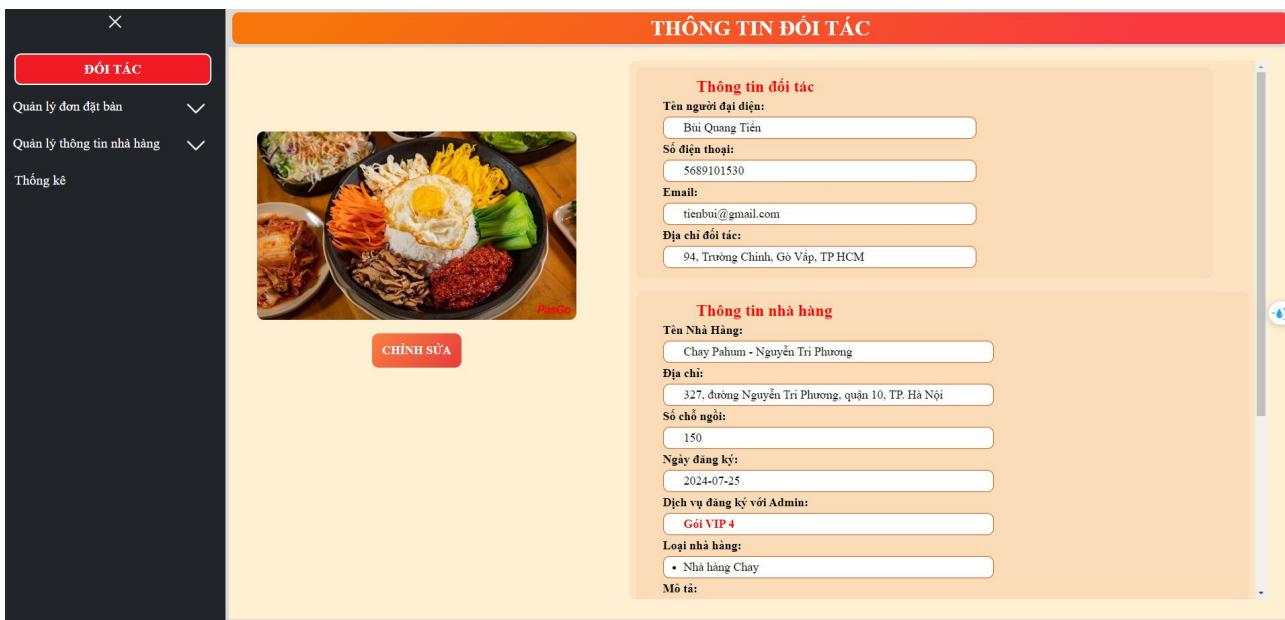
Hình 56: Màn hình giao diện [Trang Danh sách các loại nhà hàng]

#### 4.3.15. Màn hình giao diện Trang thông tin đối tác

**Tên màn hình:** Trang thông tin đối tác

**Ý nghĩa:** Xem thông tin và chỉnh sửa thông tin đối tác.

**Hình ảnh:**



Hình 57: Màn hình giao diện [Trang thông tin đối tác]

#### 4.3.16. Màn hình giao diện Trang chỉnh sửa bài viết đối tác

**Tên màn hình:** Trang chỉnh sửa bài viết đối tác

**Ý nghĩa:** Form để chỉnh sửa bài viết đối tác.

**Hình ảnh:**



Hình 58: Màn hình giao diện [Trang Chỉnh sửa bài viết đối tác]

### 4.3.17. Màn hình giao diện Trang đơn chờ xác nhận

**Tên màn hình:** Trang đơn chờ xác nhận

**Ý nghĩa:** Quản lý các đơn đặt chỗ đang chờ xác nhận.

**Hình ảnh:**



Hình 59: Màn hình giao diện [Trang Đơn chờ xác nhận]

#### 4.3.18. Màn hình giao diện Trang đơn đã xác nhận

Tên màn hình: Trang đơn đã xác nhận

Ý nghĩa: Quản lý các đơn đặt chỗ đã được xác nhận.

Hình ảnh:



Hình 60: Màn hình giao diện [Trang Đơn đã xác nhận]

### 4.3.19. Màn hình giao diện Trang đơn đã hoàn thành

**Tên màn hình:** Trang đơn đã hoàn thành

**Ý nghĩa:** Quản lý các đơn đặt chỗ đã hoàn thành.

**Hình ảnh:**



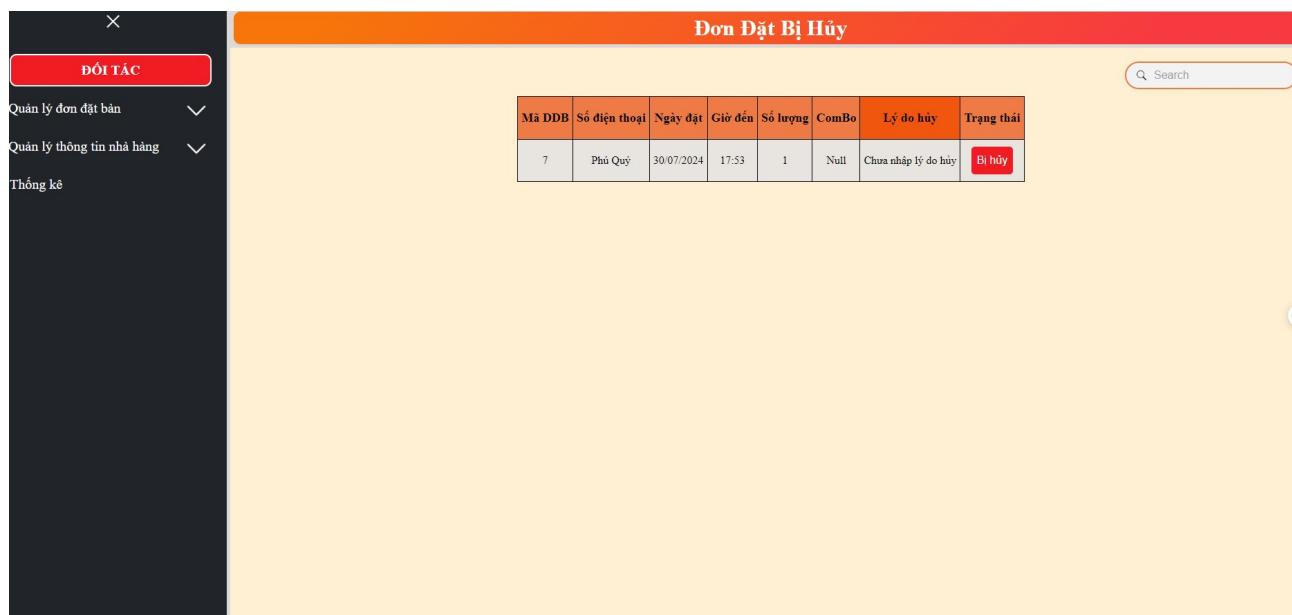
Hình 61: Màn hình giao diện [Trang Đơn đã hoàn thành]

#### 4.3.20. Màn hình giao diện Trang đơn bị hủy

Tên màn hình: Trang đơn bị hủy

Ý nghĩa: Quản lý các đơn đặt chỗ đã bị hủy.

Hình ảnh:



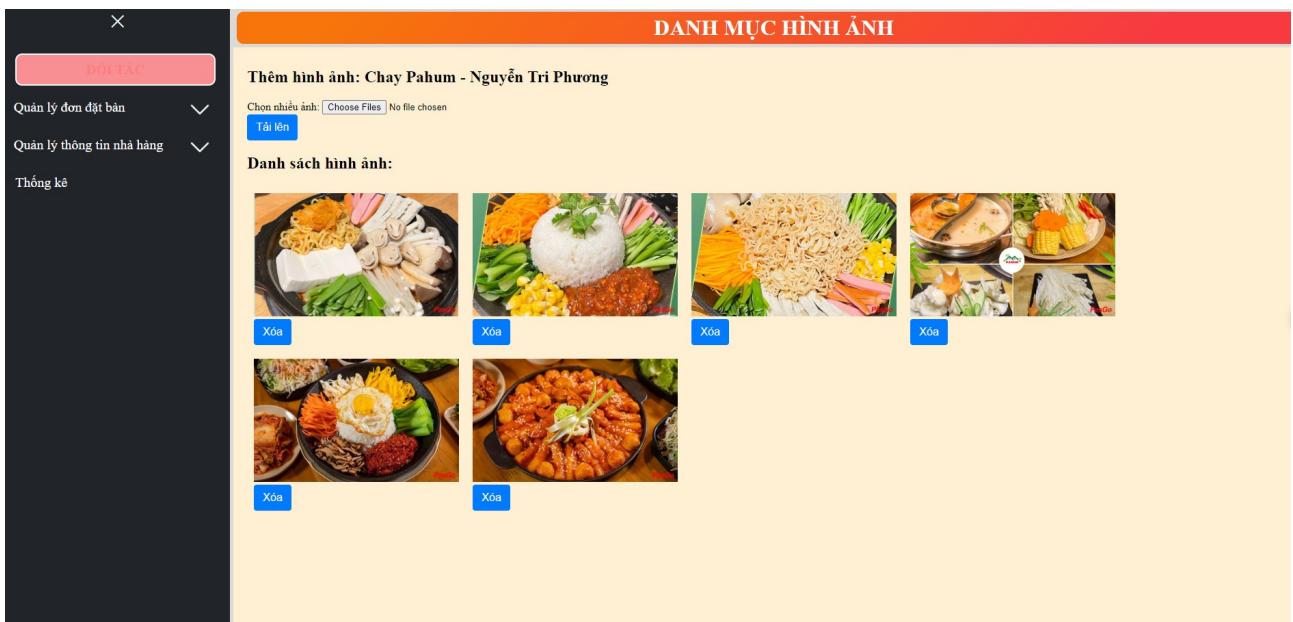
Hình 62 : Màn hình giao diện [Trang Đơn bị hủy]

#### 4.3.21. Màn hình giao diện Trang thêm hình ảnh

**Tên màn hình:** Trang thêm hình ảnh

**Ý nghĩa:** Cho phép thêm hình ảnh vào bài viết

**Hình ảnh:**



Hình 63: Màn hình giao diện [Trang Thêm hình ảnh]

### 4.3.22. Màn hình giao diện Trang quản lý chi nhánh

**Tên màn hình:** Trang quản lý chi nhánh

**Ý nghĩa:** Quản lý các chi nhánh của đối tác.

**Hình ảnh:**

THÔNG TIN CHI NHÁNH

Thêm Chi Nhánh Mới

Tên Chi Nhánh:  
Chay Pahum - Nguyễn Văn Cù

Địa chỉ:  
78

Tên Đường:  
Nguyễn Văn Cù

Tên Quận:  
Quận 8

Tên Thành Phố:  
TP. Hồ Chí Minh

Số Chỗ Ngồi của nhà hàng:  
116

Lưu

Danh sách Chi Nhánh

Mã Chi Nhánh	Tên Chi Nhánh	Địa Chỉ	Số Chỗ Ngồi	Mã ĐT	Thao tác
--------------	---------------	---------	-------------	-------	----------

Hình 64: Màn hình giao diện [Trang Quản lý chi nhánh]

#### 4.3.23. Màn hình giao diện Trang quản lý combo món ăn

**Tên màn hình:** Trang quản lý combo món ăn

**Ý nghĩa:** Quản lý các combo món ăn do đối tác cung cấp.

**Hình ảnh:**

Mã Combo	Tên Combo	Mô Tả	Giá Tiền	Số Lượng Người	Mã ĐT	Thao tác
4	Lẩu abc	Ngon đó	50000.0	3	2	<span style="color: green;">Sửa</span> <span style="color: red;">Xóa</span>

Hình 65: Màn hình giao diện [Trang Quản lý combo món ăn]

#### 4.3.24. Màn hình giao diện Trang thống kê

Tên màn hình: Trang thống kê

Ý nghĩa: Hiển thị thông kê hoạt động của đối tác.

Hình ảnh:

Năm	Tháng	Số lượng đơn	Tổng doanh thu
2022	1	1	0 VND
2022	2	1	2,000 VND
2022	12	2	0 VND
2023	2	1	15,000,000 VND
2023	6	1	0 VND
2023	11	1	0 VND
2024	1	1	0 VND
2024	3	1	5,000,000 VND
2024	7	8	8,041,000 VND
2024	8	1	0 VND

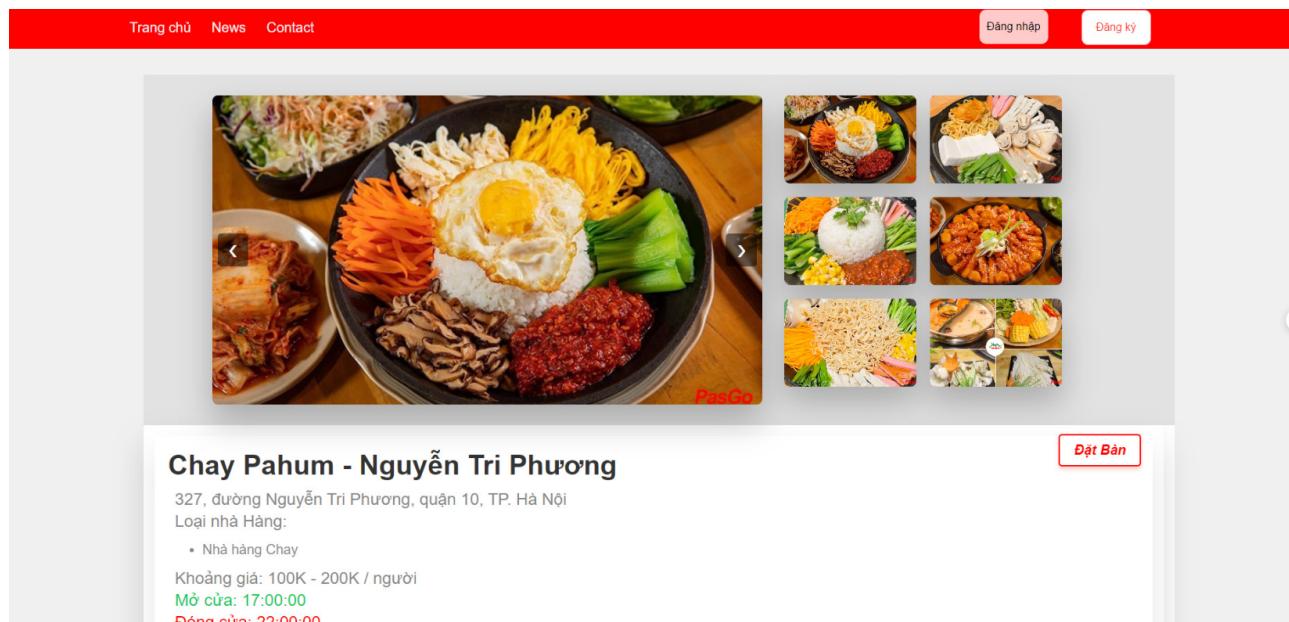
Hình 66: Màn hình giao diện [Trang thống kê]

#### 4.3.25. Màn hình giao diện Trang chi tiết nhà hàng

**Tên màn hình:** Trang chi tiết nhà hàng

**Ý nghĩa:** Người dùng xem chi tiết các nội dung.

**Hình ảnh:**



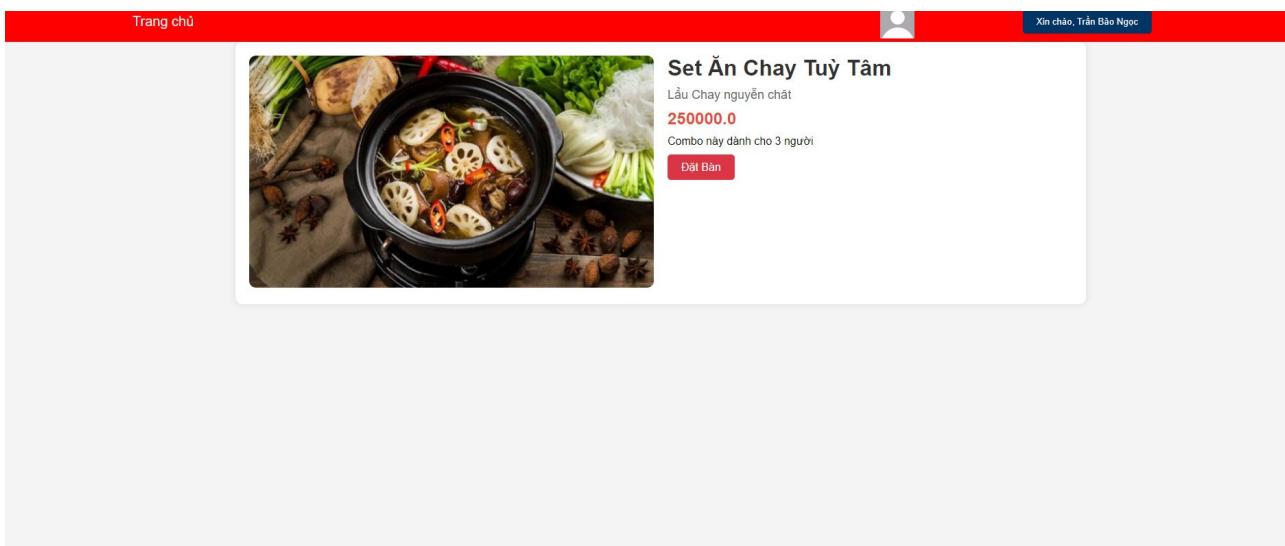
*Hình 67: Màn hình giao diện [Trang Chi tiết nhà hàng]*

#### 4.3.26. Màn hình giao diện Trang combo

Tên màn hình: Trang combo

Ý nghĩa: Hiển thị các combo món ăn của nhà hàng.

Hình ảnh:



Hình 68: Màn hình giao diện [Trang Combo]

#### 4.3.27. Màn hình giao diện Trang đặt bàn

**Tên màn hình:** Trang đặt bàn

**Ý nghĩa:** Form để người dùng đặt bàn tại nhà hàng.

**Hình ảnh:**

The screenshot shows a user interface for a restaurant reservation system. At the top, it displays the title 'ĐẶT BÀN NHÀ HÀNG' and the subtitle 'The Wann - Bùi Thị Xuân'. Below this, there is a large rectangular input field labeled 'Thông tin đặt bàn' containing several input fields for guest information: 'Tên khách hàng' (Trần Bảo Ngọc), 'Số điện thoại' (0933802549), 'Tên nhà hàng' (The Wann - Bùi Thị Xuân), and 'Địa chỉ nhà hàng' (51-53, đường Bùi Thị Xuân, quận 1, TP. Hồ Chí Minh). Below this main input field, there are two smaller input fields: 'Ngày quý khách muốn đặt' (27/07/2024) and 'Thời gian quý khách đến' (07:39:13 PM).

Hình 69: Màn hình giao diện [Trang Đặt bàn]

#### 4.3.28. Màn hình giao diện Trang đặt bàn thành công

**Tên màn hình:** Trang đặt bàn thành công

**Ý nghĩa:** Xác nhận đặt bàn thành công và cung cấp thông tin chi tiết.

**Hình ảnh:**



*Hình 70: Màn hình giao diện [Trang Đặt bàn thành công]*

#### 4.3.29. Màn hình giao diện Trang đăng ký đối tác

**Tên màn hình:** Trang đăng ký đối tác

**Ý nghĩa:** Giao diện để các nhà hàng và doanh nghiệp đăng ký trở thành đối tác của hệ thống.

**Hình ảnh:**

The screenshot shows a registration form titled 'Đăng ký Đối tác' (Registration). The form fields are as follows:

- Tên Nhà Hàng**: Input field with placeholder '(vd: Nhà Hàng A)'.
- Mô Tả**: Input field with placeholder '(vd: Nhà hàng chuyên về ĐẶC SẢN BÒ TƠ mềm, ngọt, non, sạch... mang tới những trải nghiệm ẩm thực trọn vẹn trong không gian phố xưa náo nhiệt.)'.
- Địa Chỉ Nhà Hàng**: Input field with placeholder '(vd: 19/4)'.
- Đường**: Input field with placeholder '(vd: đường Phạm Văn Đồng)'.
- Quận**: Input field with placeholder '(vd: quận 2)'.
- Thành Phố**: Input field with placeholder '(vd: TP.Hồ Chí Minh)'.
- Link Facebook Của Nhà Hàng**: Input field with placeholder '(vd: facebook.com/...)'.
- Link Google Map Của Nhà Hàng**: Input field with placeholder '(vd: google.com/maps/...)'.

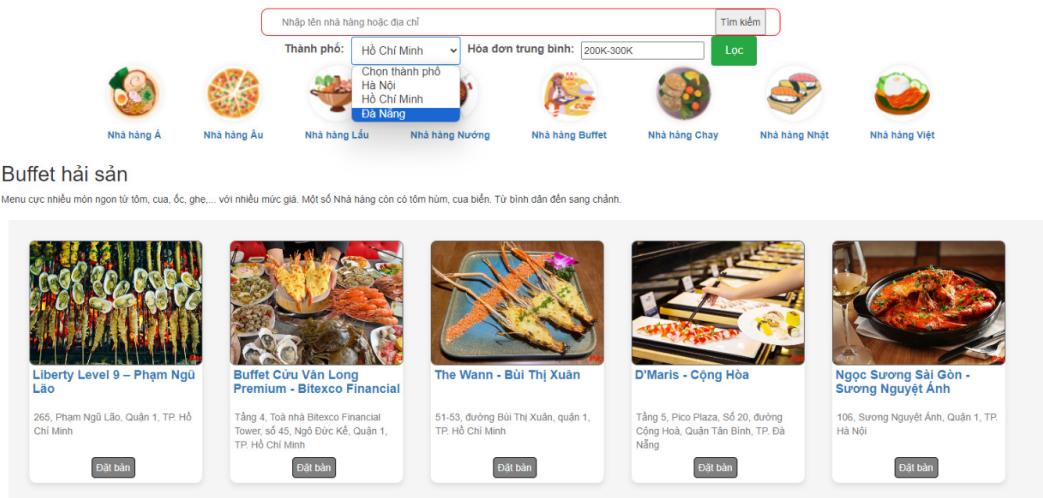
*Hình 71: Màn hình giao diện [Trang Đăng ký đối tác]*

### 4.3.30. Màn hình giao diện Trang lọc

**Tên màn hình:** Trang lọc

**Ý nghĩa:** Cho phép người dùng lọc kết quả tìm kiếm theo các tiêu chí khác nhau.

**Hình ảnh:**



Nhà Hàng da dạng giá. Ưu đãi bất ngờ!

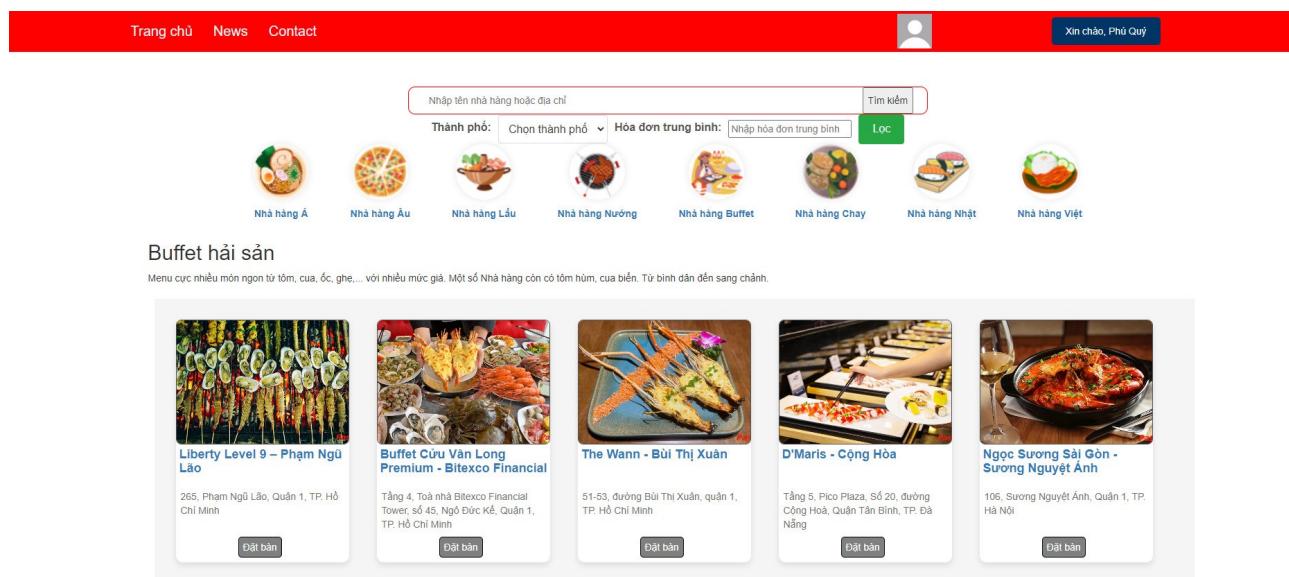
*Hình 72: Màn hình giao diện [Trang Lọc]*

### 4.3.31. Màn hình giao diện Trang tìm kiếm

**Tên màn hình:** Trang tìm kiếm

**Ý nghĩa:** Cho phép người dùng tìm kiếm nhà hàng và dịch vụ.

**Hình ảnh:**



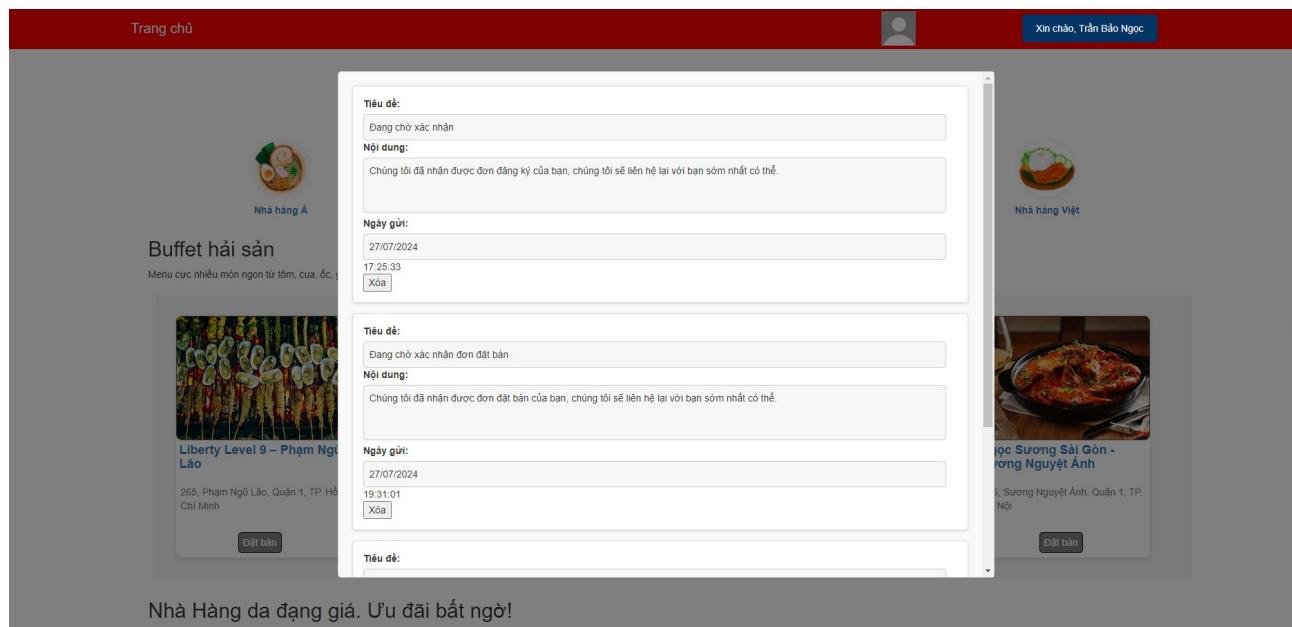
Hình 73: Màn hình giao diện [Trang Tìm kiếm]

### 4.3.32. Màn hình giao diện Trang thông báo

**Tên màn hình:** Trang thông báo

**Ý nghĩa:** Hiển thị thông báo từ hệ thống đến người dùng.

**Hình ảnh:**



Hình 74: Màn hình giao diện [Trang Thông báo]

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

TT	Nội dung thực hiện	Lê Văn Anh	Nguyễn Thị Thùy Dương	Lương Tiến Đạt	Nguyễn Huỳnh Phú Quý	Lê Văn Thiện
1	Chương 1	15%	15%	15%	15%	40%
2	Chương 2	10%	20%	10%	10%	50%
3	Chương 3	20%	5%	45%	10%	20%
4	Chương 4	10%	5%	10%	10%	65%
5	Code	30%	13%	30%	22%	5%
6	Kết luận	20%	20%	20%	20%	20%